

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



KHAM PHA PANMALAYTHONG

HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN THANH TOÁN
KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CỦA KHO BẠC QUỐC GIA LÀO

Chuyên ngành: Kinh tế, Tài chính Ngân hàng

Mã số: 62.31.12.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. NGUYỄN VĂN NAM

HÀ NỘI - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Thủ đô Viêng Chăn, ngày 29 tháng 6 năm 2011

Nghiên cứu sinh

Kham Pha PANMALAYTHONG

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	ii
DANH MỤC CỤM TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	ix
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT.....	5
1.1. Tổng quan về thanh toán không dùng tiền mặt	5
1.1.1 Sự cần thiết của thanh toán không dùng tiền mặt	5
1.1.2. Khái niệm thanh toán không dùng tiền mặt	6
1.1.3. Các chủ thể tham gia hệ thống thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.	7
1.1.4. Tổng quan về hệ thống thanh toán	8
1.1.5. Những yêu cầu của thanh toán không dùng tiền mặt	9
1.2. Các phương thức và phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	11
1.2.1. Vai trò thanh toán không dùng tiền mặt.....	11
1.2.2. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.	13
1.2.3. Các phương tiện thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	18
1.3. Quy trình cấp phát, thanh toán các khoản thu, chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc.....	25
1.3.1. Quy trình cấp phát, thanh toán các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc.....	25
1.3.2. Quy trình thu Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Quốc gia.....	30
1.4. Các nhân tố tác động đến thanh toán không dùng tiền mặt	32
1.4.1. Nhân tố chủ quan.....	32
1.4.2. Nhân tố khách quan.....	33
1.5. Kinh nghiệm thanh toán không dùng tiền mặt của một số nước trên thế giới và bài học rút ra đối với Lào	36

Kết luận chương 1	46
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT	
CỦA KHO BẠC QUỐC GIA LÀO	47
2.1. Khái quát tình hình hoạt động của Kho bạc Quốc gia Lào.....	47
2.1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Kho bạc Quốc gia Lào	47
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Kho bạc Quốc gia Lào	48
2.1.3. Năm Ngân sách của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	51
2.1.4. Hoạt động của Kho bạc Quốc gia Lào	51
2.2. Thực trạng tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc	
Quốc gia Lào	60
2.2.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.....	60
2.2.2. Các chủ thể liên quan thanh toán với Kho bạc Quốc gia	62
2.2.3. Quản lý điều hoà vốn	63
2.2.4. Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý nợ của Kho bạc Quốc gia Lào	64
2.2.5. Thực trạng sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào	65
2.2.6. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào	72
2.3. Đánh giá thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc	
Quốc gia Lào	80
2.3.1. Kết quả đạt được	80
2.3.2. Những hạn chế.....	82
2.3.3. Nguyên nhân	86
2.3.4. Những thiệt hại của thanh toán hiện tại đối với nền kinh tế	88
Kết luận chương 2	90

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CỦA KHO BẠC QUỐC GIA LÀO.....	91
3.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt và chiến lược phát triển Kho bạc Quốc gia Lào đến năm 2020.....	91
3.1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt.....	91
3.1.2. Mục tiêu hoàn thiện thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	92
3.1.3. Mục tiêu phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.....	93
3.1.4. Chiến lược phát triển Kho bạc Quốc gia Lào đến năm 2020	95
3.2. Các giải pháp hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào	97
3.2.1. Cải tiến các phương tiện thanh toán theo hướng thuận tiện và đơn giản hóa các thủ tục.....	97
3.2.2. Đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu thanh toán:.....	101
3.2.3. Tăng cường tuyên truyền	102
3.2.4. Cải tiến phần mềm kế toán.....	103
3.2.5. Hợp tác đa ngành.....	103
3.2.6. Hoàn thiện, phát triển thanh toán của Kho bạc Quốc gia Lào	105
3.2.7. Hiện đại hóa công nghệ thanh toán	107
3.2.8. Xây dựng cơ chế tính phí dịch vụ thanh toán hợp lý	112
3.3. Một số kiến nghị với Chính phủ và các bộ ngành liên quan	113
3.3.1. Kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước	113
3.3.2. Kiến nghị với các ban ngành liên quan	118
Kết luận chương 3	120
KẾT LUẬN	121
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ.....	126

DANH MỤC CỤM TỪ VIẾT TẮT

-	ATM	: Máy rút tiền tự động
-	CHDCND	: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân
-	CNTT	: Công nghệ thông tin
-	ĐTXDCB	: Đầu tư xây dựng cơ bản
-	HTTT	: Hệ thống thanh toán
-	KBQG	: Kho bạc Quốc gia
-	KBNN	: Kho bạc Nhà nước
-	KBTƯ	: Kho bạc Trung ương
-	LKB	: Liên Kho bạc
-	NSNN	: Ngân sách Nhà nước
-	NHTW	: Ngân hàng Trung ương
-	NHTM	: Ngân hàng thương mại
-	NHTMQĐ	: Ngân hàng thương mại Quốc doanh
-	NH	: Ngân hàng
-	TTĐT	: Thanh toán điện tử
-	TTKDTM	: Thanh toán không dùng tiền mặt
-	TTBTM	: Thanh toán bằng tiền mặt
-	TCCƯDVTT	: Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán
-	TTBT	: Thanh toán bù trừ
-	TTD	: Thẻ tín dụng
-	TƯBTM	: Tạm ứng bằng tiền mặt
-	UNT	: Ủy nhiệm thu
-	UNC	: Ủy nhiệm chi

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1:	Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý chi NSNN.....	51
Bảng 2.2:	Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thu NSNN	53
Bảng 2.3:	Tình hình chi lương không dùng tiền mặt cho cán bộ công chức qua Kho bạc Quốc gia Lào	55
Bảng 2.4:	Tình hình thanh toán của KBQG Lào	66
Bảng 2.5:	Tình hình sử dụng các phương tiện TTKDTM tại KBQG năm 2005/2006 – 2009/2010	67
Bảng 2.6:	Tình hình thanh toán séc.....	70
Bảng 2.7:	Tình hình thực hiện các phương thức thanh toán tại KBQG năm tài khóa 2005/2006 – 2009/2010	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1:	Luân chuyển chứng từ và xử lý thanh, quyết toán bù trừ ròng ...	14
Sơ đồ 1.2:	Luân chuyển chứng từ và xử lý thanh, quyết toán của hệ thống thanh toán tổng tức thời.....	16
Sơ đồ 1.3:	Quy trình thanh toán ủy nhiệm chi.....	20
Sơ đồ 1.4:	Quy trình thanh toán ủy nhiệm thu.....	22
Sơ đồ 1.5:	Quy trình thanh toán thư tín dụng	24
Sơ đồ 2.1:	Tổ chức bộ máy của KBQG Lào (hay còn gọi là Vụ Kho bạc Quốc gia)	47
Sơ đồ 2.2:	Tổ chức bộ máy của Kho bạc tỉnh.....	48
Sơ đồ 2.3:	Quy trình thanh toán bù trừ chứng từ giấy	79
Sơ đồ 3.1:	Quy trình thanh toán điện tử Kho bạc	94
Sơ đồ 3.2:	Quy trình cải tiến thanh toán Ủy nhiệm thu :	99
Sơ đồ 3.3:	Quy trình thanh toán điện tử cần cải tiến như sau.....	105
Sơ đồ 3.4:	Mô hình tổng thể hệ thống thanh toán.....	111

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1:	Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý chi NSNN	52
Biểu đồ 2.2:	Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thu NSNN	54
Biểu đồ 2.3:	Tình hình chi lương không dùng tiền mặt cho cán bộ công chức qua Kho bạc Quốc gia Lào	55
Biểu đồ 2.4:	Tình hình thanh toán của KBQG	66
Biểu đồ 2.5:	Tình hình sử dụng các phương tiện TTKDTM tại KBQG năm 225/2006 – 2009/2010	67
Biểu đồ 2.6:	Tình hình thực hiện các phương thức thanh toán tại KBQG Lào	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với tư cách là Ngân hàng Chính phủ, Kho bạc Quốc gia là một thành viên tham gia vào hệ thống thanh toán của nền kinh tế và cung ứng cho các đơn vị, cá nhân các dịch vụ về thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia có tác dụng rất lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với quản lý Ngân sách Nhà nước nói riêng. Nó giúp cho Kho bạc Quốc gia tập trung nhanh chóng các khoản thu Ngân sách Nhà nước (NSNN), chi Ngân sách Nhà nước kịp thời và trực tiếp tới các đơn vị thụ hưởng Ngân sách, hạn chế các hiện tượng tiêu cực, loại bỏ tình trạng căng thẳng giả tạo của Ngân sách các cấp, thúc đẩy sự vận động của hàng hóa, lành mạnh hóa quá trình lưu thông tiền tệ, phù hợp với nền kinh tế hiện đại của khu vực và thế giới mà Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đang trong quá trình hội nhập.

Thanh toán của Kho bạc Quốc gia Lào nói riêng và của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào nói chung còn nhiều bất cập, chưa theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các phương tiện thanh toán đang áp dụng tại Kho bạc Quốc gia (KBQG) Lào với số lượng ít, chất lượng chưa cao, các phương thức thanh toán, các văn bản pháp lý đảm bảo cho quá trình thanh toán còn nhiều bất cập, công nghệ chưa phù hợp, trình độ cán bộ còn hạn chế. Chi bằng tiền mặt còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi Ngân sách Nhà nước. Do đó chi Ngân sách Nhà nước Lào chưa thực sự theo đúng tiến độ công việc, tiền mặt bị phân tán nhiều ở các quỹ của các đơn vị thụ hưởng Ngân sách Nhà nước dễ dẫn đến việc sử dụng sai nguyên tắc tài chính. Thu ngân sách bằng tiền mặt còn chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến quản lý thu thuế lỏng lẻo, thất thu thuế, chi phí cho việc thu thuế lớn, quản lý quỹ ngân sách chưa thực sự hiệu quả. Các văn bản quy định về TTKDTM còn hạn chế và chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc thực hiện. Việc nghiên cứu, tìm ra các giải pháp để hoàn thiện và phát triển TTKDTM của Kho bạc Quốc gia Lào hiện nay là một vấn đề rất

cấp thiết nhưng chưa có ai nghiên cứu. Do đó tác giả chọn đề tài : “***Hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào***” để nghiên cứu và viết luận án.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu của đề tài.

Tiền tệ với bản chất là một loại hàng hoá đặc biệt, làm trung gian, môi giới trong lưu thông, thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chức năng thanh toán của tiền tệ được thực hiện dưới hai hình thức: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt, giữa chúng luôn có mối quan hệ tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau [27].

Chúng tỏ rằng do yêu cầu khách quan của các khoản thanh toán trong nền kinh tế mà nên lựa chọn một hình thức thanh toán tiền tệ hợp lý. Thực tế đòi hỏi phải nhận thức và vận dụng để đảm bảo cho chu chuyển tiền tệ phát huy được tác dụng tích cực của nó.

Trong mọi trường hợp, không phải bất cứ lúc nào việc thanh toán bằng chuyển khoản (hoặc bằng tiền mặt) đều được sử dụng một cách triệt để. Vấn đề ở chỗ là cần phải vận dụng một cách linh hoạt và mềm dẻo trên cơ sở phân đấu để giảm đến mức tối thiểu các khoản thanh toán trực tiếp tiền mặt.

Hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc là đề tài được công bố dưới nhiều hình thức khác nhau ở Việt Nam và các nước trên thế giới, chẳng hạn như :

Luận án thạc sỹ kinh tế “ *Giải pháp để mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam*” của Nguyễn Thị Thanh Hải, Học viện Ngân hàng Việt Nam [34]

Luận án thạc sỹ kinh tế “ *Mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt dựa trên nền tảng công nghệ thông tin tại Ngân hàng Thái Bình* ” của Nguyễn Ngọc Sâm, Học viện Ngân hàng Việt Nam [33]

Luận án tiến sỹ kinh tế “*Hoàn thiện cơ chế phân cấp ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*” của tác giả Phạm Đức Hồng, trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, năm 2002 [37]

Luận án tiến sĩ kinh tế “*Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước*” của tác giả Nguyễn Việt Cường, trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, năm 2001 [36]

Luận án thạc sĩ “*Các biện pháp tăng cường quản lý thu, chi ngân sách các tỉnh duyên hải miền Trung*” của tác giả Phan Văn Dũng, năm 2001 [38]

Song, ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, định hướng về việc hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và hiện đại hóa hệ thống thanh toán để từng bước hội nhập quốc tế. Thời gian qua các công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề tài chính – tiền tệ và thanh toán còn rất ít. Đặc biệt chưa có đề tài nào nghiên cứu sâu, toàn diện về hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nói chung và tại Kho bạc Quốc gia Lào nói riêng. Vì vậy, đề tài luận án không có sự trùng lặp với các công trình đã công bố tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài :

Một là : Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thanh toán không dùng tiền mặt tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mà trong đó có Kho bạc Nhà nước để làm cơ sở lý luận được sử dụng vào việc phân tích, đánh giá thực trạng ở chương hai.

Hai là : Tìm hiểu kinh nghiệm thanh toán không dùng tiền mặt của một số nước trên thế giới và rút ra những bài học kinh nghiệm vận dụng ở Lào.

Ba là : Đánh giá khái quát thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào, từ đó rút ra những mặt được, chưa được và nguyên nhân tồn tại.

Bốn là : Đề xuất những giải pháp và kiến nghị đối với Bộ, ngành liên quan nhằm hoàn thiện và phát triển TTKDTM tại Kho bạc Quốc gia Lào.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :

Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong đó có Kho bạc Nhà nước, nghiên cứu thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào,

các phương thức, phương tiện TTKDTM chủ yếu đang thực hiện tại KBQG Lào hiện nay và triển vọng phát triển trong tương lai. Số liệu và tình hình thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào mà đề tài tập trung phân tích trong vòng 5 năm từ năm tài khóa 2005/2006 đến năm 2009/2010 trên giác độ Kho bạc Quốc gia cũng như Chính phủ.

Tham khảo các tài liệu trong và ngoài nước thanh toán không dùng tiền mặt qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để rút ra những kinh nghiệm phù hợp vận dụng vào thực tiễn thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.

5. Các phương pháp nghiên cứu :

Luận án sử dụng biện pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, khái quát hóa, hệ thống hóa. Quá trình nghiên cứu có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

6. Kết cấu luận án :

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu thành 3 chương, trong đó :

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về thanh toán không dùng tiền mặt.

Chương 2: Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào.

Chương 3 : Một số giải pháp hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

1.1. Tổng quan về thanh toán không dùng tiền mặt

1.1.1 Sự cần thiết của thanh toán không dùng tiền mặt

Thanh toán vừa là khâu mở đầu vừa là khâu kết thúc của quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa [*Wikipede, truy cập : 15/3/2011*]. Chính vì vậy để hoà chung với nhịp độ tăng trưởng không ngừng của sản xuất và lưu thông hàng hóa thì các phương tiện thanh toán cũng phải không ngừng được đổi mới và hiện đại.

Nền kinh tế phát triển, có nhiều thành phần kinh tế tham gia thanh toán bằng tiền mặt, không đảm bảo tính an toàn cho người trả tiền và người nhận tiền, tiếp đó là chi phí in ấn, vận chuyển rất lớn. Vấn đề quan trọng nữa là khoảng cách giữa người bán và người mua nhiều khi rất xa nhau. Do đó thanh toán bằng tiền mặt đã không thể đáp ứng được yêu cầu. Từ thực tế khách quan đó, phương thức TTKDTM được hình thành, nó khắc phục những hạn chế của thanh toán bằng tiền mặt đồng thời có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa của nền kinh tế.

Thanh toán bằng tiền mặt tạo kẽ hở cho các đơn vị bán không chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ, dễ trốn thuế, làm giảm thu NSNN. Khó kiểm soát về mục đích, đối tượng các khoản chi. Thanh toán không dùng tiền mặt là thanh toán trực tiếp đến đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chi theo tiến độ thực hiện công việc của đơn vị. Tồn quỹ của ngân sách các cấp không bị phân tán vào tồn quỹ của đơn vị, tồn ngân Kho bạc Ưuốc gia giảm hợp lý luôn đảm bảo khả năng thanh toán chi trả.

Thanh toán bằng tiền mặt có tốc độ không cao vì TTBTM luôn có sự xuất hiện của tiền mặt nên thanh toán giữa bên mua và bên bán phải có sự vận chuyển, kiểm đếm, bảo quản tiền mặt... do đó dễ dẫn đến mất mát và nhầm lẫn. Hơn nữa, TTBTM làm cho vốn bị ứ đọng và chi phí lưu thông tiền tệ tăng.

Do tính chất của công việc trao đổi, thanh toán bằng tiền mặt có nhiều nhược điểm nên TTKDTM ra đời, một mặt khắc phục được những nhược điểm trên, mặt khác thúc đẩy lưu thông, trao đổi hàng hóa phát triển. Do tính ưu việt như vậy nên hình thức TTKDTM không ngừng hoàn thiện và ngày càng phát triển, không thể thiếu được trong nền kinh tế thị trường. Thanh toán không dùng tiền mặt ra đời là một tất yếu khách quan.

1.1.2. Khái niệm thanh toán không dùng tiền mặt [Wikipede, truy cập 20/12/2009]

Thanh toán đơn giản là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên sang một bên khác. Tiền là phương tiện thực hiện trao đổi hàng hóa, đồng thời là việc kết thúc quá trình trao đổi. Lúc này tiền thực hiện chức năng phương tiện thanh toán. Sự vận động của tiền tệ có thể tách rời hay độc lập tương đối với sự vận động của hàng hóa.

Thực hiện chức năng phương tiện thanh toán, tiền không chỉ sử dụng để trả các khoản nợ về mua chịu hàng hóa, mà chúng còn được sử dụng để thanh toán những khoản nợ vượt ra ngoài phạm vi trao đổi như nộp thuế, trả lương, đóng góp các khoản chi dịch vụ...

Lưu thông không dùng tiền mặt là các quá trình tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán không trực tiếp bằng tiền mặt mà thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản ở Ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bù trừ lẫn nhau giữa những người phải thanh toán và những người thụ hưởng.

Thanh toán không dùng tiền mặt chỉ được phát triển và hoàn thiện trong nền kinh tế thị trường và được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực kinh tế tài chính đối nội cũng như đối ngoại. Sự phát triển rộng khắp của TTKDTM hiện nay là do yêu cầu phát triển vượt bậc của nền kinh tế hàng hóa. Kinh tế hàng hóa phát triển càng cao, khối lượng hàng hóa trao đổi trong nước và ngoài nước càng lớn thì cần có những cách thức trả tiền thuận tiện, an toàn và tiết kiệm.

Xét về mặt lý luận, TTKDTM là một hình thức vận động của tiền tệ. Ở đây, tiền vừa là công cụ kế toán, vừa là công cụ để chuyển hóa hình thức giá trị của hàng hóa và dịch vụ. Mặt khác, TTKDTM là nghiệp vụ có quá trình chứa đựng những công nghệ tinh vi và phức tạp. Khi thực hiện chức năng phương tiện thanh toán có thể sử dụng tiền đủ giá (vàng) hoặc dấu hiệu giá trị.

Thanh toán không dùng tiền mặt là việc thanh toán không sử dụng đến tiền mặt mà dùng hình thức trích chuyển vốn trên tài khoản từ tài khoản của người phải trả sang tài khoản của người thụ hưởng, hoặc bằng cách bù trừ lẫn nhau thông qua vai trò trung gian của tổ chức thanh toán.

1.1.3. Các chủ thể tham gia hệ thống thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Hệ thống thanh toán trong nền kinh tế hiện nay gồm nhiều chủ thể tham gia thanh toán như : NHNN, NHTM, KBNN, các TCTD khác; với sự tham gia của những tập hợp khách hàng rộng lớn, đa dạng, phong phú có quan hệ với các TCTD, Ngân hàng như : cá nhân, tập thể, doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức liên doanh, công ty đầu tư 100% vốn nước ngoài... Nghĩa là, tính phức tạp trong hoạt động thanh toán qua NH đã tăng lên gấp bội so với trước đây. Các mối quan hệ đan xen trong thanh toán, ngày một phát triển. Thực tế không phải chỉ một trung tâm thanh toán duy nhất như trước đây (thời kỳ NH một cấp); mà mỗi TCTD, NH đều là một trung tâm thanh toán riêng biệt. Tuy nhiên giữa chúng lại có trung tâm thanh toán chung, liên kết với nhau để thực hiện việc thanh toán riêng lẻ từng hệ thống thanh toán không thể xử lý được. Chẳng hạn như thanh toán liên NH do NHNN chủ trì, hoặc do một NH được thỏa thuận chỉ định đứng ra chủ trì, tổ chức thanh toán cho cả hệ thống tham gia thanh toán. Cho dù là trung tâm thanh toán riêng lẻ, hay là trung tâm thanh toán chung, đều phải thấy hết vai trò cực kỳ quan trọng của việc tổ chức thanh toán trong nền kinh tế nói chung hay thanh toán không dùng tiền mặt qua NH và TTBTM nói riêng. Ví như, sự lưu thông hàng hóa và tiền tệ của nền kinh tế, nó giống như mạch máu của con người, nếu bị ngừng đọng ở đâu đó, sẽ gây hậu quả nghiêm trọng khó lường.

Trong giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt có các bên tham gia vào quá trình thanh toán, đó là các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, các đơn vị trả tiền và các đơn vị nhận tiền thanh toán. Các chủ thể tham gia vào quá trình thanh toán với mục tiêu và lợi ích khác nhau, có thể được phân ra như sau :

- Ngân hàng Trung ương quản lý toàn bộ hoạt động thanh toán trong nền kinh tế, trực tiếp tổ chức, sở hữu hệ thống thanh toán liên ngân hàng, cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, những tổ chức tài chính và những doanh nghiệp lớn.

- Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là chủ sở hữu hệ thống thanh toán nội bộ, trực tiếp cung cấp các dịch vụ và các phương tiện thanh toán đa dạng, phong phú cho các tổ chức, doanh nghiệp và dân cư trong nền kinh tế.

- Kho bạc Quốc gia là một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong khu vực công.

- Các tổ chức, doanh nghiệp, và dân cư trực tiếp sử dụng dịch vụ thanh toán.

Các chủ thể tham gia hệ thống thanh toán của nền kinh tế thị trường rất phong phú và đa dạng gắn liền với tính đa dạng của các dịch vụ thanh toán đòi hỏi cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh toán phải được hoàn thiện theo hướng hoàn chỉnh đầy đủ các hành vi của các chủ thể tham gia vào quá trình thanh toán.

1.1.4. Tổng quan về hệ thống thanh toán

Thanh toán là một cầu nối giữa sản xuất – phân phối, lưu thông và tiêu dùng, đồng thời là khâu mở đầu và kết thúc của quá trình tái sản xuất xã hội. Hay nói cách khác, thanh toán là quá trình chu chuyển tiền tệ phục vụ cho chu chuyển kinh tế [Wikipede, truy cập 01/01/2010].

Trên thực tế hiện nay, không ít người chưa hiểu một cách đầy đủ, chuẩn mực về hệ thống thanh toán, thậm chí hiểu sai cũng là một chuyện thường tình vì đây là một lĩnh vực khoa học, công nghệ cao, phải học mới hiểu được.

Hệ thống là tập hợp nhiều yếu tố, đơn vị cùng loại hoặc cùng chức năng, có quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ, làm thành một thể thống nhất. Như vậy, một

hệ thống thanh toán phải được cấu thành bởi sự tập hợp của nhiều yếu tố, đơn vị cùng loại hoặc cùng chức năng của quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ, làm một thể thống nhất về thanh toán.

Quan hệ thanh toán với các tổ chức tài chính, tiền tệ, Ngân hàng trong khu vực và trên thế giới đang phát triển khá nhanh chóng xu thế hội nhập, không bị giới hạn về biên giới của mỗi quốc gia.

Hệ thống thanh toán được xác định không chỉ theo các kênh thanh toán riêng lẻ của từng hệ thống như là thanh toán giữa khách hàng với TCTD, Ngân hàng; thanh toán trong nội bộ hệ thống TCTD, Ngân hàng; thanh toán nội bộ Kho bạc, mà còn các kênh mang tính “liên hiệp” của các hệ thống như là trung tâm thanh toán liên NH, thanh toán liên Kho bạc và thanh toán giữa Ngân hàng và Kho bạc. Từng hệ thống thanh toán, đã phức tạp bởi những đối tác tham gia thanh toán đa dạng, phong phú; “liên hiệp” các hệ thống thanh toán mang tính sở hữu khác nhau, với những khoản mẫu không đồng nhất lại càng phức tạp hơn. Do đó, khi thiết kế từng trung tâm thanh toán, cũng như liên hiệp giữa các trung tâm thanh toán đã không còn hàm nghĩa áp đặt, gò ép được theo kiểu của Ngân hàng một cấp trước đây; mà phải theo hướng “mở” kết nối, liên minh, thỏa thuận giữa các chủ thể tham gia thanh toán với nhau. Đặc biệt quan trọng về thiết kế cơ chế với thiết kế kỹ thuật phải “ăn ý”. Phương hướng hiện đại hóa hệ thống thanh toán liên Ngân hàng, liên Kho bạc đang xây dựng hiện nay, đòi hỏi cơ chế thanh toán mới phải thể hiện được điều đó.

1.1.5. Những yêu cầu của thanh toán không dùng tiền mặt

Yêu cầu của TTKDTM qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là tính hiệu quả và giảm thiểu rủi ro của hệ thống thanh toán thể hiện ở thời gian, tốc độ thanh toán, độ tin cậy, tính an toàn, tiện lợi của hoạt động thanh toán và chi phí cho một giao dịch thanh toán.

1.1.5.1. Thời gian thanh toán

Thời gian thanh toán là khoảng thời gian kể từ khi chỉ định thanh toán được đưa ra cho đến khi các chủ thể tham gia thanh toán nhận tiền trên tài khoản. Thời

gian thanh toán cần phải được rút ngắn bởi đây chính là yếu tố khiến cho việc thanh toán không dùng tiền mặt tiến gần tới sự thuận tiện như thanh toán bằng tiền mặt xét từ khía cạnh người sử dụng dịch vụ thanh toán.

Từ nền tảng thanh toán hoàn toàn thủ công (mọi giao dịch thanh toán đều dựa trên cơ sở chứng từ giấy) chuyển dần sang phương thức xử lý bán tự động sử dụng chứng từ điện tử, đến nay, các giao dịch thanh toán được xử lý điện tử chiếm tỷ trọng khá lớn. Thời gian xử lý hoàn tất một giao dịch được rút ngắn từ hàng tuần như trước đây xuống chỉ còn vài phút (đối với các khoản thanh toán khác hệ thống, khác địa bàn) và thậm chí chỉ trong vòng vài giây hoặc tức thời (đối với các khoản thanh toán trong cùng hệ thống hoặc cùng địa bàn).

1.1.5.2. Chi phí giao dịch thanh toán

Chi phí cho một giao dịch thanh toán là các chi phí mà người thanh toán phải chịu để được sử dụng một dịch vụ thanh toán hoặc một phương tiện thanh toán nào đó. Để giảm chi phí giao dịch thì ta phải giảm phí dịch vụ thanh toán, đơn giản hóa các thủ tục giao dịch, rút ngắn thời gian giao dịch, tăng tính thuận tiện của việc nhận và sử dụng các dịch vụ và phương tiện thanh toán. Việc giảm thiểu chi phí sẽ tác động đến nhu cầu thanh toán của cả các tổ chức kinh tế và cá nhân và bằng cách đó các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mới có thể mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình.

Thanh toán không dùng tiền mặt thể hiện văn minh nhân loại trong việc chi trả và thanh toán tiền hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã hoàn thành hoặc các quan hệ khác có liên quan đến tiền mà không cần đến tiền mặt. Thanh toán không dùng tiền mặt góp phần giảm chi phí lưu thông xã hội như in hoặc đúc tiền, vận chuyển, bảo quản tiền mặt; tăng tốc độ luân chuyển vốn cho cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân và góp phần điều hòa lưu thông tiền theo lãnh thổ thuận lợi. Thanh toán không dùng tiền mặt còn góp phần kiểm soát thu nhập của các đơn vị sự nghiệp có thu, doanh nghiệp, cá nhân, quan chức Nhà nước; chống tham ô, hối lộ, buôn lậu, buôn bán hàng cấm, trộm cướp tài sản và trốn thuế thu nhập cá nhân và cuối cùng là chống rửa tiền. Cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt là thế mạnh riêng có của các Ngân hàng thương mại.

Đặc biệt, khi nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động thanh toán của nền kinh tế nó sẽ góp phần tích cực kìm hãm lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn và việc thanh toán diễn ra chính xác, an toàn, nhanh chóng hơn. Đồng thời, nếu tổ chức tốt hoạt động TTKDTM thì mọi tổ chức, cá nhân có điều kiện mở tài khoản, được cung cấp các tiện nghi dịch vụ thanh toán, sẽ có một cơ hội lớn để nâng cao chức năng tạo tiền của mình và đáp ứng nguồn vốn bổ sung cho nền kinh tế.

1.1.5.3. Giảm thiểu rủi ro trong thanh toán

Các rủi ro có rất nhiều dạng khác nhau, với một hệ thống thanh toán phát triển, các mối quan hệ ràng buộc giữa các chủ thể tham gia thanh toán trở nên đặc biệt chặt chẽ, một sự cố về mặt tài chính xảy ra cho một trong các chủ thể tham gia quá trình thanh toán có thể gây ra một sự đổ vỡ mang tính hệ thống. Vì vậy, để đảm bảo cho sự ổn định trong hoạt động của hệ thống tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và thị trường tài chính thì việc giảm thiểu rủi ro liên quan đến hoạt động thanh toán là điều đặc biệt có ý nghĩa quan trọng và là mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hiện nay.

Nếu phân theo không gian, địa lý thì chuyển tiền (thanh toán) có thể là thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế. Thông thường, thanh toán (chuyển tiền) cá nhân

1.2. Các phương thức và phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

1.2.1. Vai trò thanh toán không dùng tiền mặt

Thứ nhất, TTKDTM góp phần quản lý quỹ NSNN hiệu quả hơn, tập trung nhanh chóng các khoản thu NSNN, chi NSNN kịp thời và trực tiếp tới các đơn vị thụ hưởng ngân sách, loại bỏ tình trạng căng thẳng giả tạo của ngân sách các cấp, tạo điều kiện thực hiện tốt nghị định chống tham nhũng và nghị định thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thứ hai, TTKDTM thúc đẩy nhanh sự vận động của vật tư, tiền vốn trong nền kinh tế quốc dân, dẫn đến giảm chi phí sản xuất và lưu thông, tăng tích lũy cho quá trình tái sản xuất.

Trong quá trình mua bán, các nguồn vật tư hàng hóa được luân chuyển từ đơn vị mua hàng sang đơn vị bán hàng. Hệ thống qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, Kho bạc Quốc gia đã góp phần rất quan trọng trong việc đẩy nhanh quá trình thanh toán giữa các tác nhân trong nền kinh tế, thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, rút ngắn thời gian sản xuất, giảm chi phí cho sản xuất và lưu thông, tăng tích lũy cho quá trình tái sản xuất.

Thứ ba, trong lĩnh vực lưu thông tiền tệ, TTKDTM góp phần giảm thấp tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông, do đó tiết kiệm được chi phí lưu thông cho xã hội. Mặt khác, TTKDTM còn tạo cho sự chuyển hóa thông suốt giữa tiền mặt và tiền chuyển khoản. Cả hai khía cạnh đó đều tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế hoạch hóa và lưu thông tiền tệ.

Chu chuyển tiền tệ trong nền kinh tế bao gồm hai bộ phận cấu thành là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Nếu tổng chu chuyển tiền tệ không đổi mà tỷ trọng TTKDTM tăng lên sẽ làm giảm tỷ trọng tiền mặt một cách tương ứng, từ đó giảm được chi phí lưu thông đó là chi phí in ấn, vận chuyển, bảo quản tiền, đếm tiền, chi phí về thời gian thanh toán.

Thứ tư, thanh toán không dùng tiền mặt tạo những tiền đề kinh tế thuận lợi để KBQG kiểm soát chi NSNN hiệu quả hơn, qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán kiểm soát các hoạt động của các tác nhân kinh tế với mục đích củng cố kỷ luật thanh toán, đảm bảo nguyên tắc thu chi tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Thu chi bằng tiền mặt của các tác nhân thể hiện tài khoản tại ngân hàng, nó phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. thông qua số liệu này, ngân hàng có thể đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó làm căn cứ cho vay hay thu nợ, đồng thời qua việc giám sát, ngân hàng có thể có những kiến nghị giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn,

thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát triển cũng thông qua việc giám sát tình hình thu chi qua tài khoản mà ngân hàng có thể kiểm soát được tình hình chấp hành chính sách, chế độ tài chính, các nguyên tắc thanh toán, quản lý tiền tệ ở các doanh nghiệp.

Thứ năm, TTKDTM tạo điều kiện để Nhà nước quản lý nền kinh tế và chỉ đạo thực hiện các chính sách kinh tế được tốt hơn.

Thanh toán không dùng tiền mặt ra đời và phát triển trên cơ sở nền sản xuất hàng hóa, sản xuất hàng hóa càng phát triển thì nhu cầu về TTKDTM ngày càng tăng, điều này được thể hiện qua vai trò của nó đối với sự phát triển của nền kinh tế.

1.2.2. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có quan hệ thanh toán, mở tài khoản ở các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác nhau hoặc giữa các chi nhánh khác nhau của cùng một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán dẫn đến các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thanh toán với nhau.

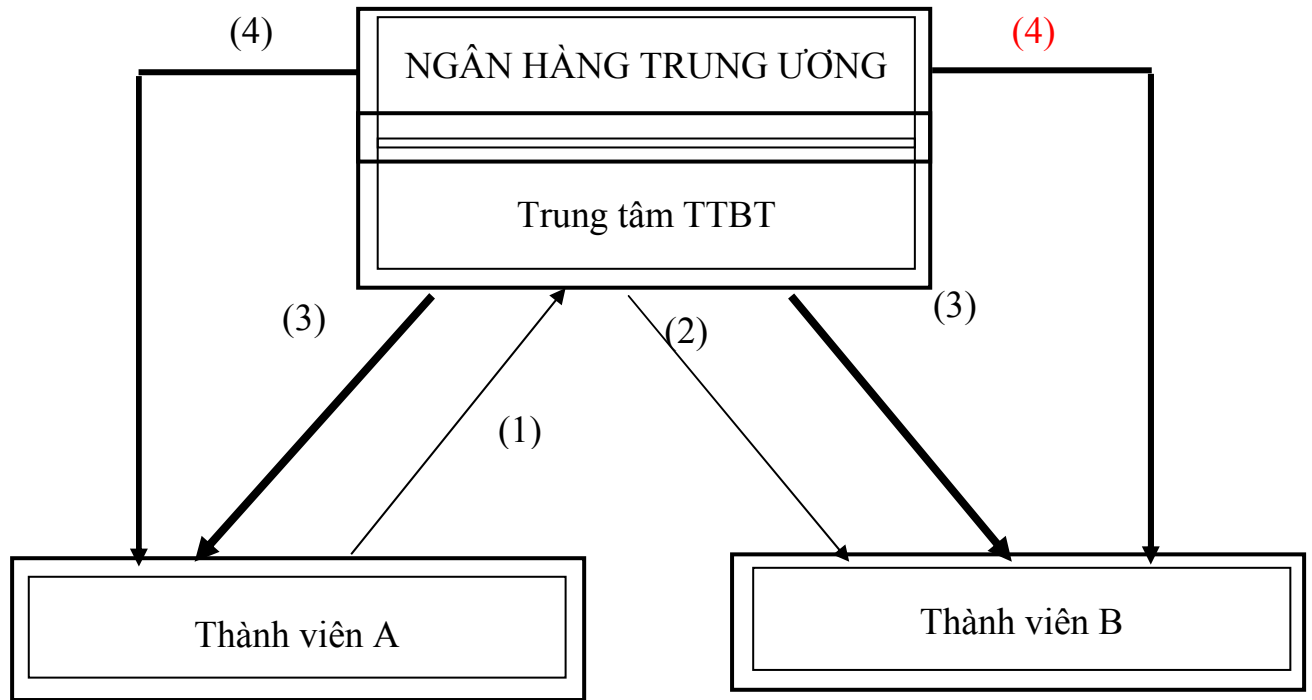
Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm : thanh toán bù trừ do NHTW hoặc các hiệp hội thanh toán bù trừ tổ chức; Thanh toán liên ngân hàng do NHTW tổ chức, thanh toán nội bộ trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, thanh toán qua tài khoản tiền gửi tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác.

1.2.2.1. Thanh toán bù trừ

Thanh toán bù trừ rất đa dạng, được tổ chức theo phạm vi thanh toán hoặc theo nội dung thanh toán; có thể do NHTW sở hữu, tổ chức thanh toán hoặc do hiệp hội thanh toán bù trừ sở hữu, bao gồm các hình thức như sau :

- Thanh toán bù trừ Quốc gia.
- Thanh toán bù trừ khu vực, tỉnh, thành phố.
- Trung tâm thanh toán bù trừ séc, thẻ, hối phiếu liên ngân hàng,...

Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tham gia thanh toán bù trừ gọi là thành viên và phải có đầy đủ điều kiện do Ngân hàng Trung ương hoặc do hiệp hội thanh toán bù trừ quy định. Thanh toán bù trừ áp dụng hai phương thức là bù trừ trực tiếp và bù trừ rỗng, trong đó phương thức bù trừ rỗng được áp dụng phổ biến ở các nước. Quá trình thanh toán có thể khái quát bằng sơ đồ sau :



Sơ đồ 1.1: Luân chuyển chứng từ và xử lý thanh, quyết toán bù trừ rỗng

1). Thành viên A gửi lệnh thanh toán (tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát sinh nghiệp vụ thanh toán) đến trung tâm thanh toán bù trừ.

(2). Trung tâm TTBT nhận được lệnh thanh toán của thành viên A, sau khi thực hiện kiểm soát gửi cho thành viên B, đồng thời ghi nhận các khoản phải trả và được hưởng của các thành viên.

(3). Vào thời điểm quyết toán, trung tâm TTBT tính toán và thông báo cho từng thành viên số thực phải trả hoặc thực được hưởng.

(4). Thành viên phải trả trích tài khoản của mình chuyển vào tài khoản TTBT mở tại NHTW để thanh toán số phải trả.

(5). Khi các thành viên phải trả đã thực hiện xong, trung tâm thanh toán bù trừ chuyển tiền từ tài khoản thanh toán bù trừ tại Ngân hàng Trung ương để thanh toán cho các thành viên.

Phương thức thanh toán bù trừ ròng liên ngân hàng cho phép các thành viên chuyển, nhận các khoản thanh toán với nhau và chỉ phải thực hiện quyết toán tại một thời điểm nhất định (thường là cuối ngày hoặc một số lần trong ngày) trên cơ sở thực hóa các khoản thanh toán qua lại với nhau. Thực hiện thanh toán bù trừ ròng có thể xảy ra một số rủi ro, cần có các biện pháp ngăn ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro đó là:

Rủi ro vận hành là rủi ro xảy ra khi mạng thanh toán gặp sự cố phải tạm ngừng hoạt động dẫn đến ách tắc hoạt động chuyển tiền gây ra hậu quả không lường hết được đối với các hoạt động kinh tế tài chính.

Rủi ro có tính hệ thống là rủi ro xảy ra khi một thành viên không có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình làm cho một loạt các thành viên khác có liên quan cũng lâm vào tình trạng tương tự. Để ngăn ngừa và khắc phục hậu quả (nếu có xảy ra), người ta sử dụng một số biện pháp như :

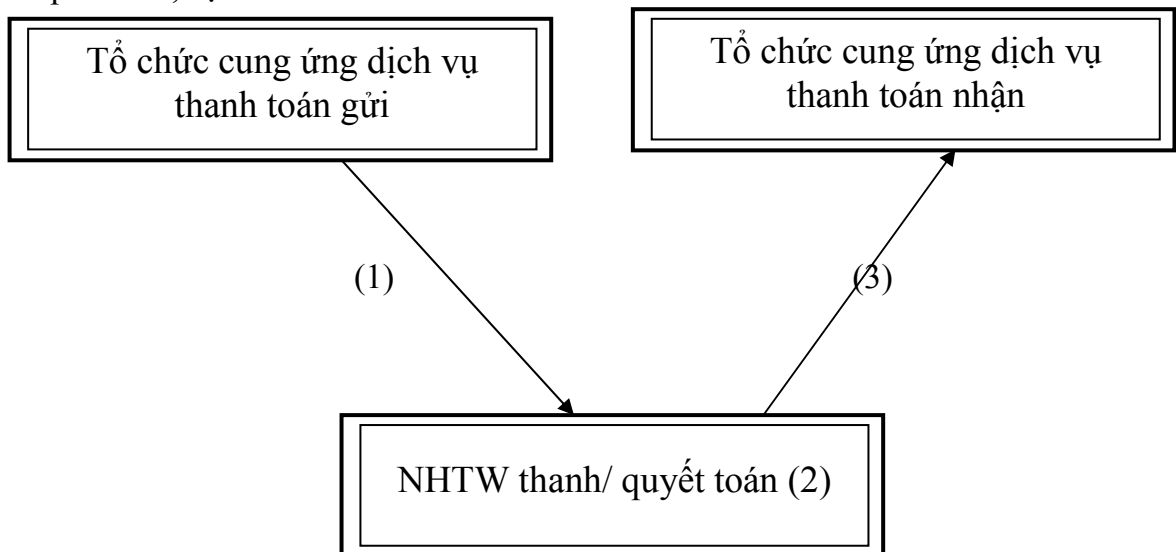
- Giới hạn trạng thái ghi nợ ròng (gọi là hạn mức nợ ròng) của từng thành viên nhằm hạn chế rủi ro liên ngân hàng.
- Áp dụng biện pháp chia sẻ rủi ro bằng cách lập thỏa thuận về chia sẻ rủi ro giữa các thành viên tham gia.
- Yêu cầu ký quỹ, thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với thành viên có nguy cơ tiềm tàng, tài sản thế chấp, ký quỹ có thể được chuyển hóa thành nguồn tiền để thanh toán.

1.2.2.2. Thanh toán liên Ngân hàng

Thanh toán liên ngân hàng là hệ thống thanh toán Quốc gia của các nước do NHTW sở hữu, trực tiếp tổ chức thanh toán. Các đối tác tham gia vào hệ thống thanh toán liên ngân hàng là các NHTM, tổ chức tài chính và các doanh nghiệp lớn có đầy đủ các điều kiện do NHTW quy định. Thanh toán liên ngân hàng đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống thanh toán qua ngân hàng của mỗi quốc gia. Thực hiện các khoản thanh toán, chuyển tiền, điều chuyển vốn giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế. Đảm bảo cho quá trình chu chuyển vốn trong nền kinh tế thông suốt, giúp các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán sử dụng vốn có hiệu quả. Đồng thời giúp NHTW kiểm soát các luồng vốn trong nền kinh tế, hoạch định và

thực thi chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả. Đặc điểm của mạng thanh toán liên ngân hàng do NHTW tổ chức là các NHTM, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải mở tài khoản tại ngân hàng Trung ương và trực tiếp thanh toán vốn với nhau theo từng lệnh thanh toán thông qua tài khoản này. Phương thức thanh toán phổ biến mà các nước áp dụng là hệ thống thanh toán tổng tức thời.

Hệ thống thanh toán tổng tức thời (RTGS - Real Time Gross Settlement System) là hệ thống thanh toán cho phép xử lý và quyết toán chuyển tiền được diễn ra một cách liên tục theo thời gian thực tế phát sinh chuyển tiền, tức là các giao dịch thanh toán (các lệnh chuyển tiền) được xử lý ngay theo tổng số tiền phải thanh toán và theo từng lệnh chuyển tiền. Cách xử lý và quyết toán chuyển tiền này cho phép các ngân hàng nhận tiền có thể sử dụng ngay khoản chuyển tiền nhận được mà không gặp phải bất cứ rủi ro nào từ việc khoản chuyển tiền này có thể phải hủy bỏ do ngân hàng trả tiền thiếu khả năng chi trả. Tuy nhiên, hạn chế lớn của thanh toán tổng tức thời là việc các ngân hàng phải duy trì tại NHTW một lượng vốn khả dụng cao để đảm bảo tính thanh khoản mà theo thông lệ Ngân hàng Trung ương không trả lãi hoặc trả lãi rất thấp. Việc luân chuyển chứng từ thanh toán và xử lý thanh, quyết toán của hệ thống thanh toán tổng tức thời có thể được thực hiện theo nhiều mô hình khác nhau, nhưng mô hình chữ “ V ” được áp dụng rất phổ biến, cụ thể như sau :



Sơ đồ 1.2: Luân chuyển chứng từ và xử lý thanh, quyết toán của hệ thống thanh toán tổng tức thời

(1). Ngân hàng phát sinh nghiệp vụ thanh toán gửi lệnh thanh toán đến Ngân hàng Trung ương.

(2). Ngân hàng Trung ương thực hiện ngay việc quyết toán : ghi nợ tài khoản ngân hàng gửi và ghi có tài khoản của ngân hàng nhận.

(3). Chỉ sau khi đã quyết toán, ngân hàng Trung ương mới gửi tiếp lệnh chuyển tiền cho ngân hàng nhận.

1.2.2.3. Thanh toán nội bộ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Thanh toán nội bộ của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thuộc sở hữu của từng tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Thanh toán nội bộ được thiết kế, xây dựng phụ thuộc vào khả năng, quy mô hoạt động và điều kiện của từng ngân hàng, từng tổ chức; vì vậy nó rất đa dạng về phương pháp và công nghệ xử lý thanh toán. Thanh toán nội bộ của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đóng vai trò quan trọng đối với quá trình luân chuyển vốn trong nền kinh tế, trực tiếp thực hiện các giao dịch thanh toán, chuyển tiền phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Đồng thời là cơ sở để các ngân hàng thực hiện tập trung vốn, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh. Thanh toán nội bộ của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thường áp dụng một trong hai phương thức thuộc vào mô hình quản lý tài khoản khách hàng, đó là :

- Mô hình quản lý tài khoản khách hàng phân tán.
- Mô hình quản lý tài khoản khách hàng tập trung.

Trong đó mô hình quản lý tài khoản khách hàng tập trung (tập trung hóa tài khoản) được áp dụng phổ biến ở các NHTM mà quá trình thanh toán đã được ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin hiện đại.

1.2.2.4. Thanh toán qua tiền gửi tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác

Là việc thanh toán qua tài khoản tiền gửi của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác. Phương thức này áp dụng trong trường hợp giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác nhau có quan hệ giao dịch với nhau quá thường xuyên.

1.2.2.5. Thanh toán quốc tế (SWIFT)

SWIFT (Society for worldwide Interbank Financial Telecommunications) là mạng thanh toán quốc tế, do Hiệp hội tài chính viễn thông LNH toàn cầu sở hữu. SWIFT được thành lập năm 1973, trụ sở tại Bỉ, hoạt động chính thức từ năm 1977. Đây là một tổ chức được hợp tác và sở hữu bởi hơn 2.800 NH và tổ chức tài chính trên toàn thế giới. SWIFT hoạt động như một mạng lưới để truyền, nhận và xử lý các lệnh giao dịch giữa các thành viên ở gần 140 quốc gia. SWIFT đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu, đảm bảo cho quá trình luân chuyển vốn quốc tế thông suốt, giúp các nước mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy lợi thế so sánh của mỗi quốc gia.

1.2.3. Các phương tiện thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Điều kiện và hình thức trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các tác nhân trong nền kinh tế rất phong phú và đa dạng, vì vậy, cần phải thiết lập nhiều phương tiện chi trả khác nhau nhằm giúp các chủ thể thanh toán lựa chọn phương tiện thanh toán phù hợp. Việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán là một sự lãng phí lớn, tỷ trọng tiền mặt được sử dụng trong thanh toán được coi là một thước đo đánh giá sự phát triển của nền kinh tế. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng lựa chọn phương tiện thanh toán phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị sao cho việc thanh toán được tiến hành một cách thuận lợi và hiệu quả nhất.

Các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu được áp dụng ở các nước đó là :

- Thanh toán bằng séc.
- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi (lệnh chi).
- Thanh toán bằng ủy nhiệm thu.
- Thanh toán bằng Thẻ thanh toán.

1.2.3.1. Séc

Séc là lệnh trả tiền của chủ tài khoản được lập theo mẫu quy định, ra lệnh cho NH trích từ tài khoản của mình một số tiền nhất định trả cho người có tên ghi trên séc hoặc cho người cầm séc. Séc là một trong những phương tiện TTKDTM được sử dụng rộng rãi cho các giao dịch thanh toán trong nước và quốc tế. Điều kiện phát hành, tiếp nhận và thanh toán séc phải tuân thủ theo luật hoặc quy định của mỗi quốc gia phù hợp với thông lệ quốc tế và tùy theo từng loại séc.

Séc là thể thức thanh toán không dùng tiền mặt ra đời rất sớm và từ lâu đã được sử dụng rộng rãi cho các giao dịch thanh toán trong nước và quốc tế. Từ năm 1931 một số nước châu Âu đã ký một bản công ước về séc tại Hội nghị quốc tế Giwonevơ đến nay vẫn được coi là luật chính để điều chỉnh các quan hệ liên quan đến phát hành và sử dụng séc. Theo đó, các bên liên quan đến séc gồm:

- Người phát hành séc để trả tiền, gọi là người phát hành.
- Người thực hiện trả tiền trên tờ séc là NH nơi người phát hành séc mở tài khoản giao dịch.
- Người nhận tiền là người có tên trong séc hoặc người cầm séc.

Đặc điểm của séc là có tính thời hạn. Tính thời hạn của séc được thể hiện ở chỗ: nó có giá trị thanh toán trong thời hạn có hiệu lực. Thời hạn này được quy định tùy thuộc vào mỗi nước và cho từng loại séc riêng biệt. Séc có nhiều loại, được phân chia theo các tiêu thức khác nhau.

- Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng, có các loại séc :
 - + Séc ký danh, được ghi rõ tên người thụ hưởng trên tờ séc;
 - + Séc vô danh, không ghi rõ tên người thụ hưởng trên tờ séc, bất kỳ ai cầm tờ séc cũng có thể nhận đủ số tiền ghi trên tờ séc tại NH;
 - + Séc theo lệnh, ghi rõ trả tiền theo lệnh của người thụ hưởng, séc này được chuyển nhượng theo thủ tục ký hậu.
- Căn cứ vào hình thức thanh toán, có các loại séc :
 - + Séc tiền mặt, chỉ để dùng nhận tiền mặt tại NH.
 - + Séc chuyển khoản, dùng để chuyển khoản bằng cách trích tiền trên tài khoản của người phải trả chuyển sang tài khoản của người được hưởng.

+ Séc xác nhận, được NH đảm bảo khả năng thanh toán.

Đặc điểm của séc là có tính thời hạn, chỉ có giá trị thanh toán trong thời hạn có hiệu lực được qui định tùy theo từng loại séc mà phạm vi thanh toán khác nhau.

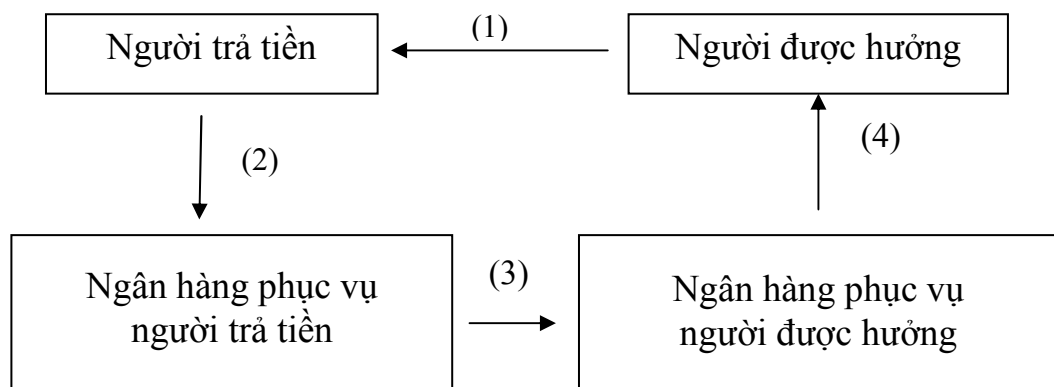
Nhược điểm của séc : So với các phương tiện thanh toán trên cơ sở chứng từ có thể ứng dụng tin học khác thì séc là một thể thức thanh toán có chi phí cao hơn.

1.2.3.2. Ủy nhiệm chi

Ủy nhiệm chi là một hình thức thanh toán khá phổ biến trong môi trường kinh tế các nước khi bắt đầu chuyển sang kinh tế thị trường. Việc chuyển nợ có ủy quyền như các doanh nghiệp như Ngân hàng trả lương vào tài khoản của cán bộ, công chức, công nhân, việc nộp các loại phí bảo hiểm... cũng là một dịch vụ thanh toán mới tương tự như ủy nhiệm nhưng hình thức luân chuyển thông tin có thể là đĩa hoặc băng từ hay qua mạng viễn thông.

Ủy nhiệm chi (lệnh chi) là lệnh của chủ tài khoản ủy nhiệm cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trích một số tiền nhất định từ tài khoản của mình trả cho người được hưởng có tài khoản tại Ngân hàng.

Lệnh chi trả ra đời đã khá lâu và được sử dụng phổ biến trong quan hệ thanh toán hàng hóa và phi hàng hóa do các ưu điểm an toàn, hiệu quả, thuận tiện nhờ ứng dụng những thành tựu phát triển trong lĩnh vực công nghệ tin học.



Sơ đồ 1.3: Quy trình thanh toán ủy nhiệm chi

(1) Quan hệ mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thanh toán nợ nần giữa bên trả tiền và bên được hưởng.

(2) Người trả tiền lập ủy nhiệm chi ủy nhiệm cho Ngân hàng trả tiền cho người được hưởng.

(3) Ngân hàng người trả tiền mở tài khoản trích tài khoản của người trả tiền chuyển đến Ngân hàng người được hưởng mở tài khoản.

(4) Ngân hàng người được hưởng mở tài khoản trả tiền và báo cho người bán biết.

Thanh toán bằng UNC thường được sử dụng trong trường hợp khách hàng có tín nhiệm lẫn nhau, vì rủi ro vẫn có thể xảy ra cho cả bên mua lẫn bên bán, tùy thuộc vào việc giao hàng trước hay giao hàng sau khi lập UNC. Nếu bên bán giao hàng trước mà bên mua lập UNC trả không đủ tiền hoặc chậm lập UNC thì rủi ro thuộc về bên bán. Ngược lại, nếu bên mua lập UNC trả tiền trước khi nhận được hàng mà bên bán không chuyển đủ hàng hoặc chuyển chậm thì rủi ro lại thuộc về bên mua. Do vậy hình thức thanh toán này chỉ sử dụng cho các đơn vị có quan hệ thường xuyên và có uy tín với nhau. Nền kinh tế thị trường càng phát triển thì các quan hệ mua bán giữa các chủ thể với nhau càng đa dạng, phong phú, độ tín nhiệm lẫn người mua và người bán không phải lúc nào cũng xảy ra. Do vậy để an toàn cho cả đôi bên, người ta tìm đến thể thức thanh toán khác.

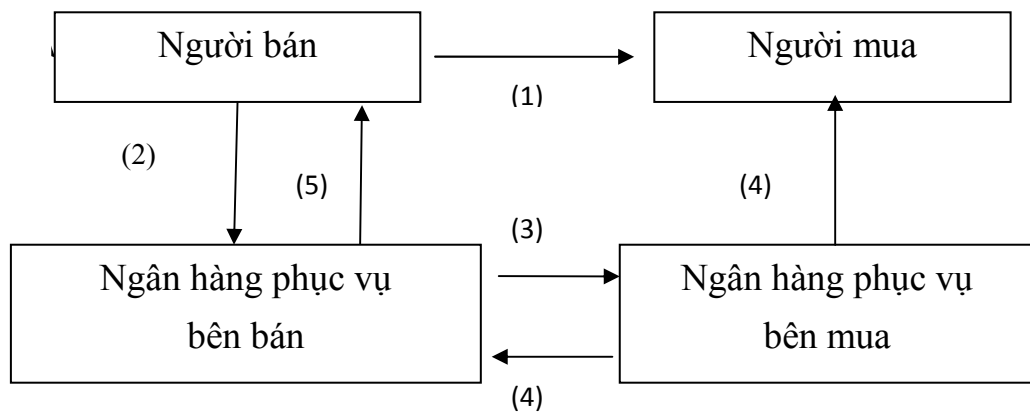
1.2.3.3. Ủy nhiệm thu

Ủy nhiệm thu là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng gửi vào tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình, nhờ thu tiền về số lượng hàng hóa đã giao, dịch vụ đã cung ứng.

Điều kiện áp dụng : Ủy nhiệm thu được áp dụng thanh toán tiền hàng, dịch vụ giữa các chủ thể mở tài khoản trong cùng một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác hệ thống. Các chủ thể thanh toán phải thỏa thuận thống nhất dùng hình thức thanh toán. Ủy nhiệm thu với những điều kiện thanh toán cụ thể đã ghi trong hợp đồng kinh tế hay đơn đặt hàng, đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ chủ thể thanh toán để làm căn cứ thực hiện các ủy nhiệm thu.

Sau khi đã giao hàng hoặc hoàn tất dịch vụ cung ứng, bên thụ hưởng lập UNT tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình.

Khi nhận được giấy UNT, trong vòng một ngày làm việc, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ bên trả tiền phải trích tài khoản của bên trả tiền để trả ngay cho bên thụ hưởng để hoàn tất việc thanh toán. Quá trình thanh toán UNT thực hiện bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.4: Quy trình thanh toán ủy nhiệm thu

(1) Người bán cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người mua theo hợp đồng.

(2) Người bán gửi UNT đến Ngân hàng phục vụ mình nhờ thu hộ.

(3) Ngân hàng phục vụ người bán hạch toán nhập sổ theo dõi ngoại bảng, gửi UNT sang ngân hàng bên mua nhờ thu hộ.

(4) Ngân hàng bên mua trích tài khoản bên mua chuyển cho Ngân hàng bên bán.

(5) Ngân hàng bên bán ghi có vào tài khoản bên bán và báo cho bên bán biết đồng thời ghi xuất sổ theo dõi ngoại bảng.

- *Thủ tục thanh toán UNT rườm rà, phức tạp, thời gian thanh toán dài* : Khi bên bán giao hàng xong thì lập UNT kèm theo hóa đơn bán hàng và nhờ tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình nhờ thu hộ tiền hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán gửi UNT kèm chứng từ sang tổ chức cung ứng dịch vụ thanh

toán phục vụ bên mua đòi tiền và khi UNT được chuyển về tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ bên bán thì khi đó tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mới ghi có vào tài khoản của người bán.

- *Mức độ an toàn phụ thuộc vào người mua* : Xét về mức độ an toàn của phương tiện này, nó hoàn toàn phụ thuộc vào độ tín nhiệm cũng như khả năng tài chính của người mua.

1.2.3.4. Thẻ thanh toán

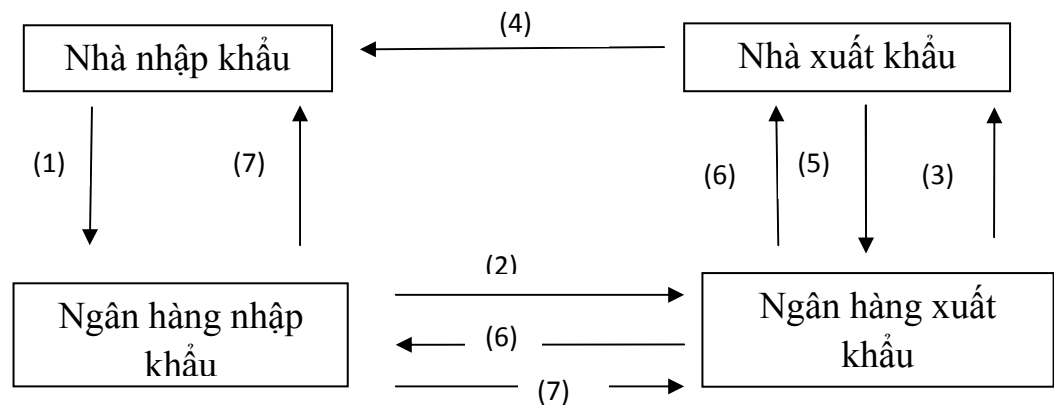
Hiểu một cách đơn giản nhất, thẻ thanh toán là một loại giấy tờ có giá đặc biệt được làm bằng chất dẻo tổng hợp, được nhà phát hành ấn định giá trị, dùng để trả tiền hàng hóa, dịch vụ hay để rút tiền mặt thông qua các máy đọc thẻ. Thẻ thanh toán lần đầu tiên mang tên “ Diners Club” được người Mỹ sử dụng vào năm 1949 để trả tiền ăn tại nhà hàng trong hoặc ven thành phố New York.

Nói cách khác, thẻ thanh toán là một thể thức thanh toán gắn liền với kỹ thuật tin học được ứng dụng trong tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Thẻ thanh toán là một dạng thẻ điện tử do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hành và bán cho khách hàng của mình để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, thanh toán công nợ, lĩnh tiền mặt và các kiểu thanh toán khác tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, đại lý thanh toán hoặc các quầy hàng trả tiền mặt tự động.

Thẻ là thể thức thanh toán phổ biến ở các nước có nền kinh tế phát triển, có nền tảng công nghệ tin học cao.

1.2.3.5. Thư tín dụng

Thư tín dụng là bản cam kết dùng trong thanh toán, trong đó Ngân hàng phục vụ người mua theo yêu cầu của nhà nhập khẩu tiến hành mở, thông báo và thanh toán cho người xuất khẩu thông qua Ngân hàng đại lý của Ngân hàng này ở nước xuất khẩu (Ngân hàng phục vụ người bán) với một số tiền nhất định, trong thời hạn quy định và những điều khoản, điều kiện nhất định mà nhà xuất khẩu phải thực hiện.



Sơ đồ 1.5: Quy trình thanh toán thư tín dụng

(1) Người nhập khẩu làm thủ tục xin mở thư tín dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng ngoại thương.

(2) Ngân hàng nhập khẩu mở thư tín dụng thông qua Ngân hàng xuất khẩu cho người nhập khẩu theo yêu cầu.

(3) Ngân hàng xuất khẩu thông báo cho người xuất khẩu thư tín dụng đã được mở.

(4) Người xuất khẩu tiến hành giao hàng và lập chứng từ theo qui định của thư tín dụng.

(5) Người xuất khẩu gửi chứng từ đến Ngân hàng phục vụ mình để ủy quyền đòi tiền (chiết khấu bộ chứng từ).

(6) Ngân hàng xuất khẩu thực hiện chiết khấu theo qui định và làm thủ tục đòi tiền Ngân hàng mở thư tín dụng..

(7) Ngân hàng mở thư tín dụng ghi nợ tài khoản người nhập khẩu, trao chứng từ cho người nhập khẩu nhận hàng và thanh toán theo lệnh của Ngân hàng xuất khẩu.

Thanh toán bằng TTD ràng buộc các bên tham gia rất chặt chẽ, rõ ràng nên đã đáp ứng được yêu cầu giao dịch thương mại trong nền kinh tế thị trường, nó đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia. Chính vì vậy, thư tín dụng được áp dụng phổ biến trong giao dịch thương mại quốc tế.

1.3. Quy trình cấp phát, thanh toán các khoản thu, chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc

1.3.1. Quy trình cấp phát, thanh toán các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc

1.3.1.1. Kiểm tra, kiểm soát trước khi cấp phát, thanh toán

- Khi có nhu cầu chi tiêu, đơn vị sử dụng Ngân sách gửi KBQG nơi giao dịch hồ sơ, tài liệu, chứng từ có liên quan theo quy định.

- Cán bộ kiểm soát chi NSNN tiếp nhận hồ sơ, chứng từ chi của đơn vị gửi đến; thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi theo nội dung quy định, báo cáo trưởng phòng xem xét và trình Thủ trưởng KBQG duyệt.

- Thủ trưởng KBQG xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát của các bộ phận nghiệp vụ kiểm soát chi và quyết định cấp phát, thanh toán hoặc từ chối cấp phát, thanh toán.

- Căn cứ vào duyệt cấp tạm ứng hoặc duyệt cấp thanh toán của Thủ trưởng KBQG và giấy rút hạn mức kinh phí do đơn vị sử dụng Ngân sách lập, bộ phận kế toán thanh toán KBQG làm thủ tục cấp tạm ứng hoặc thanh toán cho đơn vị và hạch toán vào tài khoản tạm ứng hoặc thực chi NSNN.

1.3.1.2. Cấp phát, thanh toán

1.3.1.2.1. Cấp phát tạm ứng :

a). Trình tự, thủ tục tạm ứng :

- Đơn vị sử dụng kinh phí Ngân sách lập 3 liên giấy đề nghị tạm ứng theo mẫu đã định gửi KBQG kèm theo các hồ sơ, tài liệu quy định.

- KBQG kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ, chứng từ theo quy định, nếu đủ điều kiện thì duyệt cấp phát tạm ứng cho đơn vị.

- Căn cứ giấy đề nghị tạm ứng đã được thủ trưởng KBQG duyệt kèm theo giấy rút hạn mức kinh phí, ủy nhiệm chi, séc..., kế toán KBQG làm thủ tục tạm ứng cho đơn vị; ghi giảm hạn mức kinh phí của đơn vị theo đúng mục chi đã tạm ứng và hạch toán tạm ứng chi NSNN.

Xử lý 3 liên giấy đề nghị tạm ứng được duyệt như sau :

- + 1 liên đơn vị sử dụng Ngân sách lưu
- + 1 liên bộ phận kế toán thanh toán lưu
- + 1 liên bộ phận kiểm tra, kiểm soát lưu cùng các hồ sơ

b). Thanh toán tạm ứng

- Sau khi đã thực hiện chi, đơn vị sử dụng NS lập 3 liên giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (theo mẫu) kèm theo các hồ sơ, chứng từ có liên quan như đã quy định gửi KBQG để thanh toán số đã tạm ứng sang cấp phát thanh toán.

- Căn cứ giấy đề nghị thanh toán kèm theo hồ sơ, chứng từ có liên quan và báo cáo thực chi của đơn vị, bộ phận kiểm soát chi kiểm tra, kiểm soát, nếu đủ điều kiện quy định thì trình Thủ trưởng KBQG duyệt cấp phát thanh toán cho đơn vị và thu hồi tạm ứng (nếu có), cụ thể như sau :

+ Nếu số duyệt cấp phát thanh toán lớn hơn số đã cấp phát tạm ứng, KBNN sẽ cấp bổ sung số chênh lệch thiếu. Đơn vị lập giấy rút hạn mức kinh phí để được thanh toán số chênh lệch bổ sung .

+ Nếu số cấp phát thanh toán nhỏ hơn số đã cấp tạm ứng, KBQG duyệt cấp thanh toán số được thanh toán. Số đã tạm ứng chưa thanh toán sẽ được giảm trừ vào số cấp tạm ứng đợt sau về mục đích chi đó.

- Xử lý 3 liên giấy đề nghị thanh toán được duyệt như sau :

- + 1 liên đơn vị sử dụng Ngân sách lưu.
- + 1 liên bộ phận kế toán thanh toán lưu.
- + 1 liên bộ phận kiểm soát chi lưu cùng các hồ sơ.

- Căn cứ vào duyệt cấp thanh toán của Thủ trưởng KBQG kèm theo các chứng từ như giấy rút hạn mức kinh phí, Séc, Ủy nhiệm chi...kế toán thanh toán KBNN hạch toán chuyển từ tạm ứng sang cấp phát thanh toán NSNN số thực tế được cấp phát.

- Tất cả các khoản tạm ứng trong năm phải được thanh toán trong năm ngân sách. Trường hợp đến cuối năm ngân sách nếu chưa thanh toán hết số tạm ứng, đơn vị có trách nhiệm thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán. Sau thời gian chỉnh lý, các khoản tạm ứng chưa được thanh toán, KBQG tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính sử lý.

1.3.1.2.2. Cấp phát thanh toán

- Khi có nhu cầu cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách lập 3 liên giấy đề nghị thanh toán gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu, chứng từ thanh toán theo quy định đến KBQG.

- KBQG kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ, chứng từ, điều kiện chi theo quy định, nếu đủ điều kiện thì duyệt cấp phát thanh toán cho đơn vị.

- Căn cứ vào duyệt cấp phát thanh toán của Thủ trưởng KBQG kèm theo giấy rút hạn mức kinh phí, hồ sơ, chứng từ, kế toán KBQG thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc cấp qua đơn vị và hạch toán thực chi NSNN đồng thời ghi giảm hạn mức kinh phí của đơn vị.

- Xử lý 3 liên giấy đề nghị thanh toán được duyệt như sau :

+ 1 liên đơn vị sử dụng ngân sách lưu.

+ 1 liên bộ phận kế toán thanh toán lưu.

+ 1 liên bộ phận kiểm soát chi lưu cùng các hồ sơ.

1.3.1.3. Phương thức thanh toán, chi trả một số khoản chi Ngân sách Nhà nước

1.3.1.3.1. Đối với các khoản chi Ngân sách Nhà nước cho các dự án do Kho bạc Quốc gia quản lý

a). Chuyển vốn cho các chương trình, dự án

Đối với vốn cấp phát :

- Căn cứ hạn mức kinh phí do Bộ Tài chính thông báo, dự toán năm được duyệt và tiến độ thực hiện của dự án, KBQG Trung ương phân phối hạn mức kinh phí chi tiết cho từng dự án (đối với dự án do Bộ, ngành ở Trung ương quản lý), cho từng địa phương (đối với dự án do địa phương quản lý).

- Đối với dự án do địa phương quản lý, KBQG tỉnh, thành phố căn cứ vào dự toán năm được duyệt, hạn mức kinh phí được KBQGTW phân phối, thực hiện phân bổ hạn mức kinh phí cho từng dự án.

Trường hợp KBQG tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ cho KBQG quận, huyện trực tiếp cấp phát và cho vay, KBQG tỉnh, thành phố thực hiện phân phối hạn mức kinh phí cho KBQG quận, huyện theo nguyên tắc nêu trên.

Đối với vốn cho vay :

Phương thức chuyển vốn từ KBNN cấp trên về KBQG cấp dưới qua thanh toán liên Kho bạc theo quy định hiện hành.

b). Cấp phát và cho vay

- Căn cứ vào dự toán NSNN được cơ quan có thẩm quyền duyệt, hạn mức kinh phí do KBQG cấp trên thông báo, hồ sơ chứng từ cấp phát do đơn vị gửi đến, KBQG kiểm tra, kiểm soát, thực hiện cấp phát theo chế độ quy định.

- Việc cho vay, quản lý vốn vay, thu hồi nợ gốc, lãi được thực hiện theo cơ chế hiện hành.

1.3.1.3.2. Chi ngoại tệ

a). Chi bằng ngoại tệ từ quỹ ngoại tệ tập trung

Đối với các khoản chi bằng ngoại tệ được Bộ Tài chính cấp trực tiếp:

- Căn cứ yêu cầu chi ngoại tệ của Bộ Tài chính, kế toán KBQGTW lập giấy đề nghị chi ngoại tệ gửi Ngân hàng ngoại thương nơi mở tài khoản yêu cầu trích tài khoản tiền gửi ngoại tệ thanh toán cho đối tượng được hưởng; đồng thời căn cứ lệnh chi iền của Bộ Tài chính bằng nội tệ kế toán hạch toán thực chi NSNN bằng nội tệ.

- Khi nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng, kế toán hạch toán giảm quỹ ngoại tệ tập trung.

b). Đối với các khoản chi bằng ngoại tệ của các đơn vị sử dụng NSNN :

Căn cứ duyệt chi ngoại tệ của Bộ Tài chính, và giấy rút hạn mức kinh phí của đơn vị sử dụng Ngân sách, KBQG nơi đơn vị mở tài khoản cấp tạm ứng để đơn vị

mua lại ngoại tệ từ quỹ ngoại tệ tập trung và hạch toán tạm ứng chi NSNN theo tỷ giá hạch toán.

Căn cứ vào duyệt chi ngoại tệ của Bộ Tài chính và các chứng từ thanh toán (séc, Ủy nhiệm chi...), kế toán tại KBQGTW lập giấy đề nghị chi ngoại tệ gửi Ngân hàng Ngoại thương nơi mở tài khoản yêu cầu trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho đối tượng được hưởng.

Khi nhận được giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán tại KBQGTW ghi giảm quỹ ngoại tệ tập trung.

- Sau khi chi, đơn vị sử dụng Ngân sách gửi các hồ sơ, chứng từ chi đến KBNN nơi mở tài khoản để làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thực chi ngân sách theo quy định.

Đối với các khoản chi NSNN bằng nội tệ để mua ngoại tệ ngân hàng

Khi quỹ ngoại tệ tập trung không đủ ngoại tệ để thanh toán (đối với NSTW) và đối với các khoản chi bằng ngoại tệ của ngân sách địa phương : căn cứ dự toán NSNN được duyệt, hạn mức chi của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu chi của đơn vị, KBQG cấp tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách bằng nội tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng tại thời điểm chi để đơn vị trực tiếp mua ngoại tệ của Ngân hàng.

Sau khi mua ngoại tệ, đơn vị có trách nhiệm thanh toán với KBQG số đã tạm ứng.

1.3.1.4. Xác định số thực chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc

- Hàng tháng, quý, năm các đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi ngân sách Nhà nước đến Kho bạc Quốc gia nơi mở tài khoản để xác nhận số thực chi NSNN qua Kho bạc.

- Cán bộ kiểm soát chi ngân sách Nhà nước thuộc các bộ phận kiểm soát chi phối hợp với bộ phận kế toán thanh toán kiểm tra, đối chiếu với số liệu đã cấp phát, thanh toán cho đơn vị, báo cáo trưởng phòng, trình thủ trưởng Kho bạc Quốc gia xác nhận số thực chi qua Kho bạc trên báo cáo chi của đơn vị.

1.3.2. Quy trình thu Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Quốc gia

1.3.2.1. Thu bằng chuyển khoản

a). Đối tượng nộp mở tài khoản tại Ngân hàng

- Cơ quan thu hướng dẫn đối tượng nộp lập 5 liên giấy nộp tiền vào NSNN bằng chuyển khoản, liên 5 lưu lại gốc.

- Đối tượng nộp mang 4 liên giấy nộp tiền còn lại đến Ngân hàng, nơi mở tài khoản, đề nghị trích chuyển số tiền phải nộp từ tài khoản của mình và tài khoản của KBQG mở tại Ngân hàng. Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán ngay trong ngày nhận được chứng từ, ký xác nhận lên 4 liên giấy nộp tiền, lưu 1 liên sử dụng làm chứng từ ghi nợ tài khoản của đối tượng nộp.

- 1 liên gửi đối tượng nộp làm giấy báo nợ.

- 2 liên còn lại gửi KBQG cùng bảng kê thanh toán các khoản thu NSNN. Khi nhận được các chứng từ trên, KBQG tiến hành kiểm tra các liên giấy nộp tiền, bảng kê, ký xác nhận lên các liên giấy nộp tiền. 1 liên sử dụng làm chứng từ hạch toán thu NSNN.

- 1 liên gửi cơ quan thu trực tiếp quản lý đối tượng nộp NSNN.

b). Đối tượng nộp mở tài khoản trực tiếp tại Kho bạc

- Cán bộ của cơ quan thu hướng dẫn đối tượng nộp lập 5 liên giấy nộp tiền vào NSNN bằng chuyển khoản (lưu 1 liên tại gốc).

- Đối tượng nộp mang 4 liên giấy nộp tiền đến KBQG, để làm thủ tục trích chuyển số tiền phải nộp từ tài khoản của mình vào tài khoản của NSNN mở tại KBQG. KBQG có trách nhiệm thanh toán ngay trong ngày nhận được chứng từ, ký xác nhận lên 4 liên giấy nộp tiền, lưu 1 liên sử dụng làm chứng từ ghi nợ tài khoản của đối tượng nộp.

- 1 liên gửi đối tượng nộp là giấy báo nợ.

- 2 liên còn lại gửi KBQG cùng bảng kê thanh toán các khoản thu NSNN. Khi nhận được các chứng từ trên, KBQG tiến hành kiểm tra các liên giấy nộp tiền,

bảng kê, ký xác nhận lên các liên giấy nộp tiền. 1 liên sử dụng làm chứng từ hạch toán thu NSNN.

- 1 liên gửi cơ quan thu trực tiếp quản lý đối tượng nộp NSNN.

1.3.2.2. Thu bằng tiền mặt

1.3.2.2.1. Thu trực tiếp qua Kho bạc Quốc gia

- Cơ quan thu hướng dẫn đối tượng nộp viết 4 liên giấy nộp tiền vào NSNN (bằng tiền mặt), 1 liên lưu tại gốc, 3 liên còn lại mang đến KBQG.

- Đối tượng nộp mang tiền và 3 liên đến kế toán Kho bạc.

- Kế toán kiểm tra các yếu tố ghi trên giấy nộp tiền và chuyển cho thủ quỹ theo đường nội bộ để thu tiền.

- Thủ quỹ kiểm tra lại các liên giấy nộp tiền, yêu cầu đối tượng nộp lập bảng kê các loại tiền nộp, thu tiền, ký tên và đóng dấu “đã thu tiền” vào các liên giấy nộp tiền, chuyển trả lại kế toán theo đường nội bộ.

- Kế toán Kho bạc lập bảng kê, ký tên vào các liên giấy nộp tiền. 1 liên gửi lại người nộp, 1 liên lưu Kho bạc làm chứng từ để hạch toán thu NSNN.

- Cuối ngày kiểm tra, đối chiếu giấy nộp tiền và bảng kê, gửi 1 liên giấy nộp tiền và bảng kê các khoản thu cho cơ quan thu.

1.3.2.2.2. Thu qua cơ quan thu

a). Thu tại cơ quan thu :

Người nộp mang tiền mặt, ngân phiếu thanh toán đến cơ quan thu.

- Cán bộ cơ quan thu hướng dẫn đối tượng nộp tiền viết 4 liên giấy nộp tiền (lưu tại cuống 1 liên). Căn cứ vào số tiền của đối tượng nộp, thu tiền, đóng dấu đã thu tiền lên các giấy nộp tiền, 1 liên gửi lại người nộp.

- Lập bảng kê các khoản thu kèm theo 2 liên giấy nộp tiền vào NSNN bằng tiền mặt và toàn bộ số tiền thu được nộp KBQG.

- Kế toán Kho bạc kiểm tra bảng kê, đối chiếu với giấy nộp tiền và chuyển cho thủ quỹ bằng đường nội bộ.

- Thủ quỹ kiểm tra giấy nộp tiền, nhận tiền, vào sổ ký tên, đóng dấu đã nhận tiền vào các liên giấy nộp tiền gửi lại kế toán bằng đường nội bộ. Kế toán ký tên vào các liên giấy nộp tiền, lưu 1 liên và bảng kê sử dụng làm chứng từ hạch toán thu NSNN.

- Gửi trả lại cơ quan thu 1 liên để quản lý đối tượng nộp.

b). Cán bộ cơ quan đi thu lưu động

- Cán bộ cơ quan thu, thu tiền và viết biên lai thu gồm 3 liên. 1 liên lưu tại gốc, 1 liên gửi lại người nộp và 1 liên báo soát.

- Cuối ngày, cán bộ thu tập hợp các biên lai thu (1 liên báo soát), lập thành bảng kê tất cả các loại biên lai thu thuế (chi tiết theo từng sắc thuế), gửi kế toán cơ quan thu cùng toàn bộ số tiền đã thu được.

- Kế toán cơ quan thu kiểm tra, đối chiếu 1 liên báo soát với bảng kê và số tiền thu được. Viết giấy nộp tiền vào Ngân sách gồm 3 liên (1 liên lưu gốc) gửi KBQG cùng toàn bộ số tiền thu được và bảng kê.

- Kho bạc Nhà nước kiểm tra, đối chiếu bảng kê, giấy nộp tiền, thu tiền, ký tên, đóng dấu “Đã thu tiền” vào các liên giấy nộp tiền. Gửi trả lại cơ quan thu 1 liên làm chứng từ minh chứng cho việc nộp tiền vào NSNN; KBQG lưu 1 liên để sử dụng làm chứng từ hạch toán thu NSNN.

1.4. Các nhân tố tác động đến thanh toán không dùng tiền mặt

1.4.1. Nhân tố chủ quan

1.4.1.1. Trình độ thanh toán, kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên Kho bạc

Cùng với cơ sở pháp lý, quy chế nghiệp vụ, công cụ, phương thức tổ chức thanh toán và nâng cấp kỹ thuật, vấn đề tuyển dụng, đào tạo trình độ cho đội ngũ cán bộ thanh toán và kỹ thuật nghiệp vụ là yếu tố chủ quan tác động trực tiếp vào hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc.

1.4.1.2. Vấn đề tâm lý

Khi người dân muốn thanh toán một khoản nào đó, nếu thủ tục quá phức tạp, chờ đợi lâu mất nhiều thời gian hoặc phải đi xa, sẽ nảy sinh tâm lý lo ngại. Để các

hình thức thanh toán không dùng tiền mặt được phổ biến trong cả dân cư thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải chú ý tới yếu tố con người như nâng cao chất lượng cán bộ công chức, quảng cáo tuyên truyền cho người dân biết về tiện ích của hình thức thanh toán này, có như vậy mới dần dần xóa bỏ được tâm lý chuộng tiền mặt và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt ngày một phát triển.

1.4.2. Nhân tố khách quan

Bất kể một đơn vị nào hoạt động và tồn tại được đều phải chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố khách quan, không nằm ngoài sự chi phối của các yếu tố này. các Ngân hàng và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cần phải tìm hiểu và nắm vững các nhân tố để tìm cách khắc phục những khó khăn do nó gây ra và đồng thời biết tận dụng cơ hội khi nó đến.

1.4.2.1. Cơ sở pháp lý đảm bảo cho hoạt động thanh toán

Nếu hệ thống pháp luật đảm bảo cho hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt không đầy đủ, không đồng bộ thì các chủ thể sẽ không yên tâm khi tham gia vào hoạt động thanh toán xét cả từ khía cạnh người tổ chức thanh toán và cả người sử dụng các dịch vụ thanh toán. Vì vậy, cơ sở pháp lý cho hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt là nền tảng đảm bảo cho các chủ thể yên tâm và tham gia tích cực vào hoạt động thanh toán. Từ đó mà không ngừng mở rộng và phát triển hệ thống thanh toán qua ngân hàng.

1.4.2.2. Phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ thanh toán

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có thể phát triển các dịch vụ thanh toán khác nhau để khách hàng lựa chọn. Công nghệ thông tin phát triển đã tạo ra một bước tiến nhảy vọt trong lĩnh vực thanh toán, tác động mạnh mẽ đến cách thức mà người ta thực hiện một giao dịch thanh toán, thanh toán không dùng tiền mặt phát triển với một tốc độ nhanh nhất từ trước tới nay.

Cụ thể công nghệ thanh toán tác động đến các phương tiện và phương thức thanh toán như sau :

- *Đối với séc :*

Về cơ bản séc vẫn được coi là công cụ chứng từ và vẫn là phương tiện thanh toán chiếm vị trí đáng kể ở nhiều nước. Song hiện nay với sự hỗ trợ của những công nghệ ứng dụng tin học, nhiều công đoạn trong quá trình xử lý thanh toán séc hoàn toàn là điện tử hóa. Sự hiện diện của trung tâm bù trừ séc tự động thay thế cho những trung tâm thanh toán bù trừ thủ công đã từng tồn tại từ thế kỷ XI đã cải thiện đáng kể tốc độ thanh toán séc. Với công nghệ truyền hình ảnh, các tờ séc không cần vận chuyển tới trung tâm để đọc và phân loại mà chỉ có ảnh của những tờ séc cùng những dữ liệu điện tử được truyền tới trung tâm và từ trung tâm tới tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để xuất trình hoàn toàn phi vật chất.

Séc điện tử : là một loại séc gắn với thành tựu công nghệ về hệ thống hiện đại, cho phép người sử dụng lập và chuyển séc thông qua hệ thống Internet để trả tiền cho các hóa đơn hoặc thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà không cần phải gửi những tờ séc bằng giấy.

- *Đối với hệ thống thanh toán liên ngân hàng*

Với công nghệ thanh toán hiện đại cho phép các quốc gia phát triển và đang phát triển xây dựng những hệ thống thanh toán liên ngân hàng tổng tức thời và các hệ thống thanh toán ròng hoàn toàn tự động và phi chứng từ.

- *Đối với thanh toán bù trừ :*

Với công nghệ thanh toán hiện đại đã cho ra đời trung tâm thanh toán bù trừ tự động (ACH) có thể xử lý được một khối lượng giao dịch thanh toán lớn gấp nhiều lần so với trung tâm thanh toán bù trừ truyền thống, hiệu suất cao chưa từng có, sự an toàn và bảo mật được đặc biệt quan tâm và chú trọng, rủi ro giảm xuống mức tối thiểu.

- *Đối với thẻ thanh toán :*

Gia tăng trong thanh toán thẻ ở rất nhiều nước cũng cho thấy sự phát triển của công nghệ nối hệ thống thanh toán. Các thỏa thuận nối hệ thống thanh toán cho phép các nhà cung ứng dịch vụ chia sẻ chi phí về hạ tầng cơ sở cho thanh toán thẻ và tạo cho họ phát triển công cụ mới.

- Đối với ủy nhiệm chi và ủy nhiệm thu :

Công nghệ thanh toán rút ngắn thời gian thanh toán mỗi món có thể từ 5 đến 7 ngày qua đường bưu điện chỉ còn vài phút.

1.4.2.3. Trình độ dân trí, tập quán và thói quen của người dân

Nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt chịu ảnh hưởng sâu sắc của các yếu tố tập quán, thói quen và trình độ dân trí. Trình độ dân trí thấp, lạc hậu, người dân không am hiểu hoặc hiểu rất ít về thanh toán không dùng tiền mặt, khi đó thanh toán bằng tiền mặt là cách đơn giản và tiện lợi, còn thanh toán không dùng tiền mặt là điều xa vời đối với họ. Khi trình độ dân trí và thu nhập được nâng lên, nhu cầu mở rộng quan hệ và trao đổi sẽ tăng theo, người dân có điều kiện tiếp cận với khoa học kỹ thuật hiện đại, lúc đó việc sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với họ là tất yếu và mọi việc sẽ trở nên đơn giản. Sở dĩ tại các nước phát triển, thanh toán không dùng tiền mặt là chủ yếu, còn thanh toán bằng tiền mặt chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ là do trình độ dân trí cao, hệ thống pháp luật đầy đủ và được thực hiện nghiêm, mạng lưới Ngân hàng có mặt khắp nơi, các dịch vụ thanh toán phát triển mạnh mẽ, giá rẻ, độ an toàn cao, rất thuận tiện.

1.4.2.4. Môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế xã hội là tổng hòa các mối quan hệ về kinh tế và xã hội tác động lên hoạt động của Kho bạc.

Môi trường kinh tế thuận lợi sẽ tạo điều kiện tốt cho hoạt động của Kho bạc đồng thời tạo điều kiện phát triển chung cho nền kinh tế và ngược lại.

Bản chất kinh tế của giao dịch thanh toán bắt nguồn từ các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ. Khi kinh tế phát triển, nhu cầu trao đổi, thanh toán nhiều lên đòi hỏi việc thanh toán phải nhanh chóng, an toàn, thuận tiện để đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, dịch vụ. Để đáp ứng được nhu cầu này chỉ có hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt phát triển. Mặt khác hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt phát triển góp phần cho việc sử dụng vốn của nền kinh tế hiệu quả hơn do đó lại thúc đẩy cho nền kinh tế phát triển.

Hệ thống thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là tổng thể bao gồm các yếu tố : cơ sở pháp lý và các điều kiện tổ chức thanh toán, các chủ thể tham gia thanh toán, các dịch vụ thanh toán, các phương tiện và các phương thức thanh toán. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau tạo thành hệ thống thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế. Trong đó, các yếu tố quan trọng hàng đầu là các quy định của pháp luật và của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán làm dịch vụ thanh toán; hệ thống cơ sở kỹ thuật hạ tầng và công nghệ sử dụng để cung cấp dịch vụ thanh toán.

1.4.2.5. Tổ chức mạng lưới cung cấp dịch vụ thanh toán

Mạng lưới cung cấp dịch vụ thanh toán là nhân tố quan trọng, có tác động lớn đến mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có mạng lưới giao dịch rộng , sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đến giao dịch, thanh toán, từ đó mở rộng phạm vi thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán . Tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới thanh toán bằng phương pháp truyền thống là thành lập các chi nhánh, các điểm giao dịch sẽ gặp rất nhiều khó khăn do phải tăng chi phí để đầu tư vào cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.

Ngày nay, nhờ việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động thanh toán mà các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có thể mở rộng mạng lưới bằng việc nối mạng trực tiếp giữa Ngân hàng với khách hàng, Kho bạc với khách hàng, để cung ứng dịch vụ thanh toán cho họ. Đó cũng là mục tiêu được các Ngân hàng và Kho bạc đặt ra, nhằm thiết lập kênh phân phối trực tuyến; khách hàng có thể giao dịch qua mạng vào bất kỳ địa điểm nào, thời gian nào.

1.5. Kinh nghiệm thanh toán không dùng tiền mặt của một số nước trên thế giới và bài học rút ra đối với Lào

Kinh nghiệm cho thấy việc lựa chọn, sử dụng các thể thức thanh toán ở các nước phát triển cũng khác nhau, tùy theo tập quán, luật pháp và đặc biệt người ta

quan tâm đến mục tiêu tiết kiệm chi phí của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, người sử dụng và nguồn lực của đất nước họ. Sau đây là tình hình thanh toán không dùng tiền mặt của một số nước phát triển.

a). Mỹ : Từ tháng 10/2004, Mỹ đã áp dụng luật điện tử rút gọn. Các Ngân hàng truyền hình ảnh thay thế cho việc trao đổi séc giấy. Khách hàng có thể nộp séc tại máy ATM , POS hoặc một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nào đó. Hình ảnh séc được truyền về trung tâm xử lý séc. Khách hàng sẽ nhận được bản in hình ảnh của tờ séc ở mặt sau của biên nhận giao nộp séc. Ngân hàng xây dựng kho dữ liệu tập trung chứa hình ảnh, số séc để cung cấp hình ảnh truy vấn online cho khách hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán [40].

b). Ca Na Đa : Các giao dịch không dùng tiền mặt bao gồm thẻ ngân hàng chiếm 53%, séc 31%, chuyển tiền chiếm 9%, chuyển nợ trực tiếp chiếm 7%.

- Có hai chương trình thử nghiệm về sử dụng tiền điện tử dưới dạng thẻ nhựa.
- Phần lớn các sản phẩm dịch vụ truyền thống đều có thể sẵn sàng cung ứng qua mạng điện tử.
- Xuất hiện những dịch vụ mới như xuất trình hóa đơn điện tử và thanh toán trực tiếp với khách hàng.
- Hiệp hội thanh toán Ca Na Đa CPA là tổ chức đầu tiên của nước này công bố tiêu chuẩn sử dụng hệ thống trao đổi dữ liệu tài chính điện tử từ 10 năm trước đây và kể từ có việc sử dụng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử ngày càng tăng.
- Nộp thuế có thể thông qua phương thức điện tử [40].

c). Hồng Kông :

- Hơn 20 Ngân hàng và tập đoàn Ngân hàng đã cung ứng dịch vụ Ngân hàng qua Internet, Hơn 10 Ngân hàng và tập đoàn Ngân hàng đã cung ứng dịch vụ Ngân hàng hoặc mua bán và thanh toán chứng khoán qua điện thoại di động.
- Từ năm 1997, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử đã được chấp thuận trong việc sử dụng để gửi các chứng từ liên quan đến thương mại điện tử.
- Internet điện thoại, lệnh thanh toán tự động, ATM được sử dụng rộng rãi trong thanh toán.

- Hệ thống thanh toán tổng tức thời, hệ thống bù trừ tự động, dịch vụ Ngân hàng PC được sử dụng phổ biến. Ngày càng nhiều Ngân hàng cung ứng dịch vụ qua Internet. Trung tâm thanh toán bù trừ tập trung là cơ sở thanh toán trên thị trường vốn.

- Nộp thuế thông qua hệ thống điện tử đang tăng mạnh [40].

d). Cộng hoà Séc :

Tại Cộng hoà Séc, tài khoản Kho bạc duy nhất TSA (Treasury Single Account) được thiết lập từ tháng 1 năm 2001. Thông qua TSA, 99% giao dịch thanh toán thu, chi Ngân sách Nhà nước được thực hiện (chỉ có khoảng 1% thực hiện bằng tiền mặt). Hoạt động của TSA được thực hiện trên cơ sở tin học hóa cao và đồng bộ với hệ thống Ngân hàng. Bộ phận quản lý ngân quỹ đã được kết nối trực tuyến với TSA mở tại Ngân hàng Trung ương nên thường xuyên và liên tục nắm bắt và kiểm soát được số dư của tài khoản này. Việc quản lý ngân quỹ và quản lý nợ linh hoạt, hiệu quả, mục đích giảm thiểu dư nợ càng nhỏ càng tốt nhưng luôn đảm bảo khả năng thanh toán của Chính phủ tại mọi thời điểm. Sử dụng số dư tài khoản TSA tạm thời nhàn rỗi để đầu tư ngắn hạn trên thị trường tiền tệ hoặc sử dụng hạn mức tín dụng của Chính phủ (thấu chi) trong trường hợp khẩn cấp [26].

e). Thụy Điển :

Cuộc cách mạng về TTKDTM của Quốc gia này mới bắt đầu từ năm 1999, vậy mà kể từ sau năm 2000, tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán của Thụy Điển chỉ còn 0,7%, một con số đáng khâm phục nếu biết rằng trước 1999 tỷ lệ đó là trên 17% .

- Về phương tiện thanh toán :

Các phương tiện TTKDTM rất phát triển đặc biệt là sự bùng nổ của việc sử dụng thẻ thanh toán từ thập niên 90 của thế kỷ trước. Do đó việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán ngày càng giảm dần, tỷ lệ TTBTM so với GDP giảm từ 10% năm 1950 xuống còn 3.2% năm 2005, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn cao so với các nước Bắc Âu khác. Với sự phát triển của các phương tiện thanh toán thì tỷ lệ TTBTM sẽ tiếp tục giảm nữa.

Uỷ nhiệm chi : Việc sử dụng UNC của khách hàng thông qua hai hệ thống giro, đó là Bankgiro và Plusgiro. Trong đó tiền được chuyển dựa trên số giro tham chiếu tới tài khoản Ngân hàng. Hai hệ thống này được kết nối với nhau và hoạt động cùng nhau. Một số lượng lớn UNC được xử lý trực tiếp giữa các tài khoản bằng việc sử dụng số giro thông qua hệ thống bù trừ dữ liệu – Data Clearing do trung tâm thanh toán bù trừ BGC vận hành.

Séc : Quy trình xử lý séc được rút ngắn, các Ngân hàng thanh toán séc giữ lại các séc giấy và truyền thông tin qua mạng tới NH của người ký phát séc. Séc được xử lý thông qua hệ thống Data Clearing. Séc có thể chuyển ra tiền mặt tại bất cứ chi nhánh nào của NH. Séc có xu hướng sụt giảm mạnh do sự gia tăng của máy rút tiền tự động ATM và các điểm bán chấp nhận thẻ thanh toán.

Uỷ nhiệm thu : Việc sử dụng UNT tăng lên đáng kể, từ 91 triệu giao dịch năm 2000 lên đến 160 triệu giao dịch năm 2005, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ khá nhỏ (khoảng 9%) trong tổng các giao dịch TTKDTM. BGC và Plusgiro quản lý và vận hành các hệ thống UNT ở Thụy Điển.

Thẻ thanh toán : Thẻ thanh toán chiếm tới 60% tổng giá trị giao dịch tại các điểm bán hàng. Số lượng thẻ do các Ngân hàng phát hành là 8 triệu thẻ, với số lượng giao dịch đạt 1.1 tỷ. Số lượng máy ATM trên toàn quốc là 2.600 máy và 190.000 POS. Việc cấp phép giao dịch giữa các tổ chức phát hành và thanh toán thẻ được thực hiện thông qua công ty chuyển mạch thẻ quốc gia (CEKAB).

Kinh nghiệm Thụy Điển cho thấy việc phát hành cơ sở hạ tầng gồm ATM, POS...của từng Ngân hàng là khá tốn kém, lợi nhuận thu về từ dịch vụ thẻ là rất thấp hoặc lỗ. Do vậy ngoài 4 Ngân hàng đầu có cơ sở hạ tầng phát hành và thanh toán thẻ mạnh thì nhiều Ngân hàng khác chỉ thực hiện phát hành bằng hình thức kết hợp với NH có thể mạnh trong lĩnh vực thẻ để mang cùng thương hiệu nhằm tiết giảm chi phí.

Khuôn khổ pháp lý cho HTTT của Thụy Điển :

- Luật NHTW Thụy Điển;
- Luật hoạt động trao đổi thanh toán bù trừ;

- Luật kinh doanh NH;
- Luật về phát triển tiền tệ điện tử;
- Luật tài khoản công cụ tài chính;
- Luật giao dịch các công cụ tài chính;
- Luật về các hệ thống cho quyết toán các nghĩa vụ trên thị trường tài chính;
- Luật séc;
- Luật về các biện pháp chống rửa tiền [26].

f). Australia :

Thị trường thẻ tại Australia khá phát triển với khoảng 20 thành viên lớn. Có khoảng 7,6 triệu thẻ tín dụng với khối lượng giao dịch 15,357 triệu dolar Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2006; thẻ ghi nợ vào khoảng 4,2 triệu thẻ với lượng giao dịch 2,716 triệu dolar Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2006. Thẻ trả trước với khoản 15 chương trình lớn nhỏ mới được đưa vào thực hiện tại Australia từ tháng 5/2006 được xem là một sản phẩm mới nhưng chứa đầy tiềm năng.

Các thẻ trả trước được phát hành cho những người làm công để thanh toán lương. Các khoản lương và thu nhập được ghi có và thẻ trả trước. Người hưởng lương có thể sử dụng các khoản tiền của mình để thanh toán hoặc rút tiền mặt tại các POS và các ATM. Dịch vụ này được bản thân Ngân hàng rất quan tâm vì việc huy động vốn thông qua thẻ trả trước giúp họ quản lý một cách hiệu quả các tài khoản có số dư thấp. Thẻ còn để giải ngân các khoản tín dụng, sử dụng thẻ cho kênh phân phối phúc lợi xã hội của Chính phủ rất thành công tại Philippine, với dịch vụ bảo hiểm của Chính phủ (GSIS) , GSIS chi trả các khoản bảo hiểm và phúc lợi xã hội cho các công chức chính phủ qua GSIS – Card, cùng với các chức năng kết hợp khác như chứng minh thư cá nhân, trả lương, thanh toán và trả tiền. 1,3 triệu thẻ trả trước đã được phát hành vào cuối năm 2005 tại Philippine.

Thẻ trả trước tại Australia là loại thẻ điện tử không dập nổi của Visa, phát hành thông qua các ATM . Có thể phát hành ngay với các thẻ có mệnh giá trước, có thể được nạp lại nhiều lần, thông qua các thiết bị đầu cuối của nhà cung ứng dịch vụ

và thẻ có thể sử dụng với nhiều dịch vụ khác nhau của các nhà cung cấp khác nhau. Các giao dịch của thẻ bao gồm :

- Nạp tiền;
- Chi trả hàng hóa, dịch vụ;
- Rút tiền mặt;
- Vắn tin số dư;
- Chuyển tiền từ thẻ sang thẻ;
- Tạm khóa sử dụng;
- Chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng sang thẻ.

Kênh phân phối thẻ khá rộng, từ các chi nhánh của Ngân hàng đến các đại lý phân phối của bên thứ ba, các điểm bán lẻ... Việc nạp tiền qua thẻ, giao dịch vắn tin số dư, giao dịch chuyển tiền từ thẻ sang thẻ có thể thực hiện thông qua mạng lưới chi nhánh của chính nhà phát hành, hoặc mạng lưới của nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba làm đại lý (như bưu điện, trạm bán xăng dầu, phí giao thông, nhà cung ứng dịch vụ viễn thông...).

Khi sử dụng thẻ , số dư sẽ được trừ dần từ số dư đã được tích hợp trên thẻ, thẻ trả trước được nạp lại nhiều lần thông qua các thiết bị đầu cuối. Thẻ trả trước là công cụ thanh toán thuận tiện có khả năng tiếp cận 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần với phạm vi toàn cầu, thông qua mạng Internet, dễ kiểm soát, an toàn và bảo mật cao, thông tin sẵn sàng và dễ sử dụng. Đối tượng của thẻ trả trước là những người chưa hoặc không thường xuyên tiếp cận với Ngân hàng, những người hưởng phúc lợi xã hội hoặc người hưởng lương. Thanh toán thẻ trả trước còn có thể phát triển với các thanh toán giữa khu vực công với cá nhân, thanh toán qua Internet và chuyển tiền kiều hối. Vì vậy, khách hàng của thẻ trả trước rộng hơn các đối tượng khách hàng truyền thống của Ngân hàng trước đây. Các giao dịch thanh toán bằng thẻ trả trước tuân thủ pháp lý chung của Australia, đặc biệt là các quy định về chống rửa tiền. Cụ thể đối với thẻ trả trước vô danh, số dư của thẻ không vượt quá 1.000 dolar và không được nạp tổng số tiền vượt quá 2.000 dolar Australia trong vòng 30

ngày. Với các thẻ có số dư và số nạp tiền lớn hơn người sử dụng thẻ phải cung cấp danh tính của mình [40].

g. Việt Nam [48]:

Đối với Việt Nam, Chính phủ phê duyệt Đề án TTKDTM giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006, giao NHNN, các Bộ, ngành, địa phương liên quan phối hợp tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện các đề án thành phần.

Những kết quả bước đầu đạt được

Mục tiêu và các chỉ tiêu của Đề án TTKDTM giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020 là khá toàn diện và sự phân công, phân nhiệm giữa các Bộ, ngành có liên quan khá chi tiết, sau hơn 2 năm triển khai (2007 - 2008), đã mang lại kết quả đáng khích lệ. Để triển khai Đề án thành phần thuộc nhóm TTKDTM trong khu vực công, NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2006 ngày 29/12/2006 quy định về thanh toán bằng tiền mặt của các cơ quan, tổ chức sử dụng vốn NSNN và tổ chức sử dụng vốn nhà nước; để hướng dẫn thi hành Nghị định, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 33/2006/TT- BTC ngày 17/4/2006 về quản lý thu chi tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, trong đó quy định nội dung, đăng ký số tiền cần rút, định mức tồn quỹ, giá trị số tiền thanh toán bằng tiền mặt cho việc mua hàng hóa, dịch vụ không quá 5 triệu đồng; NHNN ban hành Thông tư số 01/2007/TT-NHNN ngày 7/3/2007 hướng dẫn thi hành điều 4 và điều 7 của Nghị định bao gồm: mức phí giao dịch bằng tiền mặt là các doanh nghiệp nhà nước với các ngân hàng, mức chi trả bằng tiền mặt không quá 30 triệu đồng. Để thúc đẩy TTKDTM, ngành Ngân hàng đã tăng cường đầu tư phát triển mạnh cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin: với nguồn vốn vay 106 triệu USD của WB, trong tiểu dự án NHNN đã khai trương Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng giai đoạn 2 vào ngày 28/2/2009, đáp ứng nhu cầu thanh, quyết toán tức thời và dung lượng ngày càng cao, giữ vai trò là hệ thống thanh toán “xương sống” của quốc gia, tạo cơ hội mở rộng các dịch vụ ngân hàng hiện đại, thay đổi tư duy kinh doanh ngân hàng truyền thống và tạo thuận lợi cao nhất cho mọi đối tượng khách

hàng. Hệ thống này đã sẵn sàng kết nối với Hệ thống thanh toán của Kho bạc Nhà nước, Hệ thống thanh toán bù trừ và quyết toán chứng khoán và các hệ thống cần thiết khác. Các NHTM đã hoàn thành dự án thanh toán điện tử nội bộ kết nối giao dịch thanh toán trong hệ thống giữa các chi nhánh, đẩy mạnh triển khai hệ thống Core Banking để hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ, mở rộng mạng lưới, không ngừng đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động thanh toán. Nhiều phương tiện TTKDTM mới, hiện đại, tiện ích ứng dụng công nghệ cao như thẻ ngân hàng, thanh toán qua Internet, điện thoại di động, ví điện tử... được các NHTM cung ứng, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế. NHNN đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất”, qua đó thực hiện kết nối các hệ thống ATM của các liên minh thẻ hiện hành thành một hệ thống thống nhất trên toàn quốc nhằm tăng tính thuận tiện cho người sử dụng dịch vụ thẻ ngân hàng, thúc đẩy thanh toán bằng thẻ ngân hàng, góp phần thực hiện chủ trương của Chính phủ phát triển TTKDTM. Với trách nhiệm là chủ trì trong việc xây dựng và triển khai đề án TTKDTM trong khu vực công, ngoài việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 161, Bộ Tài chính đang phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Thông tư hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua Kho bạc Nhà nước; trong đó, quy trình thu NSNN bằng tiền mặt sẽ được cải tiến bằng cách người nộp thuế nộp tiền mặt vào ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản, triển khai thu thuế qua hệ thống thanh toán điện tử. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đang tiến hành khảo sát và nghiên cứu xây dựng quy trình thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ công qua thẻ ngân hàng và sẽ thí điểm ở một số thành phố lớn, ngành Thuế đang có kế hoạch ký hợp đồng với các NHTM để thu thuế qua tài khoản của khách hàng nộp cho Kho bạc. Mới đây, Bộ Tài chính đã có Công văn số 10220/BTC-TCT, hướng dẫn về điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT. Theo đó, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng, NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 về trả lương qua tài khoản cho các đối tượng

hưởng lương từ NSNN. Theo NHNN, việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN đã hoàn thành giai đoạn 1 với kết quả khả quan, từ cuối năm 2007 đến cuối năm 2008, số đơn vị trả lương qua tài khoản đã tăng hơn 4 lần, từ 5.181 lên 21.562 đơn vị, số người nhận lương qua tài khoản đã tăng 3,7 lần, từ 298.920 lên đến 1.132.442 người. Để đáp ứng yêu cầu việc chi trả lương qua tài khoản theo Chỉ thị của Chính phủ, nhiều NHTM đã đầu tư nhiều tỷ đồng để lắp đặt hệ thống máy ATM, máy POS và phát hành nhiều loại thẻ ATM với nhiều tiện ích khác nhau, đến cuối tháng 6/2009, toàn thị trường đã có 8.800 ATM và 28.300 POS, khoảng 17.032.000 thẻ đang lưu hành. Theo chỉ đạo của NHNN Việt Nam, hệ thống kết nối Smartlink – Banknetvn đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 23/5/2008, lần đầu tiên tạo ra một mạng lưới liên minh thẻ ATM thống nhất trên toàn quốc, đã kết nối thanh toán thẻ gồm 42 ngân hàng thành viên của 2 liên minh thẻ, tổng số máy ATM của 2 hệ thống này chiếm khoảng 80% tổng số máy ATM và số lượng thẻ thanh toán phát hành chiếm 86% thị phần trong cả nước. Việc chi trả lương qua tài khoản đã tạo điều kiện cho các NHTM mở rộng và phát triển giá trị gia tăng dịch vụ ngân hàng bán lẻ [Google, ngày 25/9/2011].

Những bài học từ kinh nghiệm thanh toán không dùng tiền mặt của các nước có thể ứng dụng đối với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào :

Qua nghiên cứu kinh nghiệm thanh toán không dùng tiền mặt của một số nước trên thế giới trên các khía cạnh khác nhau, có thể rút ra một số kinh nghiệm vận dụng vào việc phát triển TTKDTM của hệ thống KBQG như sau :

Một là, phương tiện TTKDTM chủ yếu của các nước là : Séc, UNC, UNT và các phương tiện thanh toán điện tử như thẻ, lệnh thanh toán; các hệ thống thanh toán hướng tới giải quyết vấn đề tốc độ thanh toán, thuận lợi trong giao dịch, quản lý vốn hiệu quả. Vì vậy HTTT tức thời, trực tiếp theo từng món được áp dụng phổ biến.

Hai là, những thành tựu về công nghệ đang góp phần đẩy nhanh quá trình cung cấp dịch vụ và tạo thói quen sử dụng các dịch vụ thanh toán cho khách hàng. Còn các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thì không ngừng cải tiến các hệ thống

truyền tải dịch vụ của mình đến khách hàng và không ngừng cải tiến các dịch vụ đảm bảo an toàn, nhanh chóng, thuận tiện.

Ba là, nhiều loại hình dịch vụ mới đang bùng nổ, đáng chú ý là các giao dịch thanh toán điện tử, qua hệ thống máy tính. Thẻ trả trước là một phương tiện thanh toán phát triển cùng với sự phát triển của lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt là Internet. Loại thẻ này có thể phục vụ đắc lực cho việc phát triển thương mại điện tử do khả năng giao dịch của các cá nhân có thẻ, qua Internet hoặc Mobil phone và không nhất thiết thông qua tài khoản NH. Thẻ có thể phát hành với mệnh giá nhỏ thích hợp với những khoản chi tiêu nhỏ, lẻ và việc phát hành không nhất thiết phải có tên chủ thẻ và tài khoản ở Ngân hàng. Vì vậy loại thẻ này có tiềm năng rất lớn ở các nước đang phát triển, nơi mà một bộ phận lớn dân cư chưa có tài khoản ở NH. Đặc điểm thẻ trả trước thanh toán nhanh chóng, tức thời khiến cho việc thanh toán thẻ trả trước thuận tiện gần như tiền mặt trong các giao dịch thanh toán tại điểm bán hàng.

Bốn là, để thúc đẩy luân chuyển vốn trong nền kinh tế, giữa các nền kinh tế thì cơ sở vật chất của hoạt động thanh toán mà đặc biệt là công nghệ thông tin là yếu tố then chốt, bao gồm hệ thống mạng lưới viễn thông điện tử, đường truyền hệ thống tốc độ cao, các hệ thống mạng lưới chuyển tiền điện tử, các phương tiện truyền và xử lý số liệu khác.

Năm là, khuôn khổ pháp lý vững chắc là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới tốc độ phát triển công nghệ thanh toán, đó là nhiệm vụ của Chính phủ, NHNN và Bộ Tài chính. Cần xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, cơ chế chính sách một cách đồng bộ, nhất quán phù hợp với thông lệ quốc tế, tình hình phát triển kinh tế, xã hội và CNTT.

Sáu là, chính sách đầu tư của Chính phủ có tính chất quyết định tới sự phát triển công nghệ thanh toán, thông qua việc xây dựng hệ thống mạng lưới hạ tầng cơ sở kỹ thuật cho hệ thống thanh toán quốc gia bằng nguồn vốn Ngân sách hoặc bằng nguồn vốn nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và khu vực, hoặc khuyến khích khu vực tư nhân bỏ vốn đầu tư theo các chuẩn mực xác định hoặc thành lập các hệ thống liên kết chung.

Kết luận chương 1

Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là một nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển hệ thống tài chính, ngân hàng, góp phần phát triển nền kinh tế. Thanh toán không dùng tiền mặt là quá trình thanh toán không có sự xuất hiện của tiền mặt, được sử dụng các phương tiện thanh toán như Séc, UNT, UNC, Thẻ... và sử dụng các phương thức thanh toán đa dạng như hệ thống thanh toán nội bộ và hệ thống thanh toán liên Ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt chịu tác động của nhiều nhân tố : Pháp luật, cơ chế, chính sách, môi trường kinh tế, trình độ dân trí, khoa học và công nghệ. Đối với CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay cần tận dụng lợi thế của một nước đi sau, tiếp thu và chọn lọc kinh nghiệm hay của các nước đã thực hiện thành công việc tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt trong các TCCU'DVTT, ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật nhất là điện tử viễn thông và tập trung xây dựng hệ thống cơ chế chính sách của pháp luật phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Những nội dung và kết quả nghiên cứu của chương 1 được trình bày trên đây là cơ sở lý luận được sử dụng vào việc phân tích, đánh giá thực trạng ở chương 2.

CHƯƠNG 2

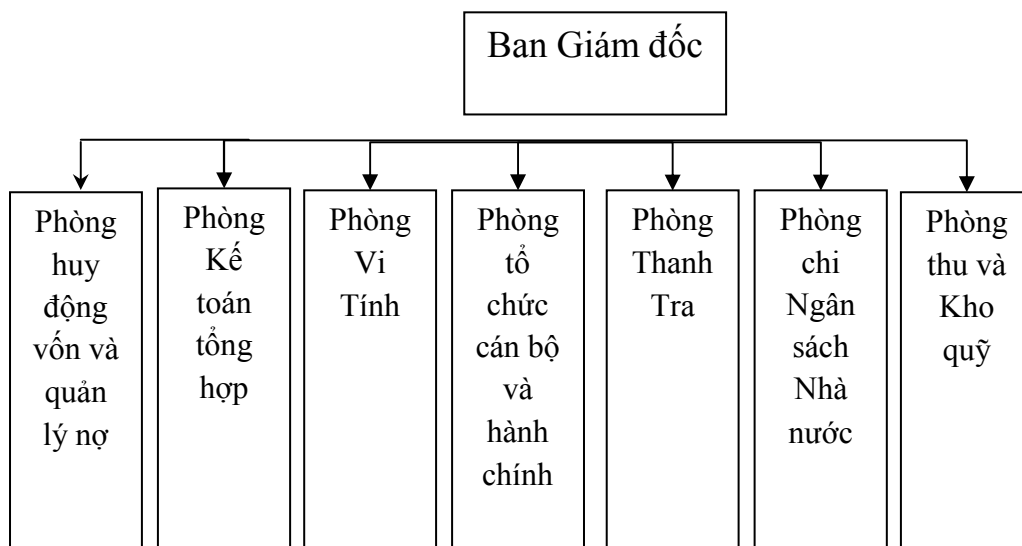
THỰC TRẠNG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CỦA KHO BẠC QUỐC GIA LÀO

2.1. Khái quát tình hình hoạt động của Kho bạc Quốc gia Lào

2.1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Kho bạc Quốc gia Lào

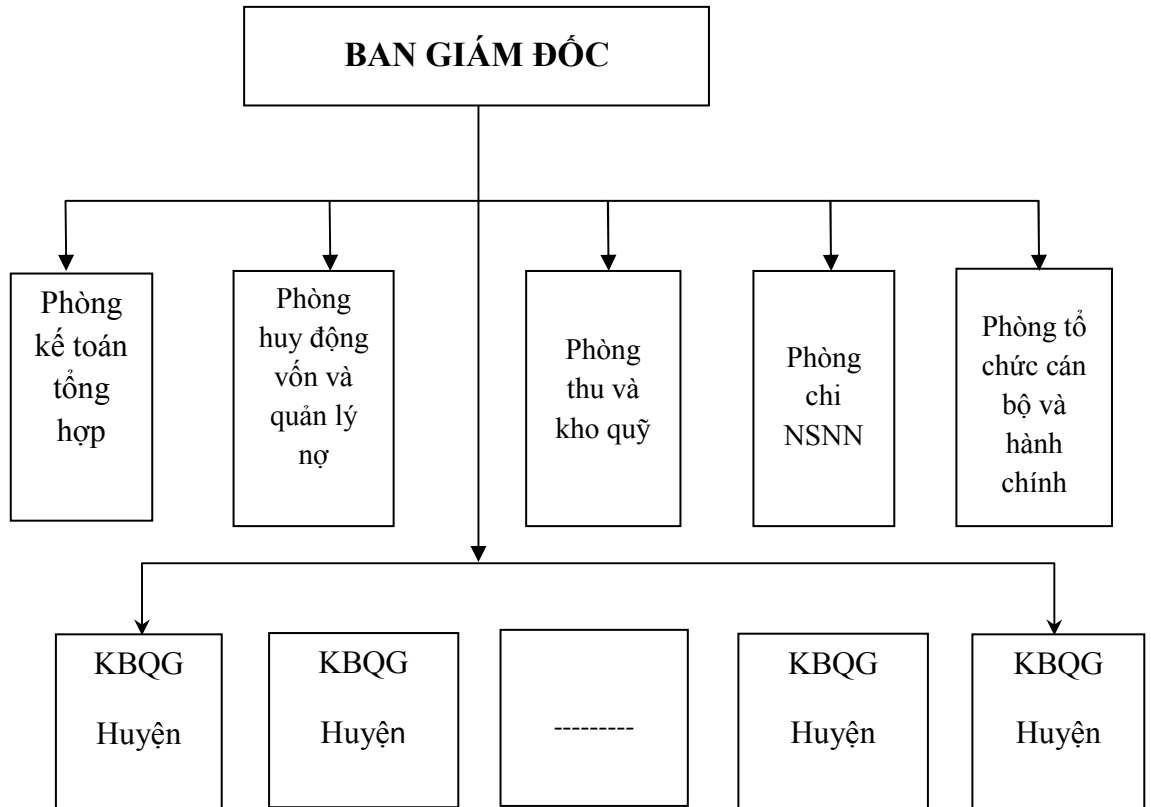
KBNN Lào hiện nay được tổ chức và quản lý theo hệ thống thống nhất trực thuộc KBQG Trung ương.

Bộ máy KBQG Trung ương có nhiệm vụ giúp Giám đốc KBQG Trung ương tổ chức, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của KBQG và các KBQG tỉnh trực thuộc đồng thời trực tiếp làm nhiệm vụ của KBQG Trung ương. Bộ máy KBQG Trung ương có 7 phòng như sơ đồ 2.1 sau:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của KBQG Lào (hay còn gọi là Vụ Kho bạc Quốc gia)

Bộ máy KBQG tỉnh có nhiệm vụ giúp Giám đốc KBQG tỉnh tổ chức, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của KBQG tỉnh và các KBQG trực thuộc đồng thời trực tiếp làm nhiệm vụ của KBQG trên địa bàn nơi KBQG tỉnh đóng trụ sở. Bộ máy KBQG tỉnh có 5 phòng và các chi nhánh KBQG huyện như sơ đồ sau



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy của Kho bạc tỉnh

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Kho bạc Quốc gia Lào

Hiện nay, ở các nước trên thế giới đều có một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước, mở tài khoản, thực hiện thu, chi Ngân sách Nhà nước theo danh mục thống nhất từ trung ương tới địa phương. Ở các nước khác nhau KBNN có thể trực thuộc Bộ Tài chính, hoặc Ngân hàng Nhà nước, hoặc Chính phủ, nhưng đối với CHDCND Lào KBQG trực thuộc Bộ Tài chính.

Mặc dù còn nhiều cách hiểu khác nhau về Kho bạc Quốc gia và ở nước khác nhau thì vị trí và vai trò của Kho bạc không hoàn toàn giống nhau, nhưng đều thống nhất với nhau ở 3 chức năng : quản lý và điều hành các quỹ tài chính Nhà nước, kế toán công và chức năng Ngân hàng của Chính phủ.

Kho bạc Quốc gia Lào được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 17/02/1993 theo quyết định số 18/HĐBT của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Nhưng thực ra Kho bạc đã tồn tại ngay từ ngày đầu thành lập vùng giải phóng Lào dưới các tên gọi khác nhau như : Kho bạc (thời kỳ năm 1968 trở về

trước); Quỹ Ngân sách trực thuộc Ngân hàng Pa Thết Lào (thời kỳ 1968 - 1975); Vụ quản lý quỹ Ngân sách trực thuộc Ngân hàng NCHDCND Lào (thời kỳ 1975 – 1992) và Kho bạc Quốc gia Lào trực thuộc Bộ Tài chính (từ năm 1993 đến nay).

Sự ra đời và phát triển của Kho bạc Quốc gia Lào gắn liền với công cuộc đổi mới và sự phát triển của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Bộ Tài chính, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của KBQG Lào dần dần được thay đổi theo hướng ngày càng được mở rộng hơn, hoàn chỉnh hơn và đầy đủ hơn cho phù hợp với chính trị trong từng thời kỳ. Dù là Quỹ Ngân sách hay Kho bạc Quốc gia trực thuộc Bộ Tài chính như hiện nay thì KBQG Lào vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của hệ thống tài chính Quốc gia.

Theo quyết định số 18/HĐBT ngày 17/02/1993 của Thủ tướng Chính phủ thì “ Kho bạc Quốc gia Lào là tổ chức trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Quỹ NSNN, quỹ dự trữ tài chính và các quỹ dự phòng của Quốc gia được giao theo quy định của pháp luật; thực hiện huy động vốn cho NSNN, cho đầu tư phát triển qua hình thức phát hành công trái, trái phiếu theo quy định của pháp luật “ [11].

Với chức năng trên, hệ thống KBQG Lào có một số nhiệm vụ chủ yếu sau [4]:

- Tập trung và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN (bao gồm cả số thu viện trợ, thu vay nợ trong nước và nước ngoài); tổ chức thực hiện việc thu nộp vào quỹ NSNN; thực hiện hạch toán số thu NSNN cho các cấp Ngân sách theo quy định của luật NSNN và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức thực hiện chi NSNN, kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi từ NSNN theo quy định của pháp luật.

Quản lý, kiểm soát và thực hiện nhập, xuất các quỹ tài chính Nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước; quản lý các khoản tạm thu, tạm giữ, tịch thu, ký cược, ký quỹ, thế chấp theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quản lý các tài sản Quốc gia quý hiếm; quản lý tiền, tài sản, các loại chứng chỉ có giá của Nhà nước và của các cá nhân, đơn vị gửi tại KBQG.

- Tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo quyết toán quỹ NSNN, các quỹ tài chính Nhà nước, tiền, tài sản tạm thu, tạm giữ...

- Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản tiền gửi và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBQG Lào.

- Mở tài khoản tiền gửi (có kỳ hạn, không kỳ hạn) tại Ngân hàng Nhà nước hoặc các NHTM quốc doanh để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của KBQG Lào.

- Tổ chức huy động vốn trong và ngoài nước cho NSNN và cho đầu tư phát triển thông qua phát hành công trái, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức quản lý, điều hành vốn và tiền mặt trong KBQG, nhằm tập trung nhanh các khoản thu, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu thanh toán chi trả của NSNN và các đối tượng giao dịch khác, đảm bảo an toàn kho quỹ. Trong trường hợp cần thiết, được sử dụng tồn ngân kho bạc để tạm ứng cho NSNN theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Để phù hợp với chức năng và nhiệm vụ trên đây, KBQG Lào được tổ chức tập trung, thống nhất, thành hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương và bao gồm 3 cấp cụ thể :

- Ở Trung ương có Kho bạc Quốc gia trực thuộc Bộ Tài chính, với 1 vụ Kho bạc, gồm có 6 phòng sự nghiệp trực thuộc.

- Ở tỉnh có KBQG tỉnh trực thuộc Kho bạc Quốc gia (gọi chung là KBQG tỉnh). Kho bạc Quốc gia tỉnh được tổ chức thành 5 phòng nghiệp vụ, ngoài ra phần lớn các KBQG tỉnh còn thực hiện kiêm nhiệm vụ của KBQG huyện nơi đóng trụ sở.

- Ở huyện, có Kho bạc Quốc gia huyện. Các KBQG huyện là đơn vị cấp cơ sở, không có các phòng nghiệp vụ, mà được tổ chức thành các bộ phận nghiệp vụ chủ yếu.

Đứng đầu KBQG là tổng giám đốc, ở cấp tỉnh là giám đốc KBQG tỉnh, cấp huyện là giám đốc KBQG huyện.

2.1.3. Năm Ngân sách của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Năm tài chính là khoảng thời gian có độ dài tương đương một năm (tức là 12 tháng hoặc 52 đến 53 tuần) dùng cho công tác kế hoạch ngân sách của tổ chức hoặc quốc gia. Năm tài chính còn được gọi là Tài khóa. Ở CHDCND Lào, năm tài chính được gọi là Năm ngân sách.

Ở CHDCND Lào từ năm 1999 trở về trước năm Ngân sách của được tính từ ngày 1/1 cho đến hết ngày 31/12 hàng năm, việc thực thi ngân sách rất khó khăn, đặc biệt là khoản đầu tư xây dựng cơ bản do đặc điểm khí hậu quanh năm chỉ có 2 mùa là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô tính từ tháng 10 cho đến tháng 4 năm sau, còn lại là mùa mưa. Hàng năm Quốc hội duyệt ngân sách vào tháng 12 chuẩn bị thực thi ngân sách song thì đã hết mùa khô. Do vậy từ năm 2000 đến nay năm ngân sách của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được bắt đầu vào ngày mùng 1 tháng 10 cho đến hết ngày 31 tháng 9 năm kế tiếp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi ngân sách.

2.1.4. Hoạt động của Kho bạc Quốc gia Lào

2.1.4.1. Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý chi Ngân sách Nhà nước

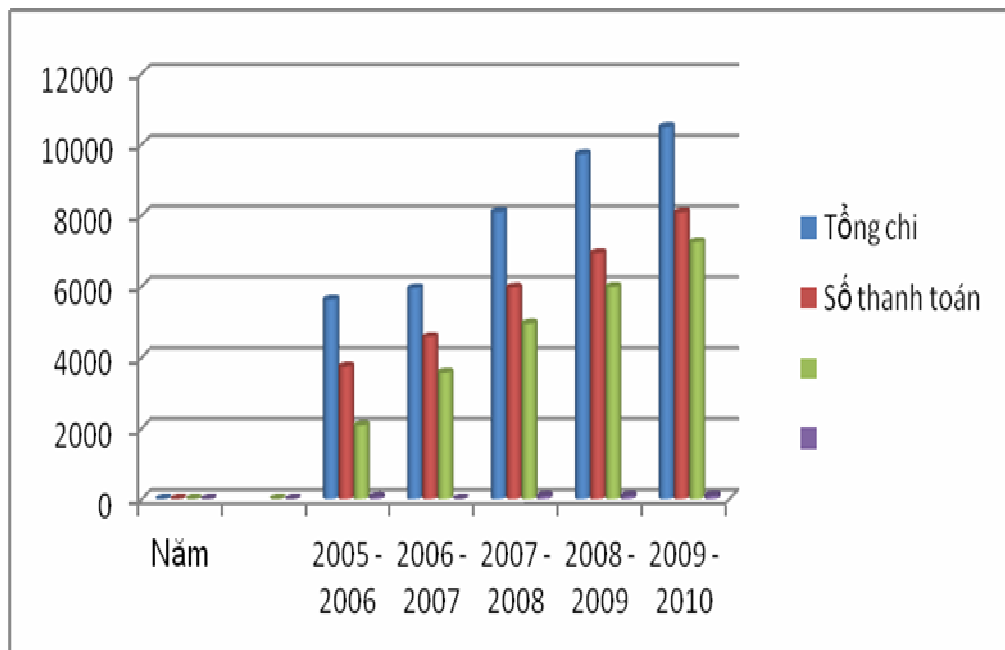
Nói chung việc quản lý chi NSNN ở CHDCND Lào đã đi vào nề nếp từ ngày đầu thực hiện tách nghiệp vụ KBQG ra khỏi hệ thống ngân hàng và thành lập Kho bạc Quốc gia Lào phụ thuộc Bộ Tài chính trong năm 1993.

Bảng 2.1: Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý chi NSNN

Đơn vị tính : Tỷ kip

Năm	Tổng chi NSNN	Số thanh toán		
		Tổng số	Số TTKDTM	% TTKDTM
2005 - 2006	5,619	3,724	2,076	55.8
2006 - 2007	5,943	4,568	3,559	77,9
2007 - 2008	8,099	5,967	4,941	82.8
2008 - 2009	9,721	6,930	5,986	86.4
2009 - 2010	10,484	8,084	7,243	89.6

Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào



Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào

Biểu đồ 2.1: Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý chi NSNN

Kho bạc Quốc gia Lào thực hiện luật NSNN và các thông tư hướng dẫn thực hiện luật NSNN, tăng cường thanh toán trực tiếp tới đơn vị thụ hưởng NSNN để đảm bảo các khoản chi NSNN được thanh toán đúng mục đích, đúng đối tượng, thanh toán theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Hạn chế tình trạng các đơn vị rút tiền mặt về đơn vị làm phân tán quỹ NSNN để xảy ra tiêu cực. Qua bảng số liệu và biểu đồ ta thấy số liệu chi thanh toán và chi tạm ứng NSNN giảm qua các năm. Xét về tỷ trọng ta thấy tỷ trọng thực chi NSNN không dùng tiền mặt theo chiều tăng lên. Năm 2005/2006, tỷ trọng thực chi là 55,8%, năm 2006/2007 là 77,9%, năm 2007/2008 là 82,8%, năm 2008/2009 tỷ trọng thực chi không dùng tiền mặt là 85,4%, năm 2009/2010 tỷ trọng thực chi không dùng tiền mặt là 89,6%. Tỷ trọng chi NSNN không dùng tiền mặt tăng lên qua các năm và mức độ tăng khá lớn là do : *Thứ nhất*, Nghị định điều khoản chung của kế toán Nhà nước số 20/CP ban hành từ ngày 18/2/1993 vẫn còn hiệu lực thi hành quy định chi tiết đối tượng phải chi không dùng tiền mặt và mức tối đa được chi bằng tiền mặt với những khoản không thuộc đối

tượng được chi bằng tiền mặt là tiền điện, tiền nước, điện thoại, tiền xăng,.. Quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho KBQG Lào có mức cụ thể rõ ràng để yêu cầu các đơn vị chi NSNN bằng hình thức không dùng tiền mặt. *Thứ hai*, hoàn thành khoảng 80% việc thực hiện thanh toán qua tài khoản ở cấp Trung ương và 4 tỉnh lớn như Chăm Pa Sắc, Sa Van Na Khết, Khăm Muộn, Bo Ly Khăm Xay. Qua đó ta thấy: áp dụng các biện pháp hành chính bắt buộc đối với các đơn vị giao dịch với KBQG, thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt đã có những kết quả nhất định.

Trong năm 1993, Bộ Tài chính (KBQG đã ban hành thông tư số 76/KBQG – BTC về quản lý thu chi qua KBQG trong đó các tổ chức sử dụng vốn nhà nước phải mở tài khoản tiền gửi ở KBQG và NHTM khi chi trả cho người thụ hưởng phải thanh toán qua tài khoản đó không được phép TTBTM, KBQG chỉ được chi trả bằng tiền mặt với các khoản chi đi công tác ở trong và ngoài nước, một số khoản chi cho việc hành chính thường ngày cho các đơn vị ngân sách cấp hai và khoản trợ cấp cho cán bộ công chức Nhà nước.

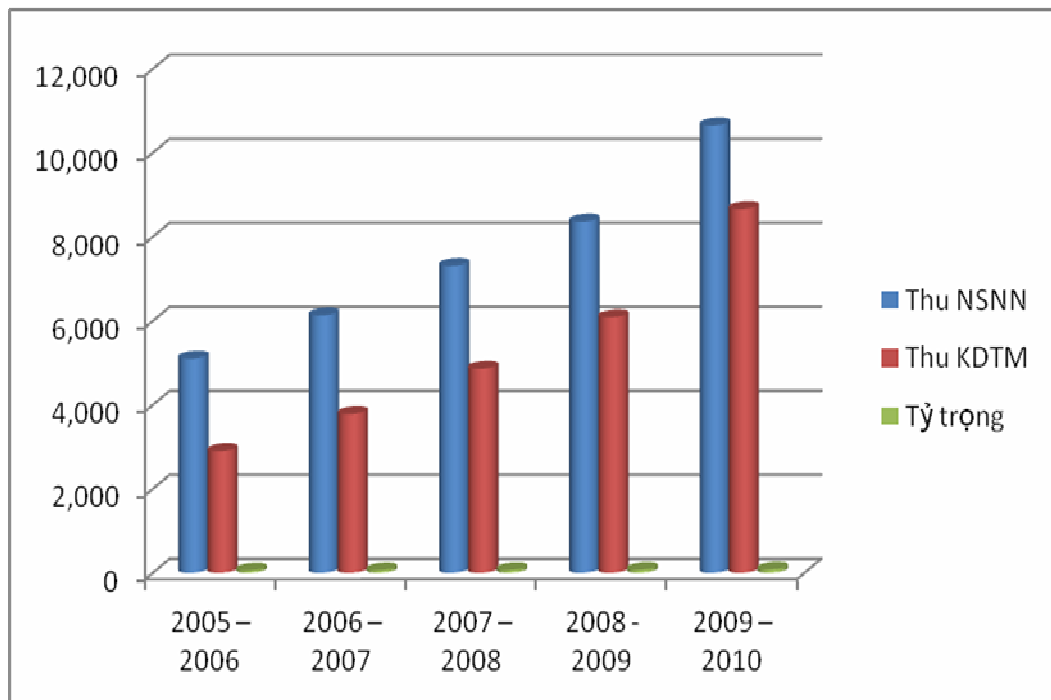
2.1.4.2. Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thu NSNN

Bảng 2.2: Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thu NSNN

Đơn vị tính : Tỷ kíp

Năm	Thu NSNN	Thu KDTM	Tỷ trọng
2005 – 2006	5,107	2,902	56.8
2006 – 2007	6,134	3,787	61.8
2007 – 2008	7,312	4,864	66.5
2008 - 2009	8,365	6,089	72.8
2009 – 2010	10,653	8,664	81.3

Nguồn [23]: Trung tâm tin học KBQG Lào



Nguồn [23]: Trung tâm tin học KBQG Lào

Biểu đồ 2.2: Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thu NSNN

Doanh số thu NSNN không dùng tiền mặt tăng lên liên tục qua các năm. Năm 2005/2006 thu NSNN không dùng tiền mặt là 2.902 tỷ kíp, năm 2006/2007 là 3.787 tỷ kíp, năm 2007/2008 là 4.864 tỷ kíp, năm 2008/2009 là 6.089 tỷ kíp, năm 2009/2010 là 8.664 tỷ kíp. Tỷ trọng thu NSNN không dùng tiền mặt cao trong tổng thu NSNN, năm 2005/2006 tỷ trọng là 56.8%, năm 2006/2007 là 61.8%, năm 2007/2008 là 66.5%, năm 2008/2009 là 72.78%, năm 2009/2010 là 81.33%. Tỷ trọng thu NSNN không dùng tiền mặt so với tổng thu NSNN cao do đó chi phí cho việc thu NSNN bớt tốn kém hơn. Từ khi Bộ Tài chính bắt đầu thực hiện thu NSNN qua tài khoản tiền gửi ở NHTM và ở KBQG thì thu ngân sách không dùng tiền mặt của CHDCND Lào so với các nước trong khu vực thì vẫn còn cao.

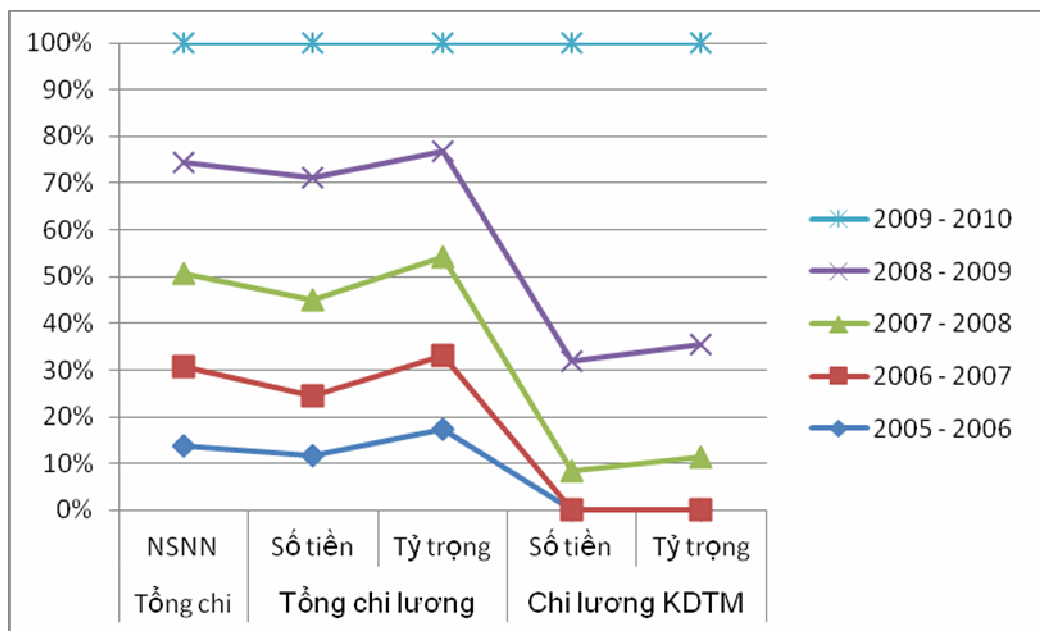
2.1.4.3. Chi lương cho cán bộ công chức qua tài khoản tiền gửi

Bảng 2.3: Tình hình chi lương không dùng tiền mặt cho cán bộ công chức qua Kho bạc Quốc gia Lào

Đơn vị tính : tỷ kíp

Năm	Tổng chi NSNN	Tổng chi lương		Chi lương KDTM	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
2005 - 2006	5,619	524	9.3		
2006 - 2007	6,943	583	8.4		
2007 - 2008	8,099	918	11.3	96	10.5
2008 - 2009	9,721	1,179	12.1	268	22.7
2009 - 2010	10,484	1,294	12.3	778	60.1

Nguồn [23] : Trung tâm tin học Kho bạc Quốc gia Lào.



Nguồn [23] : Trung tâm tin học Kho bạc Quốc gia Lào.

Biểu đồ 2.3: Tình hình chi lương không dùng tiền mặt cho cán bộ công chức qua Kho bạc Quốc gia Lào

Chi lương không dùng tiền mặt cho cán bộ công chức từ năm tài khóa 2006/2007 về trước hoàn toàn bằng tiền mặt. Năm 2007/2008, tổng chi lương không dùng tiền mặt là 96 tỷ kíp, chiếm 10,5% trong số tổng chi lương, năm 2008/2009 là 268 tỷ kíp, chiếm 22,7% tổng chi lương, năm 2009/2010 là 778 tỷ kíp, chiếm 60,1% tổng chi lương. Năm tài khóa 2006/2007 trở về trước toàn bộ chi lương cho cán bộ công chức bằng tiền mặt do đó rất tốn kém cho KBQG Lào nói riêng và nền kinh tế nói chung. Khi thực hiện thanh toán tiền lương qua tài khoản cho cán bộ công chức Kho bạc Quốc gia các cấp không phải lĩnh tiền mặt tại Ngân hàng để chi cho đơn vị sử dụng NSNN, các đơn vị không phải sang Kho bạc để lĩnh tiền về chi cho từng cán bộ công chức nữa. Mỗi lần chi lương chỉ cần Kho bạc báo cho Ngân hàng thực hiện theo danh sách của mỗi đơn vị, như thế, Ngân hàng, Kho bạc, đơn vị, người lĩnh lương đều không phải mất thời gian kiểm đếm, vận chuyển, bảo quản. Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước không phân tán tại quỹ của đơn vị, nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư giảm xuống. Từ năm tài khóa 2007/2008 đến nay do có cơ chế trả lương qua tài khoản KBQG và hệ thống NH đã phối hợp nhau trả lương cán bộ công chức qua tài khoản nên đã tiết kiệm được rất nhiều công sức và tận dụng vốn để phát triển kinh tế của đất nước.

Một yếu tố rất thuận lợi là ngày 23 tháng 12 năm 2008, Kho bạc quốc gia Trung ương Lào đã có thông tư số 378/BTC gửi Kho bạc Quốc gia các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc thanh toán tiền lương qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân. Trong thông tư, để thống nhất việc kiểm soát, thanh toán của Kho bạc Quốc gia đối với các đơn vị sử dụng Ngân sách thực hiện chi trả lương cho cán bộ, công chức qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân, Kho bạc Quốc gia hướng dẫn cụ thể như sau : Để thực hiện chi trả lương cho cán bộ, công chức qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân, đơn vị sử dụng Ngân sách ký hợp đồng với một Ngân hàng thương mại về dịch vụ trả lương cho cán bộ, công chức của mình qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân. Ngân hàng cung cấp cho đơn vị sử dụng Ngân sách tài khoản “ chuyên dùng thanh toán lương ”. Từng cán bộ, công chức của đơn vị làm thủ tục mở tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân tại Ngân hàng mà đơn vị ký

hợp đồng. Trong hợp đồng ký kết với Ngân hàng, cần có điều khoản thỏa thuận về ủy quyền cho Ngân hàng tự động trích nợ tài khoản “ chuyên dùng thanh toán lương ” khi nhận được hồ sơ, chứng từ thanh toán từ Kho bạc Quốc gia chuyển sang; trách nhiệm của Ngân hàng trong việc hạch toán trích chuyển tiền kịp thời; việc xử lý số dư phát sinh trên tài khoản “ chuyên dùng thanh toán lương ” (nếu có); phí giao dịch,...Đồng thời Kho bạc Quốc gia cũng hướng dẫn rõ quy trình trả lương qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân. Có thể đánh giá Công văn là lời giải đáp kịp thời, rõ ràng về thắc mắc của các đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước đang còn băn khoăn, lưỡng lự không biết có được mở tài khoản thanh toán tại các Ngân hàng thương mại để thực hiện trả lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức của mình hay không. Đây chính là một ví dụ thực tế về sự hợp tác chặt chẽ giữa các Bộ ngành và Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong việc triển khai thực hiện chủ trương trả lương qua tài khoản theo tinh thần Thông tư 435 của Thủ tướng Chính phủ.

Qua 17 năm hoạt động, KBQG Lào đã từng bước ổn định và phát triển, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới Tài chính – Ngân hàng và làm lành mạnh hóa nền tài chính Quốc gia.

2.1.4.4. Những kết quả chủ yếu :

Công tác quản lý quỹ NSNN và quỹ tài chính Nhà nước : Từ khi thành lập hệ thống KBQG, công tác quản lý quỹ NSNN và các quỹ tài chính Nhà nước đặc biệt là công tác kiểm soát chi NSNN có sự thay đổi về chất, giúp cho việc quản lý, điều hành tài chính, ngân sách của Chính phủ, Bộ Tài chính được chủ động, an toàn, hiệu quả, bước đầu tạo nên sự đồng bộ của các quy trình quản lý ngân sách, từ khâu xây dựng dự toán, phân bổ đến khâu thanh quyết toán NSNN, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý NSNN.

Công tác quản lý thu Ngân sách Nhà nước : KBQG phối hợp với ngành thuế, hải quan triển khai Đề án hiện đại hóa công tác thu nộp ngân sách nhà nước với những cải cách đột phá về quy trình thu nộp, chuyển dần phương thức nộp bằng tiền mặt sang hình thức thu qua hệ thống ngân hàng. Hệ thống KBQG tiến tới chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

Quản lý và các phát các chương trình mục tiêu của Chính phủ : KBNN tiếp nhận và phân bổ các nguồn vốn từ NSNN đầu tư cho việc phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống giáo dục, y tế, nông nghiệp tại các vùng, các xã đặc biệt khó khăn trên phạm vi Toàn quốc.

Tiếp nhận các nguồn vốn cho đầu tư XDCB, thực hiện thanh toán cho các công trình Đầu tư XDCB từ nguồn NSNN trên phạm vi toàn quốc.

Việc thúc đẩy nhanh quá trình thanh toán thanh toán KDTM đã góp phần nhanh chóng tập trung các nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Các khoản chi ngân sách thực hiện qua nghiệp vụ thanh toán KDTM luôn kịp thời, an toàn, đưa nguồn ngân sách kịp thời phục vụ những nhu cầu chi thường xuyên, đầu tư cho những chương trình Quốc gia trên mọi miền đất nước. Giải quyết vấn đề nguồn vốn bị tồn đọng do qui trình thanh toán chậm trễ. Giảm một khối lượng tiền mặt rất lớn trong thanh toán...

Công tác huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển : về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu bù đắp bội chi NSNN và bổ xung vốn cho đầu tư phát triển thông qua việc thực hiện nhiệm vụ tổ chức phát hành các loại trái phiếu Chính phủ đã từng bước được cải tiến, gắn với nhiệm vụ phát triển thị trường tiền tệ trong nước.

Công tác kế toán và báo cáo tài chính : Kế toán KBQG ngày càng làm tốt hơn vai trò rất quan trọng là đảm bảo an toàn tiền và tài sản của Nhà nước, kịp thời cung cấp các thông tin về tài chính, ngân sách cho các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, phục vụ cho việc quản lý điều hành ngân sách các cấp.

Công tác quản lý nợ Chính phủ : Trong thời gian gần đây, công tác quản lý nợ của Lào đã đạt được những tiến bộ đáng kể, góp phần ổn định và phát triển kinh tế đất nước, cụ thể là:

- Thông qua hoạt động vay nợ, Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp đã huy động được nguồn vốn khá lớn cho đầu tư phát triển, đồng thời vẫn đảm bảo quản lý nợ trong các giới hạn an toàn.

- Trong công tác quản lý nợ, các văn bản pháp lý ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ hơn và tiến gần đến các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, nhất là trong lĩnh vực quản lý nợ nước ngoài. Chính phủ đã thực hiện nguyên tắc thống nhất quản lý nợ Chính phủ, nợ quốc gia trên cơ sở phân công, xác định trách nhiệm rõ ràng hơn giữa các cơ quan quản lý.

- Công tác trả nợ Chính phủ trong và ngoài nước luôn được thực hiện đầy đủ, đúng hạn, không để xảy ra nợ quá hạn như những năm về trước. Việc tích cực đàm phán xử lý các khoản nợ cũ với các chủ nợ nước ngoài đã giúp giảm đáng kể nghĩa vụ nợ của CHDCND Lào.

2.1.4.5. Những mặt cần được khắc phục :

Quản lý ngân quỹ KBNN mới chỉ chú trọng đến mục tiêu an toàn và đáp ứng khả năng thanh toán của NSNN và các đơn vị sử dụng NSNN, chưa tính đến mục tiêu hiệu quả và chưa được coi là một chức năng của KBQG.

Một số đơn vị hành chính có thu đã không chấp hành tốt việc thu nộp tiền mặt vào KBNN theo quy định để tồn quỹ tiền mặt khá lớn đã xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực như : lạm dụng tiền công quỹ Nhà nước chi tiêu sai chế độ, sử dụng các khoản thu để lại chi tiêu cho đơn vị, không nộp vào NSNN theo quy định, mở sổ sách hạch toán riêng các khoản thu, không quyết toán với cấp có thẩm quyền, làm thất thoát nguồn thu của NSNN, một số cá nhân lợi dụng tiền quỹ cơ quan, tham ô, biến thủ công quỹ hoặc tạm thời vay mượn sử dụng vào việc tư.

Một số đơn vị chạy kinh phí vào cuối năm bằng cách lập chứng từ xin rút hết dự toán bằng tiền mặt hoặc số dư tài khoản của đơn vị.

Lượng tiền mặt trong thanh toán tăng làm tăng chi phí hoạt động của KBNN trực tiếp là chi phí kiểm đếm, vận chuyển, bảo quản và rủi ro tiền giả, rủi ro trên đường vận chuyển.

Hiệu quả công tác huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển chưa cao, công tác kế hoạch hóa chưa được chú trọng, chưa có sự gắn kết giữa quản lý ngân quỹ và hoạt động vay nợ... Thị trường trái phiếu Chính phủ còn những bất cập về tính công

khai, minh bạch và tính thanh khoản. Việc phân tích đánh giá nợ từ trái phiếu Chính phủ còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp.

Công tác kế toán và báo cáo tài chính :

Chưa thống nhất nội dung và phương pháp dẫn đến số liệu thu chi NSNN giữa KBQG, cơ quan tài chính, cơ quan thu không thống nhất, kế toán NSNN chủ yếu dựa vào phương pháp tiền mặt, chưa thực hiện dồn tích. Chưa có một hệ thống thông tin tập trung có khả năng thu thập, xử lý, khai thác, truyền và nhận dữ liệu một cách kịp thời, đầy đủ và thống nhất.

Các phương thức thanh toán còn nghèo nàn, chất lượng chưa cao, tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt lớn.

Công nghệ thông tin KBQG : Trang thiết bị, hạ tầng thông tin chưa đáp ứng yêu cầu tin học hóa của KBQG. Việc xây dựng và ứng dụng một số chương trình còn chậm, thiếu tính thích hợp, chất lượng chưa cao. Nhân lực thông tin KBQG còn thiếu khả năng thiết kế hệ thống và chưa chuyên nghiệp.

Các ứng dụng công nghệ thông tin mới chỉ dừng ở mức thấp, mới hỗ trợ tác nghiệp thay thế một phần thủ công mà chưa giúp tái cơ cấu lại quy trình nghiệp vụ. Các hệ thống vẫn mang tính độc lập, mức độ liên kết chia sẻ trao đổi dữ liệu chưa cao. Tổ chức và nhân lực công nghệ thông tin còn yếu đặc biệt là công nghệ thanh toán ở địa phương.

2.2. Thực trạng tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào

2.2.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào

Kho bạc Quốc gia Lào thực hiện chức năng Ngân hàng Chính phủ, là trung tâm giao dịch, thanh toán liên quan đến thu – chi NSNN, việc thanh toán của KBQG Lào cũng tuân thủ các văn bản pháp lý quy định chung đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Ngoài ra, để quản lý chi NSNN một cách chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính Nước CHDCND Lào đã ban hành các văn bản như sau :

- Luật Ngân sách Nhà nước Lào năm 1999, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật NSNN năm 2006 được Quốc hội Nước CHDCND Lào khóa VI, kỳ họp thứ II thông qua ngày 26/12/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2007.

- Nghị định 25/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật ngân sách; Thông tư số 20/TT-BTC; Các thông tư 0008/BTC, Thông tư 1706/TT-BTC và Thông tư 879/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBQG . Trong đó nghị định số 20/TT-BTC quy định “ KBQG thanh toán các khoản chi NSNN trực tiếp cho đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay thanh toán trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng ” [13]. Thanh toán các khoản chi NSNN khi có đủ các điều kiện sau :

- Đã có trong dự toán NSNN được giao (trừ trường hợp đầu năm chưa có dự toán thì cơ quan tài chính các cấp tạm cấp kinh phí những khoản không thể trì hoãn được cho đến khi có dự toán chính thức đã được quyết định và những khoản có phát sinh nhu cầu đột xuất).

- Đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức chi NSNN do cơ quan Nhà nước thẩm quyền quy định.

- Đã được cơ quan tài chính hoặc thủ trưởng đơn vị sử dụng Ngân sách chuẩn chi. Đối với các khoản chi do cơ quan Tài chính cấp phát trực tiếp thì quyết định chi là lệnh chi tiền của cơ quan tài chính. Cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát nội dung, tính chất của từng khoản chi.

- Có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán theo tính chất của từng khoản chi.

Ngày 23/12/2008, Bộ Tài chính đã ra thông tư 3780/TT-BTC về việc quản lý chi tiền mặt qua hệ thống KBQG Lào. Thông tư quy định cụ thể các khoản được thanh toán bằng tiền mặt và không được thanh toán bằng tiền mặt. KBQG Lào kiểm soát chặt chẽ các khoản chi bằng tiền mặt nhằm quản lý chi NSNN có hiệu quả

đồng thời giảm dần thanh toán bằng tiền mặt. Khi thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân có tài khoản tại NH hoặc KBQG, phải thanh toán bằng phương thức thanh toán KDTM trừ trường hợp thanh toán nhỏ lẻ.

- Nghị định số 20/CP ngày 18/02/1993 về việc ban hành chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBQG.

- Công văn số 1369/BTC ngày 20/12/1995 về điều lệ quản lý và sử dụng quỹ tín dụng và tài trợ từ nước ngoài.

- Công văn số 1237/KBQG ngày 9/02/2009 về việc hướng dẫn thực hiện thu NSNN ở cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu địa phương.

- Thông tư số 299/CP, ngày 20/5/2007, về việc ban hành thanh toán tiền lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước.

- Thông tư số 384/BTK-CP, ngày 6/3/2009 về việc ban hành thanh toán tiền lương qua tài khoản cho đội ngũ an ninh – quốc phòng.

- Công văn 879/BTC ngày 24/3/1997 về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục giấy tờ chi NSNN qua KBQG Lào.

- Công văn số 2070/BTC ngày 20/9/2005 về việc hướng dẫn quy trình nghiệp vụ thanh toán điện tử trong hệ thống KBQG Lào.

- Quyết định số 1706/QĐ-BTC ngày 22/10/2001 về thể lệ thẩm định chi tiêu NSNN. Quyết định nêu rõ : theo kế hoạch cân đối NSNN cho ngân sách địa phương KBQG sử dụng séc KB để chuyển tiền cho KB địa phương và ngược lại [9].

2.2.2. Các chủ thể liên quan thanh toán với Kho bạc Quốc gia

KBQG tham gia thanh toán với tư cách như một ngân hàng do đó có các chủ thể liên quan đến thanh toán của KBQG như sau :

- *Các cơ quan, đơn vị, các chủ dự án... sử dụng kinh phí NSNN (sau đây gọi chung là đơn vị sử dụng kinh phí NSNN)* phải mở tài khoản tại KBQG; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính và của KBQG trong quá trình lập dự toán, phân bổ hạn mức, cấp phát, thanh toán, hạch toán kế toán NSNN.

- *Các cơ quan thu (Thuế Nhà nước, Hải quan, Tài chính và các cơ quan khác được Chính phủ cho phép hoặc được Bộ Tài chính ủy quyền)* phối hợp với KBQG

tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu NSNN, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu đảm bảo mọi nguồn thu ngân sách phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào quỹ NSNN.

- *Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ CHDCND Lào* có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác và NSNN theo quy định của pháp luật.

- *Ngân hàng Nhà nước*: Thực hiện các nghiệp vụ ngân quỹ cho chính phủ, giống như một NHTU thực hiện nghiệp vụ này cho khách hàng của mình như : mở tài khoản, thu tiền, trả tiền, chuyển tiền v.v.

- *Ngân hàng thương mại nơi đơn vị mở tài khoản*, có trách nhiệm thực hiện thanh toán, chuyển tiền thu nộp NSNN kịp thời. Thực hiện trích tài khoản tiền gửi của đơn vị theo yêu cầu của cơ quan thu để nộp NSNN.

2.2.3. Quản lý điều hoà vốn

Nguồn vốn của KBQG Lào:

Các loại nguồn hình thành từ vốn KBQG phần lớn có nguồn gốc trực tiếp hay gián tiếp từ NSNN bao gồm:

- Quỹ Ngân sách Nhà nước, quỹ dự trữ tài chính Nhà nước, nguồn vốn cho vay, nguồn vốn tiền gửi của các đơn vị.

- Nguồn vốn trong thanh toán: bao gồm nguồn vốn giữa KBQG và các đơn vị, cá nhân ngoài hệ thống, thanh toán giữa các đơn vị KBQG với nhau.

Quản lý, điều hoà vốn trong KBQG Lào:

- Mở tài khoản của KBQG Lào:

+ Tại KBQG : mở tài khoản tiền gửi tại NHNN.

+ Tại KBQG tỉnh mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và tại NHTM tỉnh.

+ Tại KBQG huyện mở tài khoản tại chi nhánh các NHTMQD tại huyện.

- Công tác thanh toán:

Thanh toán trong hệ thống : Việc thanh toán giữa các Kho bạc với nhau thực hiện qua hình thức thanh toán liên kho bạc. Có hai hình thức thanh toán : liên kho bạc trong tỉnh và liên kho bạc ngoại tỉnh.

Thanh toán ngoài hệ thống : Được thực hiện thanh toán bù trừ (thanh toán đa biên), hoặc thanh toán trực tiếp qua tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- Công tác quản lý điều hoà vốn :

Công tác quản lý vốn được thực hiện theo nguyên tắc thống nhất và phân tán : Tổng Giám đốc KBQG là người quản lý thống nhất vốn KBQG trong toàn hệ thống, Thủ trưởng các đơn vị KBQG chịu trách nhiệm quản lý vốn trong phạm vi quyền hạn của mình.

Nhận xét về quản lý ngân quỹ tại KBQG Lào hiện nay :

Việc quản lý vốn KBQG Lào hiện nay làm nguồn lực bị phân tán, thiếu tập trung. Tồn quỹ tiền mặt tại các đơn vị hành chính sự nghiệp còn lớn do rút tiền mặt hoặc tự thu. Việc mở tài khoản tiền gửi tại các Ngân hàng làm phân tán nguồn vốn của KBQG, không tạo ra nguồn lực tập trung để có thể đầu tư, mặt khác điều hoà vốn gây ra lãng phí trong quá trình thanh toán. Chưa dự báo được luồng tiền vào, ra của hệ thống KBQG Lào nên chưa kết hợp được công tác quản lý ngân quỹ Kho bạc với công tác quản lý NSNN, đặc biệt là kế hoạch vay nợ của NSNN. Chưa có cơ chế đầu tư từ nguồn ngân quỹ KBQG dẫn đến chưa sử dụng được hiệu quả một nguồn lực tài chính rất lớn trong xã hội.

2.2.4. Thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý nợ của Kho bạc Quốc gia Lào

a). Trả nợ nước ngoài (đối với NSTU) :

- Trên cơ sở dự toán chi trả nợ và yêu cầu thanh toán, cơ quan tài chính lập “Lệnh chi tiền” chuyển KBQG để thanh toán, chi trả, căn cứ “Lệnh chi tiền” của cơ quan tài chính. Kho bạc Quốc gia làm thủ tục xuất quỹ NS để thanh toán trả nợ nước ngoài.

- Trường hợp trả nợ nước ngoài bằng ngoại tệ, cơ quan tài chính lập giấy đề nghị chi ngoại tệ số tiền Kíp ghi trên lệnh chi tiền bằng số ngoại tệ phải thanh toán trả nợ nước ngoài nhân với tỷ giá hạch do Bộ Tài chính công bố) gửi KBQG. Căn cứ giấy đề nghị chi ngoại tệ và lệnh chi tiền, KBQG xuất quỹ ngoại tệ tập trung để trả nợ nước ngoài đồng thời hạch toán chi NDNN bằng tiền Kíp.

b). Trả nợ trong nước :

- Các khoản nợ về tín phiếu, Trái phiếu Chính phủ do KBQG phát hành:
- + Đối với số nợ tín phiếu, trái phiếu Chính phủ đầu thầu qua NHNN : căn cứ đề nghị của KBQG, cơ quan tài chính lập “Lệnh chi tiền” chuyển cho KBQG để thanh toán nợ đến hạn.
- + Đối với số nợ tín phiếu Chính phủ do các đơn vị KBQG trực tiếp phát hành (kể cả thanh toán tín phiếu, trái phiếu trước hạn) : KBQG thanh toán, chi trả trực tiếp cho người mua tín phiếu, trái phiếu và quyết toán với NSNN.
- + Đối với trái phiếu công trình địa phương (thuộc trách nhiệm trả nợ của Ngân sách địa phương) : khi đến hạn trả nợ, sở tài chính của tỉnh “Lập lệnh chi” chuyển tiền cho KBQG để thanh toán trả nợ.
- Các khoản chi trả nợ trong nước khác: KBQG thực hiện thanh toán theo lệnh chi tiền của cơ quan tài chính.

2.2.5. Thực trạng sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào

Kho bạc Quốc gia Lào luôn coi trọng công tác thanh toán, luôn tìm các biện pháp để khách hàng thực hiện thanh toán qua KBQG được kịp thời, chính xác và đảm bảo an toàn. Để chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao thì KBQG Lào đã chú trọng đến công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thanh toán viên thành thạo nghiệp vụ và nắm chắc quy trình về thanh toán. Kho bạc Quốc gia Lào đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào hệ thống thanh toán để phục vụ cho công tác thanh toán thay thế cho việc làm thủ công do đó hiệu quả thanh toán được nâng cao, thời gian thanh toán rút ngắn từ đó làm cho khách hàng yên tâm, tin tưởng, nâng cao uy tín cho khách hàng.

Kho bạc Quốc gia Lào cung cấp cho khách hàng những phương tiện thanh toán như : Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, các loại Séc. Khi có nhu cầu thanh toán thì khách hàng thường lựa chọn cho mình phương thức thanh toán phù hợp nhất, vừa đáp ứng tính chính xác, an toàn trong thanh toán, vừa nhanh chóng kịp thời nhằm mang lại lợi ích kinh tế. Căn cứ chủ yếu mà khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là :

- Quy định cụ thể của mỗi hình thức thanh toán.
- Điều kiện của đơn vị hoặc cá nhân tham gia thanh toán
- Mức độ tín nhiệm bạn hàng
- Thói quen sử dụng hình thức thanh toán
- Trình độ cán bộ và trang thiết bị thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

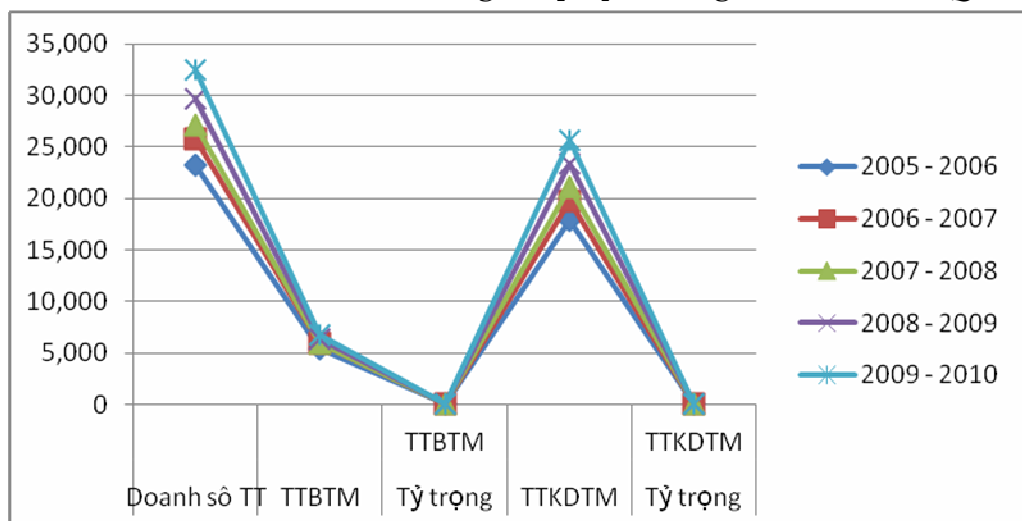
Tình hình thanh toán tại KBQG Lào từ năm 2005 – 2010 được khái quát qua bảng và biểu đồ sau :

Bảng 2.4: Tình hình thanh toán của KBQG Lào

Đơn vị tính : Tỷ Kíp

Năm	Doanh số TT	TTBTM	Tỷ trọng TTBTM	TTKDTM	Tỷ trọng TTKDTM
2005 – 2006	23,277	5,447	23.4	17,830	76.6
2006 – 2007	25,715	5,914	23.0	19,801	77.0
2007 – 2008	27,099	6,016	22.2	21,083	77.8
2008 - 2009	29,721	6,390	21.5	23,331	78.5
2009 – 2010	32,484	6,789	20.9	25,695	79.1

Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào



Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào

Biểu đồ 2.4: Tình hình thanh toán của KBQG

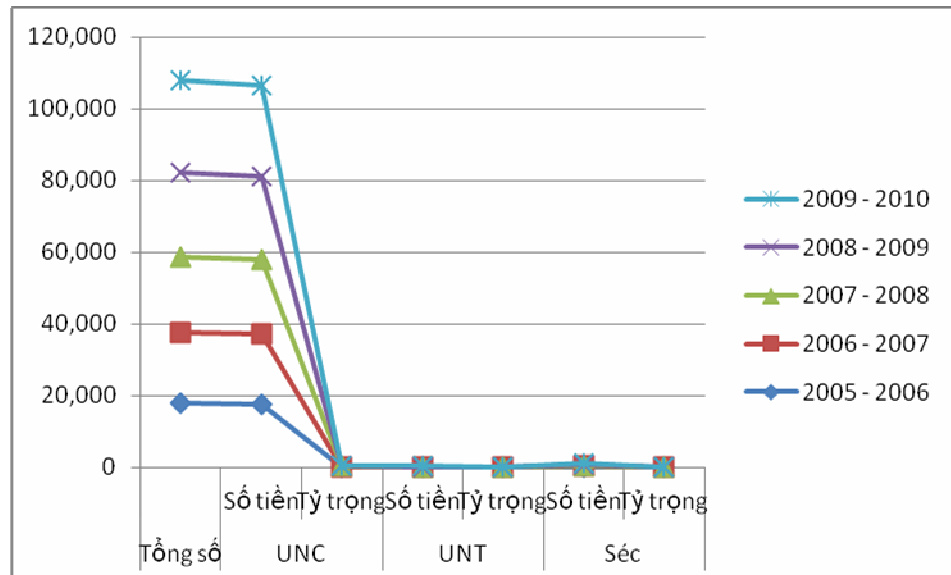
Qua bảng số liệu và biểu đồ trên ta thấy doanh số thanh toán qua Kho bạc Quốc gia Lào tăng lên qua các năm, doanh số TTBTM cũng tăng, tỷ trọng TTBTM giảm nhưng mức độ giảm không đáng kể năm 2005/2006 là 23,4%, năm 2006/2007 là 23,0%, năm 2007/2008 là 22,2%, năm 2008/2009 là 21,5% và năm 2009/2010 là 20,9%. Từ năm 2006/2007 đến năm 2009/2010 tỷ trọng TTBTM chỉ giảm 0,2%.

Bảng 2.5: Tình hình sử dụng các phương tiện TTKDTM tại KBQG năm 2005/2006 – 2009/2010

Đơn vị tính : tỷ kíp

Năm	Tổng số	UNC		UNT		Séc	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
2005 - 2006	17,830	17,616	98.8	36	0.20	178	1.00
2006 - 2007	19,800	19,543	98.7	40	0.20	218	1.10
2007 - 2008	21,083	20,830	98.8	53	0.25	190	0.90
2008 - 2009	23,331	23,028	98.7	70	0.30	233	1.00
2009 - 2010	25,695	25,361	98.7	77	0.30	257	1.00

Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG



Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào

Biểu đồ 2.5: Tình hình sử dụng các phương tiện TTKDTM tại KBQG năm 2005/2006 – 2009/2010

Qua bảng số liệu và biểu đồ trên ta có thể thấy tình hình TTKDTM trong năm năm 2005/2006 – 2009/2010, KBQG Lào thanh toán KDTM bằng các hình thức thanh toán như : Ủy nhiệm chi, Séc, Ủy nhiệm thu và chủ yếu là Ủy nhiệm chi. Hình thức thanh toán UNC thuận tiện, hơn nữa còn phụ thuộc vào độ tín nhiệm lẫn nhau của các khách hàng, tình hình trang thiết bị kỹ thuật thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và do thói quen sử dụng các hình thức thanh toán của khách hàng.

Để phân tích một cách kỹ hơn về tình hình TTKDTM của KBQG Lào ta cần đi sâu nghiên cứu các nội dung cụ thể của mỗi phương tiện thanh toán tại KBQG Lào:

2.2.5.1. Ủy nhiệm chi

Ủy nhiệm chi: Đây là hình thức thanh toán được sử dụng phổ biến nhất chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng số các hình thức thanh toán tại KBQG Lào. Năm 2005/2006, UNC chiếm 98,8, năm 2006/2007 chiếm 98,7%, năm 2007/2008 chiếm 98,8%, năm 2008/2009 chiếm 98,7% và năm 2009/2010 chiếm 98,7% trong tổng doanh số TTKDTM.

Ưu điểm của phương tiện ủy nhiệm chi: phương tiện thanh toán này được khách hàng sử dụng phổ biến nhất là do thủ tục thanh toán khá đơn giản, thuận tiện, không yêu cầu cao, người mua chỉ cần viết UNC kèm theo hồ sơ kiểm soát chi tới KBQG mình mở tài khoản, KBQG kiểm soát và làm thủ tục thanh toán cho người bán. Độ an toàn cao và chi phí thấp. Thanh toán bằng UNC không xảy ra hiện tượng vượt quá số dư và hiện tượng không đủ điều kiện chi NSNN vì khi nhận UNC từ khách hàng gửi đến, KBQG Lào đã kiểm tra số dư tài khoản và các điều kiện chi NSNN để tiến hành thanh toán cho khách hàng. Hình thức thanh toán UNC là một hình thức thanh toán đơn giản, thuận tiện, được sử dụng phổ biến nhất và chiếm tỷ lệ cao nhất. Hiện nay hình thức này được sử dụng thông qua hai phương thức thanh toán là thanh toán bù trừ và thanh toán điện tử.

Hạn chế của phương tiện UNC:

- Hiện nay Kho bạc Quốc gia Lào đã thực hiện ứng dụng máy vi tính trong hoạt động nhưng mẫu biểu vẫn không thay đổi để đơn giản hóa thủ tục và phù hợp với việc sử dụng máy tính. Mẫu giấy rút dự toán kiêm chuyển khoản, chuyển tiền thư, điện, cấp séc bảo chi chưa đơn giản, thuận tiện cho khách hàng như : khách hàng phải ghi rõ mã số đơn vị sử dụng ngân sách, mã địa bàn, Những yếu tố này không cần thiết phải quy định trong mẫu chứng từ, bắt buộc đơn vị phải ghi vào vì mỗi đơn vị chỉ có đơn vị sử dụng ngân sách và mã địa bàn, Bộ Tài chính và KBQG cấp trên đã cập nhật vào chương trình kế toán Kho bạc.

- Nhiều đơn vị sử dụng hàng hóa, dịch vụ đã lợi dụng sự tín nhiệm của đơn vị bán, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng thời gian quy định, có những đơn vị nợ nần dây dưa từ năm nọ sang năm kia dẫn đến việc thực hiện dự toán ngân sách không đúng chế độ.

2.2.5.2. Ủy nhiệm thu

Ủy nhiệm thu được sử dụng trong giao dịch thanh toán mở tài khoản trong nội bộ tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trên cơ sở thỏa thuận hoặc hợp đồng về các điều kiện thu hộ giữa bên trả và bên thụ hưởng.

Sử dụng UNT cho những loại dịch vụ sử dụng thường xuyên hàng tháng như điện thoại, điện sáng, nước sinh hoạt,..., sử dụng trước, trả tiền sau này có nhiều thuận lợi cho khách hàng, đơn vị bán không phải báo mức sử dụng hàng hóa đến đơn vị mua, đơn vị mua không phải đến đơn vị phục vụ mình để làm thủ tục thanh toán mà đơn vị bán chỉ căn cứ vào số phải thanh toán của đơn vị mua, làm thủ tục UNT gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình đề nghị thu hộ số tiền theo giấy UNT. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ người mua và người bán tự thực hiện theo quy định của hợp đồng giữa người mua và người bán. Thế nhưng khách hàng sử dụng hình thức thanh toán bằng UNT tại KBQG Lào với tỷ trọng rất nhỏ, dao động từ 0,1% đến 0,2% do các nguyên nhân sau :

- Còn thiếu sự liên kết giữa các nhà cung cấp dịch vụ như điện lực, viễn thông, cấp nước...với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong việc thúc đẩy khách hàng sử dụng TTKDTM.

2.2.5.3. Séc

Séc bảo chi:

Séc bảo chi đảm bảo an toàn cho người bán. Muốn sử dụng séc bảo chi thì đơn vị phát hành phải lập 3 liên giấy rút dự toán kèm cấp séc bảo chi hoặc UNC kèm tờ séc đã viết đầy đủ các yếu tố cần thiết theo quy định và nộp vào KBQG nơi mình mở tài khoản để trích tiền từ tài khoản tiền gửi hay tài khoản chi dự án NSNN để lưu ký vào tài khoản “ séc bảo chi “. Mặc dù về mặt thủ tục thì séc bảo chi phiền hà hơn so với séc chuyển khoản, nhưng séc bảo chi luôn chứa đựng khả năng thanh toán vì nó đã được KBQG Lào đảm bảo chi trả. Vì vậy người bán thích nhận séc bảo chi hơn nhưng người mua lại không muốn thanh toán bằng séc bảo chi. Để giải quyết được mâu thuẫn này, đòi hỏi KBQG Lào phải có những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và phát huy tính ưu việt của nó.

Bảng 2.6: Tình hình thanh toán séc

Đơn vị tính : Tỷ Kíp

Năm	Tổng số TTKDTM	TT Séc	TT Séc bảo chi		TT Séc CK	
			Tổng số	Tỷ trọng	Tổng số	Tỷ trọng
2005 - 2006	17,830	1,173	7	0.6	5	0.4
2006 - 2007	19,800	1,218	7	0.6	6	0.5
2007 - 2008	21,083	1,190	6	0.5	5	0.4
2008 - 2009	23,331	1,233	7	0.6	5	0.4
2009 - 2010	25,695	1,308	8	0.6	7	0.5

Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG Lào

Nhìn vào số liệu ở bảng trên ta thấy tỷ trọng thanh toán séc bảo chi từ năm tài khóa 2005 – 2006 đến năm tài khóa 2009 – 2010 rất nhỏ, dao động từ trên dưới 1% trong tổng doanh số thanh toán séc.

Phạm vi thanh toán séc bảo chi còn hạn hẹp, tuy nghị định 175 và thông tư 29 ra đời cho phép phát hành séc trong phạm vi cả nước nhưng do KBQG Lào và các NHTM chưa áp dụng nên séc bảo chi chỉ được thanh toán trong cùng một hệ thống hoặc khác hệ thống nhưng có tham gia thanh toán bù trừ trên địa bàn tỉnh. Như vậy nếu hai bên mua và bán có tài khoản tại hai tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác hệ thống ở hai tỉnh thì không áp dụng được thanh toán séc bảo chi.

Tuy séc bảo chi có những nhược điểm như vậy nhưng trong nền kinh tế thị trường với những quan hệ mua bán, chi trả phức tạp, nó vẫn góp phần vào việc giải quyết tốt những mối quan hệ đó và phát huy được những quan điểm của mình trong thanh toán.

Séc chuyển khoản:

Séc chuyển khoản có thủ tục phát hành, thanh toán đơn giản, thuận tiện, khi khách hàng có nhu cầu thì Kho bạc bán séc cho họ, sau đó khách hàng tự phát hành séc để mua hàng tại nơi diễn ra giao dịch mua bán, sau khi đã thỏa thuận với người bán mà không cần phải đến KBQG làm bất cứ thủ tục nào. Điều này đã giảm được những thủ tục rườm rà và tiết kiệm thời gian cho người phát hành séc. Thủ tục thanh toán séc chuyển khoản cũng rất đơn giản do không phải chuyển qua một tài khoản trung gian nên giúp cho công tác kế toán trong kho bạc đỡ phức tạp hơn. Nhưng thực tế tại KBQG Lào trong những năm qua tỷ trọng thanh toán séc chuyển khoản nhỏ, dao động từ 0,4% đến 0,5%, séc bảo chi dao động từ 0,5% đến 0,6% trong tổng thanh toán bằng séc là do các nguyên nhân cơ bản như sau :

- Séc chuyển khoản được thanh toán theo nguyên tắc ghi nợ tài khoản của người phát hành trước, ghi có của người thụ hưởng sau, do vậy khi khách hàng mở tài khoản tiền gửi thanh toán ở hai tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác nhau thì quá trình luân chuyển chứng từ kéo dài từ 2 đến 5 ngày. Nếu tài khoản tiền gửi của người phát hành séc không đủ tiền để thanh toán ngay thì người thụ hưởng vô tình bị chiếm dụng.

- Phạm vi thanh toán của séc chuyển khoản còn hạn chế, nó chỉ được áp dụng thanh toán đối với khách hàng mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh

toán hoặc hai tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có tham gia thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn thành phố. Từ năm 1996 Chính phủ đã ban hành nghị định 175/CP về thanh toán bằng séc, quy định mới này đã mở rộng phạm vi thanh toán séc khắp cả nước, nhưng trên thực tế KBQG Lào và các ngân hàng vẫn chưa áp dụng nó. Cho tới nay Ngân hàng Nhà nước vẫn chưa ra thông tư hướng dẫn thực hiện nghị định trên.

- Ngân hàng Nhà nước chưa có định hướng chiến lược trong thanh toán séc. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nói chung, KBQG Lào nói riêng chưa quan tâm đến phát triển thanh toán séc.

- Chưa có trung tâm bù trừ séc nên phạm vi thanh toán séc còn bị hạn chế.

- Mẫu séc chưa phù hợp, không có các yếu tố ghi các thông tin về chi NSNN nghĩa là séc chuyển khoản không thể dùng để chi tiền từ tài khoản dự toán NSNN.

- Khách hàng phải lập nhiều liên bằng kê nộp séc dẫn đến phiền phức.

- Chưa có hình thức tuyên truyền thích đáng, séc còn đang rất mới mẻ đối với dân chúng. Thói quen thanh toán bằng tiền mặt vẫn còn phổ biến.

- Tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau và lợi dụng thanh toán để lừa đảo chiếm đoạt vốn vẫn xảy ra. Pháp luật về séc chưa nghiêm minh. Quản lý thanh toán bằng tiền mặt chưa chặt chẽ.

2.2.6. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào

Hiện nay KBQG Lào sử dụng 3 phương thức thanh toán đó là thanh toán bù trừ, thanh toán nội bộ, thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng. Mỗi phương thức thanh toán đều có những ưu điểm và những hạn chế nhất định.

2.2.6.1. Thanh toán nội bộ

Phương thức thanh toán nội bộ trong KBQG Lào được phát triển qua từng giai đoạn như sau:

- Thanh toán bằng thư: được áp dụng trong toàn hệ thống từ khi KBQG mới được thành lập.

Ưu điểm: Phương thức này có đặc điểm rất đơn giản, không phải đầu tư cơ sở hạ tầng.

Nhược điểm: Toàn bộ hồ sơ thanh toán được chuyển qua đường bưu điện vì vậy tính an toàn của thông tin thanh toán hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng đáp ứng của hệ thống bưu chính, thời gian thực hiện một giao dịch chậm, thường là từ 3 đến 5 ngày. Các công đoạn trong quá trình thanh toán được thực hiện hoàn toàn thủ công. Quy trình xử lý một giao dịch thanh toán không đồng bộ với việc hạch toán kế toán do đó mất nhiều thời gian kiểm tra, đối chiếu để đảm bảo tính chính xác của số liệu. Phương thức thanh toán liên kho bạc bằng thư chỉ phù hợp với những năm đầu tiên thành lập KBQG Lào, không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay khi mà trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong KBQG cũng như bên ngoài đã ở mức khá cao.

- Phương thức thanh toán liên kho bạc qua hệ thống truyền tin thủ công:

Từ năm 1992 áp dụng phương thức thanh toán liên kho bạc qua hệ thống truyền tin thủ công giữa các đơn vị KBQG nội tỉnh và giữa các KBQG tỉnh với nhau. Đây là phương thức thanh toán được áp dụng đầu tiên trong KBQG Lào và được dựa trên nền tảng công nghệ khác lạc hậu như Foxprol, quay số thủ công qua đường điện thoại. Với khoảng thời gian tồn tại đến gần 10 năm, đóng góp nhất định trong việc hỗ trợ điều hành tác nghiệp của KBQG Lào.

Khi triển khai thanh toán liên kho bạc qua hệ thống truyền tin thủ công, thanh toán LKB bằng Thư chỉ sử dụng thanh toán ngoại tỉnh giữa hai đơn vị KBQG cấp huyện.

Nhược điểm của phương thức thanh toán liên kho bạc qua hệ thống truyền tin thủ công:

Chương trình hạch toán kế toán và chương trình LKB chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau, hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp giữa chứng từ kế toán gốc trên chương trình kế toán và chứng từ kèm bảng kê thanh toán trên máy tính truyền đi có nội dung khác nhau.

Thời gian hoàn thành một bảng kê thanh toán thường chậm và phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người.

Cơ chế bảo mật thô sơ, lạc hậu không còn phù hợp với sự phát triển và những đòi hỏi ngày càng cao của nghiệp vụ thanh toán.

- Phương thức thanh toán LKB nội tỉnh qua hệ thống điện rộng:

Được đưa vào triển khai từ năm 1998 và áp dụng cho việc thanh toán, chuyển tiền giữa hai KBQG trong phạm vi cùng một tỉnh. Phương thức này sử dụng trực tiếp chứng từ hạch toán kế toán làm chứng từ thanh toán liên kho bạc. Chứng từ thanh toán điện tử được sinh ra từ chứng từ kế toán và được kiểm soát, tính ký hiệu mật, mã hóa sau đó gửi qua hệ thống truyền tin một cách tự động mỗi khi hệ thống phát hiện có chứng từ thanh toán cần chuyển đi.

Ưu điểm : Công nghệ, phương thức thanh toán LKB được xây dựng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle và thể hiện được khá nhiều ưu điểm như : đảm bảo thời gian các giao dịch thanh toán điện tử giữa các KBQG cấp huyện được hoàn thành ngay trong ngày, thích hợp với chương trình kế toán, có cơ chế bảo mật an toàn, việc truyền nhận các chứng từ thanh toán được diễn ra một cách tự động, đáp ứng yêu cầu thanh toán hiện đại.

Nhược điểm: Tính ổn định của hệ thống chưa cao (vẫn xảy ra tình trạng không giải mã được chứng từ thanh toán). Phạm vi áp dụng còn hẹp (thanh toán nội tỉnh).

- Thanh toán chuyển tiền điện tử mới :

Tồn tại song song hai phần mềm thực hiện chức năng thanh toán chuyển tiền điện tử : một hệ thống thanh toán nội tỉnh và một hệ thống thanh toán ngoại tỉnh.

+ Kênh thanh toán nội tỉnh : Thực hiện thanh toán giữa các KBQG huyện trong cùng một tỉnh hoặc giữa KBQG huyện với văn phòng KBQG tỉnh.

+ Kênh thanh toán nội tỉnh chuyển tiếp : bao gồm các giao dịch thanh toán chuyển tiền giữa KBQG huyện với huyện khác, KBQG tỉnh khác hoặc thanh toán với Sở giao dịch KBQG thông qua văn phòng KBQG tỉnh.

+ Kênh thanh toán ngoại tỉnh bao gồm các giao dịch thanh toán chuyển tiền giữa một bên là văn phòng KBQG tỉnh hoặc Sở giao dịch KBQG và bên còn lại là Sở giao dịch KBQG, văn phòng KBQG tỉnh khác hoặc KBQG huyện thuộc tỉnh khác.

Tại các KBQG huyện sẽ không phát sinh kênh thanh toán ngoại tỉnh. Các giao dịch thanh toán, chuyển tiền ra ngoài tỉnh đều thực hiện thông qua văn phòng KBQG tỉnh (tự động hạch toán tăng doanh số liên KBQG nội tỉnh đến và truyền lên trung tâm thanh toán toàn quốc theo kênh thanh toán ngoại tỉnh, đồng thời tự động hạch toán tăng doanh số LKB đi ngoại tỉnh.

Ưu điểm của thanh toán điện tử : Thanh toán điện tử là phương thức thanh toán tiên tiến nhất mà KBQG Lào đưa vào áp dụng từ năm 2002 tới nay, tốc độ thanh toán nhanh, an toàn, tiện lợi.

Hạn chế của thanh toán điện tử :

Hiện nay, quy trình chuyển tiền điện tử từ KBQG huyện của tỉnh này đến KBQG huyện của tỉnh khác rất phức tạp, công việc phát sinh rất nhiều ở KBQG tỉnh. KBQG tỉnh A phải ký chứng từ điện tử KBQG huyện chuyển đến và ký chứng từ chuyển tiếp đi KBQG tỉnh B, KBQG tỉnh B lại ký chứng từ điện tử do KBQG tỉnh A chuyển đến và ký chứng từ chuyển tiếp đi KBQG huyện mà không hề có sự kiểm soát nào vì chứng từ gốc nằm tại KBQG huyện chuyển đi. Tăng số bút toán liên kho bạc đến và liên kho bạc đi tại KBQG tỉnh một cách không cần thiết. Như vậy, chỉ một lệnh thanh toán điện tử phát sinh thêm hai bút toán điện tử đi và hai bút toán điện tử đến tại hai trung tâm KBQG tỉnh. Mặt khác khi lệnh thanh toán đến trung tâm KBQG tỉnh A và KBQG tỉnh B đều phải chờ những người có chức năng ký bút toán thanh toán điện tử đó, hạch toán liên kho bạc đi, liên kho bạc đến thì lệnh thanh toán mới đi tiếp được. Do đó việc chuyển tiền ra ngoài tỉnh rất chậm trễ.

Theo nguyên tắc thanh toán điện tử : mỗi món tiền phải ít nhất qua hai cán bộ với hai chứng danh là : kế toán viên và kế toán trưởng ; kế toán trưởng không được phép thực hiện công việc của kế toán viên. Nhưng chương trình kế toán kho

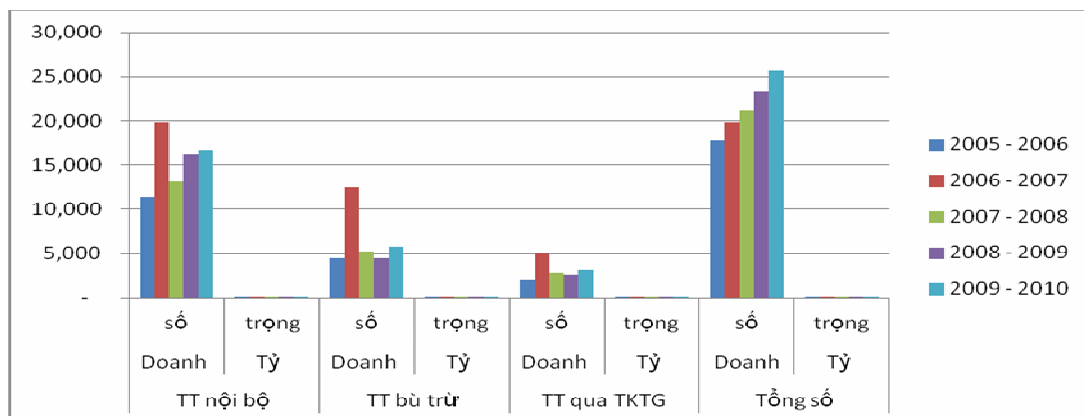
bạc hiện nay, quyền của kế toán trưởng rất lớn, có thể thực hiện tất cả các thao tác về mở thêm mã nhân viên, trao quyền, thay đổi quyền của các nhân viên như quyền: kế toán trưởng, kế toán viên, thanh toán viên, kiểm soát kế toán, kiểm soát kho quỹ. Điều này rất dễ xảy ra rủi ro vì kế toán trưởng hoặc người ủy quyền có thể tự mình thực hiện trọn vẹn một chuyển tiền điện tử bằng cách mở thêm một mã nhân viên nào đó, gán quyền kế toán viên vào mã nhân viên đó, dùng mã kế toán viên đó lập chứng từ chuyển tiền điện tử tái phép, dùng mã kế toán trưởng ký chứng từ điện tử.

Bảng 2.7: Tình hình thực hiện các phương thức thanh toán tại KBQG năm tài khóa 2005/2006 – 2009/2010

Đơn vị : tỷ kip

Phương Thức TT	TT nội bộ		TT bù trừ		TT qua TKTG		Tổng số	
	Doanh số	Tỷ trọng	Doanh số	Tỷ trọng	Doanh số	Tỷ trọng	Doanh số	Tỷ trọng
2005 - 2006	11,411	64	4,458	25	1,961	11	17,830	100
2006 - 2007	19,800	63	12,474	25	4,950	12	19,800	100
2007 - 2008	13,071	62	5,229	25	2,783	13	21,083	100
2008 - 2009	16,238	70	4,433	19	2,660	11	23,331	100
2009 - 2010	16,702	65	5,781	23	3,212	12	25,695	100

Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG



Nguồn [23] : Trung tâm tin học KBQG

Biểu đồ 2.6: Tình hình thực hiện các phương thức thanh toán tại KBQG Lào

Nguyên nhân:

Một là, có sự chênh lệch giữa thanh toán bù trừ, thanh toán qua tài khoản tiền gửi và thanh toán điện tử là để phù hợp với tình hình thanh toán và tính chất của mỗi món thanh toán.

Hai là, hình thức thanh toán LKB là chương trình thanh toán tách riêng quá trình lập chứng từ và quá trình truyền tin, hay xảy ra sai sót, việc truyền tin cũng rất mất thời gian, tổn kém tiền điện thoại của Kho bạc Quốc gia A ảnh hưởng đến kinh phí của đơn vị và bảo mật không cao.

KBQG huyện muốn thanh toán tới KBQG khác ngoài tỉnh phải dùng hình thức thanh toán bằng thư hoặc nhờ KBQG tỉnh chuyển bằng chương trình thanh toán LKB nên rất phức tạp. Do đó các đơn vị KBQG có phát sinh chuyển tiền ra ngoài hệ thống thường chọn giải pháp thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng thanh toán bù trừ.

Ba là, thanh toán điện tử là phương thức thanh toán mới, thể hiện những nét cơ bản cần có trong thanh toán như thanh toán đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện, an toàn và chính xác. Do đó mọi khoản tiền khách hàng chuyển đi khác tỉnh trong cùng hệ thống hoặc khác hệ thống, KBQG dùng hình thức thanh toán điện tử, sau đó nếu như khác hệ hống với KBQG thì sẽ thanh toán bù trừ hoặc thanh toán qua tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Ví dụ: nếu như khách hàng A muốn chuyển tiền từ KBQG tỉnh Xiêng Khoảng đến cho khách hàng B có tài khoản tại ngân hàng Ngoại thương tỉnh Chăm Pa Xắc thì KBQG tỉnh Xiêng Khoảng sẽ chuyển như sau : KBQG tỉnh Xiêng Khoảng thanh toán điện tử đến KBQG tỉnh Chăm Pa Xắc, KBQG tỉnh Chăm Pa Xắc thanh toán bù trừ với ngân hàng Ngoại thương tỉnh Chăm Pa Xắc qua trung tâm thanh toán bù trừ đặt tại KBQG tỉnh Chăm Pa Xắc.

Thanh toán điện tử ngoại tỉnh hiện nay vẫn còn rườm rà, qua nhiều giai đoạn, nhiều người cùng phải ký một bút toán, số bút toán tăng lên nhiều làm chậm tốc độ thanh toán, tăng khối lượng công việc một cách không cần thiết. Kho bạc Quốc gia

huyện thanh toán LKB ngoại tỉnh cho KBQG huyện khác thì việc truyền một lệnh thanh toán phải trải qua 3 giai đoạn thanh toán. Giai đoạn thứ nhất : KBQG huyện A truyền lệnh thanh toán nội tỉnh về KBQG tỉnh, giai đoạn hai KBQG tỉnh kiểm soát và ký lệnh thanh toán và thực hiện truyền lệnh thanh toán về KBQG tỉnh có huyện B, KBQG tỉnh có huyện B kiểm soát và ký chứng từ điện tử, thực hiện truyền lệnh thanh toán về KBQG huyện.

2.2.6.2. Thanh toán bù trừ

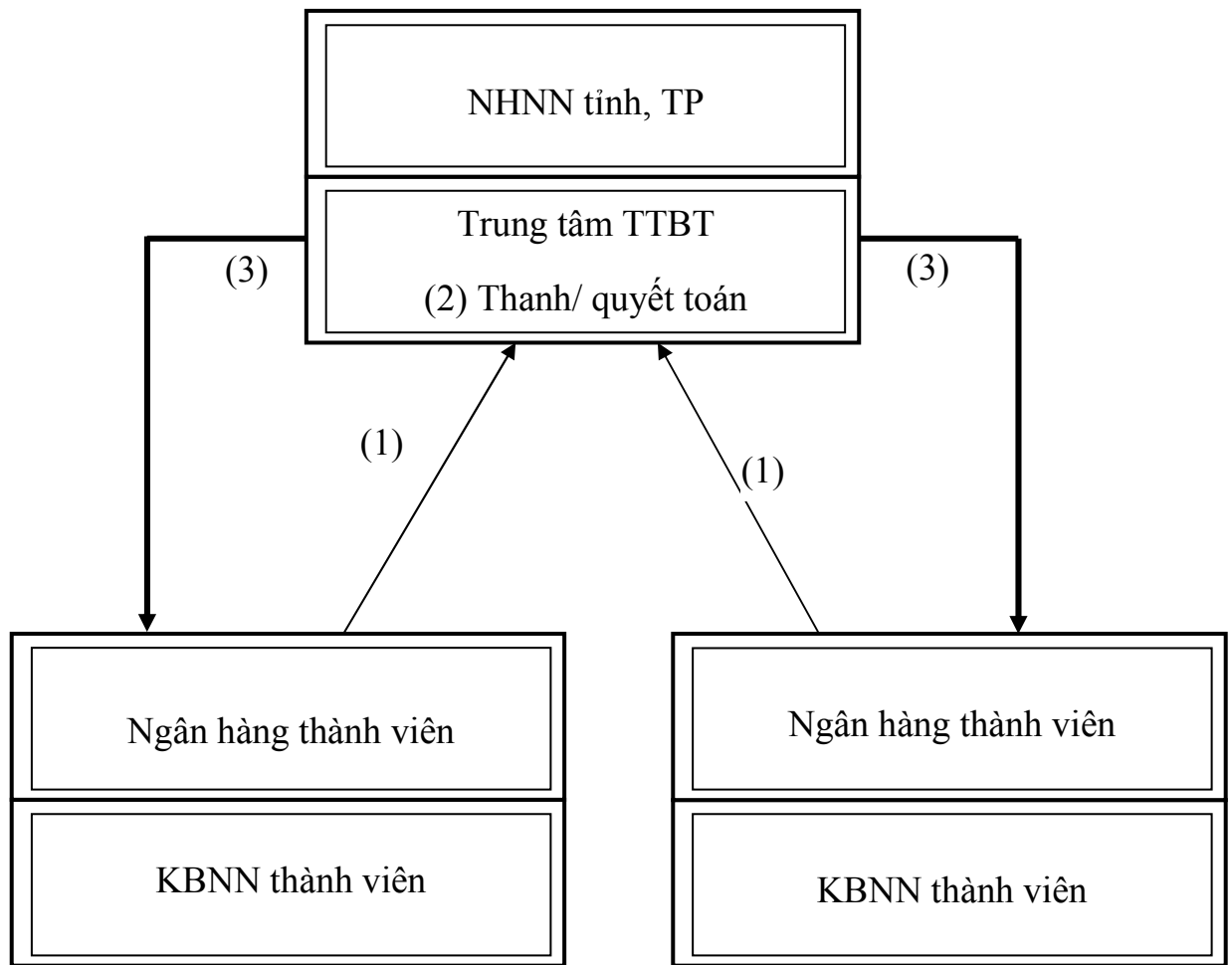
Năm 2005/2006, doanh số TTBT là 4,458 tỷ kíp, chiếm 25% trong tổng các phương tiện thanh toán, năm 2006/2007 là 12,474 tỷ kíp chiếm 25%, năm 2007/2008 là 5,229 tỷ kíp chiếm 25%, năm 2008/2009 là 4,433 tỷ kíp chiếm 19% và năm 2009/2010 là 5,781 chiếm 23%.

Hiện nay, hình thức thanh toán bù trừ chủ yếu là TTBT thủ công vì hệ thống thanh toán và công nghệ thanh toán của các TCCUDVTT không đồng nhất.

Thanh toán bù trừ thủ công:

Hàng ngày đến giờ quy định, các thành viên chuyển số liệu tới ngân hàng chủ trì, đồng thời các thành viên giao nhận chứng từ trực tiếp với nhau. Ngân hàng Nhà nước kiểm tra khả năng chi trả của các thành viên. Nếu không có sai sót, NHNN tổng hợp kết quả để xác định số tiền chênh lệch phải thu hoặc phải trả cho các thành viên, hạch toán theo quy định. Các món thanh toán bù trừ về được tạo bởi trung tâm thanh toán bù trừ NHNN dưới hình thức là các bảng kê thanh toán bằng giấy và được gửi tới các thành viên. Các KBQG hạch toán vào tài khoản kế toán thích hợp và tất toán tài khoản TTBT trong ngày đảm bảo cuối ngày tài khoản TTBT không còn số dư. Việc giao nhận các bảng kê TTBT được thực hiện giao nhận trực mỗi ngày 2 – 3 lần.

Thanh toán bù trừ bằng chứng từ giấy là hình thức thanh toán thủ công, tốn kém thời gian, nhân lực, chi phí, thời gian thanh toán chậm.



Sơ đồ 2.3: Quy trình thanh toán bù trừ chứng từ giấy

(1). Các ngân hàng, KBQG thành viên gửi bảng kê TTBT cho trung tâm thanh toán bù trừ và giao nhận chứng từ trực tiếp với nhau.

(2). Trung tâm TTBT xác định kết quả TTBT cho từng thành viên và thực hiện thanh quyết toán : ghi nợ tài khoản thành viên phải trả, ghi có tài khoản thành viên được hưởng.

(3). Các thành viên thực hiện quyết toán và thanh toán với khách hàng.

2.2.6.3. Thanh toán qua tài khoản tiền gửi với Ngân hàng Thương mại

Năm 2005/2006, doanh số thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1,961 tỷ kíp chiếm 11% trong tổng số TTKDTM của KBQG, năm 2006/2007, doanh số là 4,950 tỷ kíp chiếm 12%, năm 2007/2008 doanh số là 2,783 tỷ kíp, chiếm tỷ trọng là 13%, năm 2008/2009 doanh số là 2,660 tỷ kíp, chiếm tỷ trọng là

11% và năm 2009/2010 doanh số là 3,212 tỷ kip, chiếm tỷ trọng là 12%. Doanh số và tỷ trọng thanh toán qua tài khoản tiền gửi qua các năm dao động không nhiều .

Các KBQG huyện mở tài khoản tiền gửi tại NHTM Nhà nước huyện, thực hiện thanh toán giữa KBQG và ngân hàng bằng phương pháp thủ công, giao nhận chứng từ giấy với nhau.

Mỗi KBQG huyện phải mở ít nhất một tài khoản tại NHTM huyện và tài khoản đó luôn luôn phải có số dư để đảm bảo khả năng thanh toán. Do vậy đã gây vốn KBQG bị phân tán, sử dụng nguồn vốn rất lớn này không hiệu quả.

2.3. Đánh giá thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào

2.3.1. Kết quả đạt được

Thanh toán không dùng tiền mặt của KBQG Lào trong những năm qua có những bước phát triển đáng kể, tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt tăng lên qua các năm, đáp ứng yêu cầu thanh toán của các đơn vị, góp phần kiểm soát chi NSNN một cách chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng chế độ. Thanh toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác tạo được niềm tin của khách hàng. Có được kết quả khả quan như vậy là do những nguyên nhân như sau :

Các văn bản chế độ về TTKDTM luôn được bổ xung, chỉnh sửa và hoàn thiện đặc biệt là từ khi Chính phủ ban hành nghị định số 161/NĐ.CP về việc thành lập tổ chức kế toán và Hội đồng kế toán; nghị định 03/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, Quyết định số 177/NHNN về việc sử dụng chứng từ kế toán, hạch toán và thanh toán vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, Thông tư 139/BTC là cơ sở pháp lý quan trọng để các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt phát triển. Các văn bản pháp lý về thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng được chú ý hơn. Từ chỗ chưa có văn bản pháp lý nào quy định một cách cụ thể về việc bắt buộc các đơn vị thanh toán phải TTKDTM.

Kho bạc Quốc gia Lào đã có sự đổi mới chủ trương, chính sách về đầu tư và phát triển trang thiết bị, đổi mới công nghệ tin học vào quy trình thanh toán nâng cao chất lượng trong khâu thanh toán, trang bị hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tương đối tốt đặc biệt là hệ thống truyền thông từ KBQG tỉnh tới KBQG được dựa trên hạ tầng truyền thông Bộ Tài chính, đường truyền Leased line, tốc độ truyền nhanh chóng và ổn định. Hệ thống mạng được thiết kế theo dạng hệ thống hình Sao phù hợp với xu thế phát triển chung, hoạt động ổn định, tích hợp được nhiều ứng dụng, tăng cường chia sẻ và khai thác tài nguyên hệ thống, nâng cao hiệu suất sử dụng máy.

- Cơ sở dữ liệu được lựa chọn theo mô hình quan hệ với ngôn ngữ chuẩn SQL : ORACLE phù hợp với định hướng của ngành Tài chính, đây cũng là cơ sở dữ liệu được sử dụng ở hầu hết các nước trên thế giới.

- Hệ thống thanh toán nội bộ ở KBQG và KBQG một số tỉnh được chuyển đổi thanh toán bằng thư sang thanh toán bằng điện tử do đó chất lượng thanh toán được cải thiện về tốc độ và tính an toàn, chính xác, nhanh chóng và tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

- Kho bạc Quốc gia Lào đã đa dạng các hình thức đào tạo và chia làm nhiều đối tượng và mức độ phục vụ khác nhau đảm bảo thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức cơ bản về tin học, thực hiện các thao tác thanh toán một cách nhanh chóng, chính xác có phẩm chất đạo đức tốt và có tâm huyết với nghề đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng. Qua quá trình phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, trình độ cán bộ công chức từng bước được nâng lên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển.

- Trong những năm qua, thanh toán liên Kho bạc và thanh toán với hệ thống ngân hàng đã phục vụ tốt cho hoạt động quản lý thu chi ngân sách và hoạt động giao dịch với các đơn vị. Nhất là từ năm 2009, KBQG Lào đã áp dụng thanh toán điện tử giữa KBQG với KBQG các tỉnh lớn, đảm bảo các khoản thanh toán nhanh chóng, an toàn, chính xác hơn, đẩy nhanh quá trình thanh toán không dùng tiền mặt.

- Từng bước áp dụng tin học vào quá trình thanh toán không dùng tiền mặt. Ban đầu chuyển tiền trong nội bộ Kho bạc Quốc gia và chuyển tiền ra ngoài hệ thống hoàn toàn bằng phương pháp thủ công : chuyển qua đường bưu điện hoặc giao nhận chứng từ trực tiếp. Mỗi món chuyển tiền có thể kéo dài từ 5 đến 7 ngày và độ an toàn, bảo mật phụ thuộc vào hệ thống bưu điện.

- Kho bạc Quốc gia Lào là thành viên tham gia thanh toán bù trừ tại các trung tâm thanh toán bù trừ do NHNN tổ chức tại tỉnh, thành phố. Tùy theo hình thức tổ chức thanh toán bù trừ điện tử hay bù trừ thủ công, Các KBQG tỉnh đều thực hiện tốt.

- Các khoản thanh toán thường xuyên hàng tháng như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,... tuy số lượng nhỏ, thường là dưới 5 triệu tất cả các đơn vị sử dụng NSNN đều có tài khoản tại KBQG và NH nên được thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thị trường thẻ ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đang trên đà phát triển, theo báo cáo của NHTW Lào, năm 2009, tốc độ thanh toán thẻ tăng 94,5% so với năm 2008, tổng phát hành là 184,673 thẻ. Hiện nay, chủ yếu các NHTM phát hành để chi lương đã đem lại nhiều lợi ích cho ngân hàng nói riêng, nền kinh tế nói chung và đem lại nhiều tiện lợi cho người sử dụng. Năm tài khóa 2006-2007 về trước vẫn chi trả lương cán bộ công chức bằng tiền mặt, năm tài khóa 2007-2008 đến nay ở Trung ương và ở cấp tỉnh của các tỉnh lớn đã triển khai trả lương qua tài khoản tiền gửi tại NH làm cho tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt giảm xuống đáng kể.

2.3.2. Những hạn chế

- *Cơ sở pháp lý của hệ thống thanh toán chưa đầy đủ và đồng bộ :*

+ Cơ sở pháp lý về bồi thường thiệt hại trong quan hệ cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán giữa Kho bạc, Ngân hàng và khách hàng chưa đầy đủ, chưa có quy định cụ thể về xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật thanh toán.

+ Các quy chế liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thanh toán trong tin học như : chứng từ điện tử, chữ ký điện tử, lưu trữ chứng từ điện tử trong thanh toán liên ngân hàng chưa đầy đủ, chưa đồng bộ. Chưa có luật thanh toán điện tử. Kỷ luật

thanh toán chưa nghiêm, chưa có quy định bắt buộc các đơn vị sản xuất kinh doanh mở tài khoản tại ngân hàng, bắt buộc trả lương qua tài khoản, chưa có quy định cụ thể về việc sử lý vi phạm kỷ luật thanh toán. Do đó hiện nay thanh toán vẫn cơ bản là thủ công, mặc dù đã ứng dụng công nghệ tin học ở một số khâu nhưng đó cũng chỉ là rút ngắn thời gian chuyển tiền trong thanh toán còn việc chỉ định thanh toán và quyết toán vẫn dựa trên cơ sở chứng từ giấy.

+ Các văn bản pháp luật để ngăn chặn sử dụng tiền mặt quá nhiều làm tăng hao phí vật chất của nền kinh tế và phát sinh tiêu cực kinh tế, xã hội chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập. Thông tư 3780 quy định quản lý thu chi tiền mặt còn thiếu chặt chẽ, chưa quy định cụ thể về chi tạm ứng NSNN bằng tiền mặt.

- Các phương tiện thanh toán còn nghèo nàn, chưa thuận tiện :

Chủ yếu dùng các phương tiện thanh toán truyền thống, quen thuộc như hình thức UNT, UNC, Séc nhưng vận dụng không linh hoạt. Chủ yếu dùng hình thức UNC. Hình thức UNT, Séc chiếm tỷ trọng nhỏ, phạm vi thanh toán séc bị hạn chế, Séc và UNT ít được sử dụng nên cả cán bộ KBQG và khách hàng ít hiểu biết về séc và UNT; Séc chủ yếu chỉ để rút tiền mặt. Vận dụng thanh toán không phù hợp. Có những chi nhánh Kho bạc dùng 100% UNC để thanh toán không dùng tiền mặt. Các phương tiện thanh toán hiện đại chưa được triển khai. Trong khi đó thanh toán bằng UNC có đặc điểm là bên mua và bên bán phải tín nhiệm lẫn nhau. Trường hợp hai bên không tín nhiệm lẫn nhau mà các phương tiện thanh toán khác lại không thông dụng thì không có cách nào khác là phải dùng tiền mặt để thanh toán.

+ Phạm vi sử dụng UNT và séc trong chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBQG Lào rất hẹp. Ủy nhiệm thu và Séc chuyển khoản chỉ sử dụng được với tài khoản tiền gửi. Đối với chi NSNN chỉ sử dụng duy nhất hai hình thức là UNC và Séc bảo chi. Như thế chế độ kế toán đã làm hạn chế việc sử dụng các phương tiện thanh toán truyền thống.

+ Phương thức giao dịch chủ yếu là tiếp xúc trực tiếp mặt đối mặt. Muốn thực hiện một sản phẩm dịch vụ của KBQG, khách hàng phải đến các KBQG. Phương thức

giao dịch từ xa, dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại như giao dịch qua Internet, qua mobile, homebanking... chưa phát triển.

- Các hệ thống thanh toán :

+ Các trung tâm thanh toán bù trừ dần trải tại tất cả các tỉnh trong toàn quốc, thanh toán bù trừ chỉ mới thực hiện được ở một số tỉnh, chương trình phần mềm của KBQG Lào nói riêng và các tổ chức tham gia thanh toán bù trừ nói chung chưa tương thích với chương trình thanh toán bù trừ của KBQG.

+ Thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng còn đang thực hiện giao nhận chứng từ thủ công bằng tay do đó tốc độ thanh toán chưa cao, chưa nhanh chóng, thuận tiện.

+ Thanh toán điện tử ngoại tỉnh từ KBQG huyện còn qua nhiều khâu thanh toán dẫn đến tăng số bút toán, tăng công việc và làm chậm tốc độ thanh toán.

+ Thiếu cơ chế điều chuyển vốn có hiệu quả trong Kho bạc Quốc gia, mỗi Kho bạc Quốc gia tỉnh, Kho bạc Quốc gia huyện đều duy trì một số dư tài khoản tiền gửi lớn tại ngân hàng do đó việc sử dụng vốn NSNN còn nhiều lãng phí.

+ Sự hiểu biết của đội ngũ cán bộ công chức KBQG về hệ thống thanh toán hiện đại còn hạn chế do đó việc phát triển và triển khai hệ thống thanh toán hiện đại còn gặp nhiều khó khăn.

- Công nghệ trong thanh toán :

+ Các chương trình phần mềm hoạt động nghiệp vụ còn phân mảnh, chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau do đó đã tăng khối lượng công việc, không chặt chẽ, hay xảy ra nhầm lẫn, sai sót.

+ Chương trình phần mềm KBQG Lào chưa tiện lợi, chưa cho phép hạch toán một nợ nhiều có hoặc một có, nhiều nợ. Khi báo nợ thanh toán trái phiếu, một chứng từ giấy phải tách làm hai lệnh thanh toán, một lệnh báo nợ gốc trái phiếu, một lệnh báo nợ lãi trái phiếu. Điều này gây ra sự bất cập là : làm tăng số lệnh thanh toán, gây tốn kém một cách không cần thiết, và không có sự phù hợp giữa chứng từ giấy và chứng từ máy. Có những trường hợp vì lý do đường truyền mà KBQG B

nhận được lệnh thanh toán gốc và lệnh thanh toán lãi trái phiếu không cùng thời điểm gây khó khăn cho việc theo dõi.

+ Đường truyền tin lạc hậu : hiện nay hầu hết các hoạt động của KBQG Lào đã được tin học hóa và số liệu phải được cập nhật kịp thời về KBQG cấp trên. Nhiều phần mềm thanh toán hiện đại đòi hỏi hệ thống truyền thông phải đạt tốc độ cao, nhanh chóng, kịp thời. Nhưng hiện tại hệ thống truyền tin của đại đa số đường truyền của các KBQG huyện kết nối KBQG tỉnh đang sử dụng đường truyền quay số (dial up). Khi có nhu cầu kết nối, Modem tự động quay số kết nối với máy chủ tại trung tâm tỉnh. Nhưng nhiều khi kết nối rất nhiều lần mới thành công và nhiều khi đang kết nối lại bị ngắt gây ách tắc, gián đoạn, mất nhiều thời gian, chậm trễ trong quá trình thanh toán.

+ Cơ sở kỹ thuật và công nghệ còn nhiều hạn chế , chưa trở thành nhân tố quyết định để mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ thanh toán, nhất là dịch vụ mới hiện đại, trình độ tự động hóa thấp, lao động thủ công còn phổ biến, chi phí cao. Các ứng dụng của công nghệ thông tin của KBQG Lào so với phạm vi chức năng của KBQG trong hiện tại và tương lai thì mới chỉ đạt được những bước đầu tiên, đáp ứng những yêu cầu chủ yếu trong hiện tại và chưa sẵn sàng phát triển trong tương lai, các hệ thống được xây dựng độc lập với nhau, chưa tập trung giải quyết các vấn đề thuộc về tiêu chuẩn và hệ thống.

+ Thanh toán điện tử tại hệ thống KBQG hiện nay chưa thực sự nhanh chóng, còn bị phân tách thành nhiều đoạn gây chậm chễ và tăng số lượng bút thanh toán và công việc cho KBQG tỉnh.

+ Bảo mật trong thanh toán : Hiện nay, kế toán trưởng KBQG các huyện đang sử dụng đĩa bảo mật bằng đĩa mềm mà đĩa mềm rất dễ bị hư hỏng. Khi bị hư hỏng lại phải đề nghị KBQG cấp trên cấp lại do đó làm gián đoạn quá trình thanh toán. Giám đốc KBQG các huyện đang phải dùng mật khẩu vào máy cùng chung với mật khẩu ký lệnh chuyển tiền có giá trị cao do đó độ an toàn không cao. Kế toán trưởng và người ủy quyền đang dùng chung đĩa bảo mật nên mật khẩu dùng đĩa bảo mật dễ bị lộ và dẫn đến rủi ro trong thanh toán.

2.3.3. Nguyên nhân

Về mặt nhận thức:

- Các cơ quan hữu trách còn đang xem nhẹ tầm quan trọng và tính cần thiết của TTKDTM. Hậu quả là các công cụ và hệ thống TTKDTM chậm đưa vào áp dụng, không đồng bộ, không tạo được sự hợp tác giữa KBQG và các ngân hàng. Các văn bản pháp luật về TTKDTM chưa thông bộ, chưa có quy định chặt chẽ về trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện TTKDTM. Đặc biệt là thiếu một hệ thống chế tài hoàn thiện đảm bảo cho TTKDTM hoạt động trôi chảy. Một minh họa là cho đến nay, Nghị định thanh toán bằng tiền mặt vẫn chưa ra đời. Vì vậy tính phổ cập trong TTKDTM rất hạn chế trong dân chúng và người ta thường coi TTKDTM là bất tiện, khó hiểu, khó sử dụng, thêm tốn kém.

- Kho bạc Quốc gia Lào chưa quan tâm đến việc đa dạng hóa các phương tiện thanh toán, sử dụng các phương tiện thanh toán phù hợp với hình thức mua bán hàng hóa, dịch vụ. Do đó hình thức thanh toán đơn điệu. Hạn chế phạm vi sử dụng các công cụ UNT, Séc là những phương tiện được sử dụng phổ biến ở các nước phát triển. Mẫu biểu UNT và Séc chỉ phù hợp đối với tài khoản tiền gửi, không áp dụng được đối với tài khoản dự toán chi NSNN mặc dù hai phương tiện này áp dụng đối với tài khoản dự toán chi NSNN là rất phù hợp. Các công cụ TTKDTM như Séc, UNT...vẫn còn nhiều phức tạp trong thủ tục lập và thanh toán, phạm vi thanh toán của Séc còn hạn chế.

- Tâm lý và thói quen thanh toán bằng tiền mặt đã ăn sâu vào ý thức của các đơn vị giao dịch. Sự tiến bộ về công nghệ thanh toán và các hình thức TTKDTM cũng chưa được các đơn vị hiểu biết nhiều.

- Thông tin tuyên truyền chưa được định hướng đúng đắn, chưa được quan tâm chú trọng. Vì vậy, các đơn vị giao dịch với KBQG hiểu rất ít về các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Trình độ phát triển kinh tế:

- Kinh tế của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào phát triển chưa mạnh, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo quy mô nhỏ lẻ, với loại hình này thì khả năng tiếp

nhận phương tiện TTKDTM là rất khó khăn. Ngoài ra một bộ phận rất lớn của nền kinh tế không chính thức, là kinh tế ngầm liên quan đến hoạt động buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, tham nhũng... những đối tượng này dù phương tiện TTKDTM có thuận tiện đến đâu cũng không muốn sử dụng.

- Vốn đầu tư thiết bị công nghệ hạn chế : tất cả vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của ngành KBQG là do NSNN cấp. Nhưng có hạn do đó việc đầu tư phải dần dần từng bước và cân nhắc kỹ lưỡng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Hệ thống thanh toán hiện đại gắn liền với công nghệ thông tin và đội ngũ cán bộ có trình độ cao và chi phí lớn mà CHDCND Lào chưa có. Bên cạnh những ưu điểm mà công nghệ thanh toán hiện đại mang lại thì cũng có rất nhiều rủi ro như : phần mềm có độ an toàn không cao, quy trình bảo mật chưa chặt chẽ, vẫn còn những cán bộ thiếu trung thực. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thanh toán hiện đại.

- Trình độ cán bộ làm công tác thanh toán còn nhiều bất cập, chủ yếu do công tác đào tạo cơ bản cũng như chuyên sâu chưa đáp ứng được yêu cầu.

Về cơ chế:

- Hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán chưa hoàn thiện đặc biệt là các vấn đề liên quan đến thanh toán điện tử và thương mại điện tử, chưa đủ cơ sở để KBQG triển khai các kênh giao dịch điện tử vì chưa tạo được một cơ chế tổng hợp điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử, chưa có sự chấp nhận đồng bộ giao dịch điện tử, chứng từ điện tử giữa các cơ quan quản lý liên quan.

- Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Lào chưa có nhiều giải pháp và khả năng tích cực trong xây dựng hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt tại Lào còn hạn chế, diễn ra chậm chạp và chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Cơ cấu tính phí dịch vụ thanh toán của các ngân hàng còn đang bất hợp lý, thiếu động cơ đủ mạnh để khuyến khích TTKDTM. Thanh toán không dùng tiền mặt còn phải trả phí cho ngân hàng. Trong khi đó thanh toán bằng tiền mặt lại không mất phí.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành hữu quan, chính quyền địa phương các cấp trong việc tạo ra môi trường kinh tế, xã hội thuận lợi cho việc phát triển TTKDTM.

Từ sự phân tích đánh giá thực trạng TTKDTM của KBQG đặt ra vấn đề là cần phải phát triển TTKDTM của KBQG để đáp ứng yêu cầu thu chi NSNN nói riêng và góp phần phát triển TTKDTM ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào nói chung.

Nói tóm lại, có nhiều nguyên nhân làm chậm tiến độ việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt hiện tại tại Kho bạc Quốc gia Lào nói riêng và TTKDTM trong nền kinh tế Lào nói chung, nhiều người đưa ra các lý do như do thói quen của người dân, hoặc do khuôn khổ pháp lý, hay cơ sở hạ tầng của NHNN và của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Nhưng theo nghiên cứu sinh trong số nhiều nguyên nhân thì có nguyên nhân do NHNN tổ chức công tác TTKDTM chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và của mỗi người dân và vấn đề hiện tại cơ bản đang làm chậm tiến độ của việc triển khai HTTTKDTM nằm ở định hướng phát triển và hợp tác giữa các NHTM, giữa NHTM và KBNN và giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác trong nền kinh tế.

2.3.4. Những thiệt hại của thanh toán hiện tại đối với nền kinh tế

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện có nền kinh tế trong đó rất nhiều thành phần giao dịch với nhau trực tiếp bằng tiền mặt. Nhà nước rất khó kiểm soát, quản lý. Trong đó, rất nhiều giao dịch ngầm làm Nhà nước không thể kiểm soát và thu thuế. Tiêu biểu như thị trường bất động sản, thị trường chuyển nhượng ô tô, xây dựng, đất đai... nhiều năm nay nằm ngoài sự quản lý của các cơ quan chức năng. Theo Nghiên cứu sinh, những thiệt hại lớn nhất của thanh toán hiện tại ở Lào thể hiện qua những mặt sau :

Thiệt hại thứ nhất là chi phí cho việc thanh toán bằng tiền mặt từ khâu in ấn, vận chuyển, tính đếm, bảo quản, thất thoát khá tốn kém. Đối với các đồng tiền mệnh giá nhỏ, thì việc in, vận chuyển, tính đếm còn hơn nhiều.

Thiệt hại thứ hai có lẽ còn tổn kém hơn nhiều và không thể đo đếm được, đó là rất dễ dung dưỡng cho kinh tế ngầm, cho buôn gian bán lận, trốn thuế, cho tham nhũng tiêu cực phát sinh, phát triển và rất khó kiểm soát. Đây cũng là một trong những cản trở cho các cuộc điều tra, phát hiện các hiện tượng trên.

Thiệt hại thứ ba là khó kiểm soát chính xác thu nhập để thực hiện Luật Thuế thu nhập đối với cá nhân có thu nhập cao.

Thiệt hại thứ tư mà "nền kinh tế tiền mặt" gây ra là chưa bảo đảm cho sự an toàn của đồng tiền mỗi khi thanh toán, vận chuyển, bảo quản..., kể cả đối với các cơ quan, doanh nghiệp, người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng. Đã có không ít các vụ thụt két, cướp tiền của người đi lĩnh tiền hay nộp tiền vào ngân hàng; tạo thuận lợi cho tình trạng rửa tiền...

Nền kinh tế Lào ngày càng phát triển, càng có nhiều thành phần kinh tế tham gia trong quá trình thanh toán, thanh toán bằng tiền mặt không đảm bảo tính an toàn cho người trả tiền và người nhận tiền, tiếp đó là chi phí in ấn, vận chuyển rất lớn. vấn đề quan trọng nữa là khoảng cách giữa người bán và người mua nhiều khi rất xa nhau. Do đó thanh toán bằng tiền mặt đã không thể đáp ứng được yêu cầu.

Thanh toán bằng tiền mặt tạo kẽ hở cho các đơn vị bán không chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ, dễ trốn thuế, làm giảm thu NSNN. Khó kiểm soát về mục đích, đối tượng các khoản chi.

Thanh toán bằng tiền mặt có tốc độ không cao vì TTBTM luôn có sự xuất hiện của tiền mặt nên thanh toán giữa bên mua và bên bán phải có sự vận chuyển, kiểm đếm, bảo quản tiền mặt... do đó dễ dẫn đến mất mát và nhầm lẫn. Hơn nữa, TTBTM làm cho số lượng giao dịch thanh toán của các doanh nghiệp và dân cư qua NHTM chiếm tỷ trọng nhỏ bé nên toàn bộ nền kinh tế phải chịu những bất lợi sau :

- Tiềm năng vốn nhàn rỗi trong dân cư là rất lớn, nhưng chưa được khai thác có hiệu quả. Mỗi doanh nghiệp, mỗi gia đình, mỗi cá nhân có một khoản dự trữ tiền mặt để phục vụ nhu cầu giao dịch hằng ngày, nhưng chưa gửi vào NHTM, làm phân tán nội lực của đất nước.

- Chi phí vật chất, thời gian cho việc phát hành, bảo quản, sử dụng tiền mặt trong toàn bộ nền kinh tế là rất lớn.

- Giao dịch sử dụng bằng tiền mặt thì khả năng rủi ro, mất mát cao hơn so với thanh toán chuyển khoản qua NHTM.

- Trong các giao dịch TTBTM, các rủi ro phần nhiều do nhầm lẫn trong khâu giao nhận kiểm đếm và rủi ro về mặt an ninh, chủ yếu do tiền bị mất cắp hoặc bị cướp giật khi chuyên chở và rủi ro do tiền bị làm giả.

Kết luận chương 2

Thanh toán không dùng tiền mặt tại KBQG đã có những bước phát triển đáng kể, các phương thức thanh toán được liên tục phát triển, các văn bản ngày càng được hoàn thiện, tỷ trọng TTKDTM trong KBQG liên tục tăng. Tuy nhiên, TTKDTM trong KBQG còn nhiều hạn chế. Các phương tiện TTKDTM tại KBQG rất đơn điệu, hầu hết là UNC. Các văn bản quy định về thanh toán KDTM còn thiếu và còn nhiều hạn chế. Các hình thức khác như Séc, UNT không được Bộ Tài chính và KBQG Lào quan tâm hướng dẫn thực hiện. Phạm vi thanh toán Séc chuyển khoản và UNT chỉ được áp dụng đối với tài khoản tiền gửi, không được phép áp dụng đối với tài khoản dự toán chi NSNN. Phương thức thanh toán điện tử trong nội bộ hệ thống mới được áp dụng trong phạm vi hẹp, còn nhiều bất cập. Phương thức thanh toán ngoài hệ thống đa phần còn thanh toán thủ công, tốc độ thanh toán chậm. Mức độ liên kết giữa các phần mềm trong KBQG Lào kém và không tương thích với phần mềm của các ngân hàng. Cần phải có những biện pháp tháo gỡ kịp thời nhằm không ngừng củng cố và nâng cao hơn nữa chất lượng, mở rộng phạm vi TTKDTM tại Kho bạc Quốc gia Lào.

Trong chương 2 tác giả đã trình bày xong phần phân tích đánh giá thực trạng của thanh toán không dùng tiền mặt tại Kho bạc Quốc gia Lào, qua đó luận án rút ra những mặt được, chưa được và nguyên nhân tồn tại làm cơ sở đề ra hệ thống các giải pháp và kiến nghị ở chương 3.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CỦA KHO BẠC QUỐC GIA LÀO

3.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt và chiến lược phát triển Kho bạc Quốc gia Lào đến năm 2020

3.1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt

Thanh toán không dùng tiền mặt đem lại lợi ích to lớn cho nền kinh tế, mức độ thanh toán không dùng tiền mặt thể hiện trình độ của nền kinh tế đó. Bất cứ nước nào có nền kinh tế phát triển thì tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt cũng cao, những nước đang phát triển thì tìm mọi cách để nâng cao tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt. Chiến lược phát triển hệ thống tổ chức tài chính – ngân hàng năm 2009 đến năm 2020 đã quán triệt “ *...hiện đại hóa hệ thống thanh toán....mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; Xây dựng nền móng cho hệ thống thanh toán điện tử; mở rộng phạm vi hướng dẫn tổ chức thực hiện thanh toán hiện đại; nâng cao chất lượng của hệ thống thanh toán hiện đại...*” [10]; Thông tư số 299/CP ngày 20/5/2007 đã nói rõ : “ Tiếp tục thí điểm và tiến tới thực hiện cơ chế trả lương và các khoản thu nhập khác của cán bộ công chức qua tài khoản mở tại Ngân hàng , Kho bạc, trước hết là ở những nơi có điều kiện. Khuyến khích thanh toán tiền điện, nước, điện thoại qua tài khoản tiền gửi...” [17].

Đó là những văn bản pháp lý để hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt và tăng cường TTKDTM trong nền kinh tế. Để thực hiện tốt pháp luật của Nhà nước, thì TTKDTM phải không ngừng mở rộng và phát triển, các phương tiện TTKDTM phải đa dạng, phong phú, các phương thức thanh toán phải nhanh chóng, an toàn; hệ thống pháp luật phải đầy đủ, trình độ cán bộ phải được nâng lên để đáp ứng nhu cầu thanh toán của xã hội, được người tiêu dùng tin tưởng, chấp nhận.

3.1.2. Mục tiêu hoàn thiện thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Điều kiện hết sức quan trọng để thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào nói chung, phương hướng phát triển hệ thống thanh toán trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để từng bước hội nhập với cộng đồng quốc tế, tài chính thế giới là mọi hoạt động dần dần phải được quốc tế hóa, đặc biệt là hệ thống tài chính – ngân hàng. Quá trình hội nhập đặt ra cho các ngành, các lĩnh vực những yêu cầu về nội dung và các giải pháp khác nhau. Trong lĩnh vực thanh toán, đòi hỏi các chủ thể tham gia vào hoạt động thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải hướng tới mục tiêu : Hiện đại hóa công nghệ thanh toán; tiêu chuẩn hóa các thông tin, các chứng từ thanh toán và quy trình nghiệp vụ thanh toán; đồng nhất hóa các quy phạm pháp lý, tập quán thanh toán trong nước và quốc tế; sử dụng các phương tiện thanh toán của ngân hàng hiện đại theo thông lệ quốc tế.

Thực hiện mục tiêu trên, biện pháp cụ thể xây dựng hệ thống thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong những năm tới sẽ là :

- Kế thừa và tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thanh toán qua ngân hàng theo mô hình thanh toán tập trung trong từng hệ thống tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; kết nối giữa các hệ thống với trung tâm thanh toán Quốc gia do Ngân hàng Trung ương tổ chức.

- Kết nối hệ thống thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán với khách hàng.

- Xây dựng trung tâm thanh toán bù trừ khu vực và quốc gia; thực hiện thanh toán bù trừ séc, thẻ, các giấy tờ có giá, hối phiếu...

- Xây dựng hệ thống kho dữ liệu tập trung và hệ thống thanh toán dự phòng của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và trung tâm thanh toán quốc gia.

- Xây dựng cơ sở pháp lý cho hệ thống thanh toán và các phương tiện thanh toán điện tử.

- Hoàn thiện tổ chức quản lý, giám sát hệ thống thanh toán tại NHTW phù hợp với yêu cầu thanh toán tập trung và hiện đại.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của hệ thống thanh toán hiện đại trong tương lai.

- Tích lũy và tập trung vốn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và hệ thống thanh toán.

3.1.3. Mục tiêu phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào

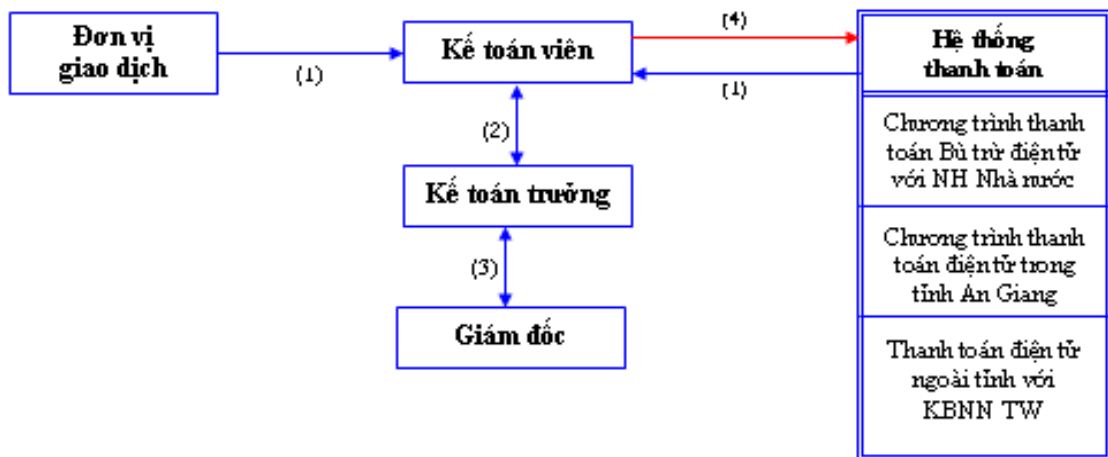
Trong thực tế ở CHDCND Lào chưa có mục tiêu cụ thể nào về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, chỉ có định hướng chung là hiện đại hóa hệ thống thanh toán trong nền kinh tế, mà chưa có định mức cụ thể về giảm khối lượng thanh toán, tỷ trọng thanh toán KDTM trong tổng doanh số thanh toán chung là bao nhiêu. Nhưng riêng về Bộ Tài chính đã đi vào nghiên cứu 2 mục tiêu cụ thể cho phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của KBQG Lào trong thời gian tới :

3.1.3.1. Triển khai chương trình thanh toán điện tử Kho bạc

Triển khai chương trình thanh toán điện tử trong toàn hệ thống kho bạc. Khi đi vào hoạt động, hệ thống này sẽ thay thế các phương thức thanh toán bằng thư, truyền bảng kê và thanh toán nội bộ tỉnh thông qua đường điện thoại.

Sau này, yêu cầu thanh toán của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và khách hàng được chuyển từ kho bạc này đến kho bạc khác trên toàn quốc chỉ trong thời gian tính bằng phút và việc thanh toán với các đơn vị ngân hàng có thể được diễn ra ngay trong ngày (các phương thức thanh toán cũ phải mất thời gian trên dưới 1 tuần). Công tác đối chiếu truyền tin cũng được thực hiện ngay trong ngày....

Chương trình này sẽ đáp ứng được tính mở, tương thích tối đa trong điều kiện hiện tại với hệ thống ngân hàng và đảm bảo khả năng tương thích cao khi phương thức thanh toán giữa các hệ thống ngân hàng và Kho bạc nhà nước thay đổi.



Sơ đồ 3.1: Quy trình thanh toán điện tử Kho bạc

(1). Chứng từ do khách hàng chuyển đến kế toán viên, các chứng từ từ hệ thống chương trình thanh toán chuyển sang (thanh toán Bù trừ điện tử với NHNN, Thanh toán điện tử trong tỉnh giữa KBQG tỉnh và KBQG huyện, Thanh toán điện tử ngoài tỉnh giữa KBQG tỉnh và Kho bạc Quốc gia Trung ương.

(2). Kế toán viên trình Kế toán trưởng ký chứng từ giấy của khách hàng, các chứng từ phục hồi từ hệ thống chương trình thanh toán.

(3). Kế toán trưởng trình Giám đốc ký duyệt đối với các chứng từ giấy của khách hàng chuyển KBQG. Đối với các chứng từ chuyển tiền trong nội bộ một kho bạc (đơn vị chuyển và đơn vị nhận cùng có tài khoản tại một KBQG), kế toán hạch toán đồng thời tách liên chứng từ : thực hiện báo nợ cho đơn vị chuyển và báo có cho đơn vị hưởng.

(4). Chuyển chứng từ giấy thành chứng từ điện tử trên hệ thống chương trình thanh toán điện tử đối với các trường hợp :

a) Chuyển sang hệ thống thanh toán bù trừ điện tử đối với trường hợp đơn vị hưởng tiền có tài khoản tại Ngân hàng có tham gia thanh toán bù trừ với KBQG.

b) Chuyển sang hệ thống thanh toán điện tử trong hệ thống KBQG tỉnh đối với trường hợp đơn vị hưởng có tài khoản tại KBQG huyện hoặc có tài khoản tại Ngân hàng huyện nơi KBQG huyện mở tài khoản tiền gửi

c) Chuyển sang hệ thống thanh toán bù trừ điện tử ngoài tỉnh với KBQG đối với trường hợp đơn vị hưởng có tài khoản tại các ngân hàng hoặc tại các KBQG ngoài tỉnh.

3.1.3.2. Triển khai chương trình hiện đại hóa quy trình thu , nộp thuế qua Ngân hàng

Bộ Tài chính nên sớm bắt đầu thực hiện dự án hiện đại hóa quy trình thu, nộp thuế giữa cơ quan thuế - KBQG – Hải quan với các Ngân hàng thương mại, nhằm hỗ trợ công tác thu, nộp ngân sách bảo đảm nhanh chóng, chính xác; hạn chế sử dụng tiền mặt trong thu, nộp thuế; tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách..

Quy trình thu, nộp thuế sẽ hỗ trợ đáng kể cho người nộp thuế, do địa bàn thu thuế được mở rộng đến các điểm giao dịch Ngân hàng, thay vì một điểm giao dịch của KBQG; thời gian nộp thuế kéo dài hơn do hệ thống ngân hàng thường làm việc vào sáng thứ Bảy..., đặc biệt là đơn giản hóa thủ tục kê khai nộp thuế. Người nộp thuế không phải lập chứng từ, thay vào đó chỉ phải lập bản kê theo mẫu. Căn cứ vào bảng kê, chi nhánh Ngân hàng làm thủ tục thu tiền mặt hoặc trích chuyển tài khoản tiền gửi của người nộp thuế vào tài khoản của KBQG.

Mặc dù việc nộp thuế qua Ngân hàng là việc làm rất tốt, thế nhưng để thực hiện trên diện rộng quy trình này, hệ thống ngân hàng đang gặp không ít trở ngại, như sự khác biệt về công nghệ giữa các hệ thống và việc hạn chế mở tài khoản của KBQG tại các ngân hàng thương mại (theo quy định hiện hành, KBQG chỉ được mở tài khoản tại NHNN và Ngân hàng thương mại Quốc doanh tại nơi không có NHNN).

3.1.4. Chiến lược phát triển Kho bạc Quốc gia Lào đến năm 2020

Hiện đại hóa quản lý quỹ NSNN và các quỹ tài chính Nhà nước :

Hoàn thiện quy trình thu NSNN theo hướng đơn giản về thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thu, cơ quan tài chính, ngân hàng, KBQG và đối tượng nộp thuế trong công

tác tổ chức thu nộp NSNN, đảm bảo tất cả các khoản thu NSNN đều phải tập trung đầy đủ, kịp thời vào KBQG.

Hoàn thiện công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN qua KBQG, xây dựng cơ chế, quy trình quản lý kiểm soát chi NSNN qua KBQG phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đổi mới công tác quản lý ngân quỹ : xây dựng khuôn khổ pháp lý cho công tác quản lý ngân quỹ, xác định rõ cơ chế, trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc quản lý ngân quỹ, quản lý tài khoản KBQG, dự báo luồng tiền, đầu tư ngân quỹ. Gắn quản lý ngân quỹ với quản lý nợ thông qua việc sử dụng ngân quỹ để mua bán trái phiếu Chính phủ nhằm cơ cấu lại và giảm nợ Chính phủ. Xây dựng cơ chế quản lý Ngân quỹ an toàn, hiệu quả, từng bước đầu tư ngân quỹ mang lại nguồn thu cho NSNN.

Hoàn thiện và cải cách công tác kế toán:

Xác định kế toán NSNN là trung tâm của kế toán Nhà nước. Thực hiện thích hợp giữa kế toán NSNN với kế toán của các đơn vị sử dụng NSNN.

Hiện đại hóa thanh toán KBQG Lào:

Hiện đại hóa công tác thanh toán KBQG Lào trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại theo hướng tự động hóa tối đa quy trình nghiệp vụ, tăng tốc độ xử lý các giao dịch, đảm bảo dễ dàng kết nối, giao diện với hệ thống ứng dụng khác.

Hoàn thiện công tác thanh toán chuyển tiền điện tử trong hệ thống KBQG, tham gia thanh toán điện tử song phương giữa KBQG với các đơn vị thanh toán; mở rộng thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thanh toán nhanh chóng, chính xác đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và tiết kiệm chi phí trong thanh toán. Đổi mới công tác thanh toán theo hướng KBQG không thực hiện thu chi tiền mặt.

Cải cách công tác kiểm tra, kiểm soát:

Chuyển đổi hệ thống kiểm tra, kiểm soát thành hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Hiện đại hóa công nghệ thông tin KBQG Lào:

Ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện, thống nhất và chuyên nghiệp vào mọi hoạt động của KBQG, hình thành KBQG điện tử.

Cải cách tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực:

Kiến toàn bộ máy theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả để thực hiện tốt các chức năng. Hình thành một số KBQG theo chức năng chuyên môn hóa như Kho bạc quản lý ngân quỹ và nợ trái phiếu Chính phủ, KBQG không thực hiện quản lý thu chi tiền mặt, KBQG khu vực, không nhất thiết phải bố trí Kho bạc theo địa giới hành chính.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào

Kho bạc Quốc gia Lào là một thành viên tham gia thanh toán trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của KBQG Lào gắn liền với phát triển TTKDTM của nền kinh tế quốc dân. Đó là phát triển, hoàn thiện tổng thể các yếu tố : cơ sở pháp lý và các điều kiện tổ chức thanh toán, các chủ thể tham gia thanh toán, các phương tiện, các phương thức thanh toán.

3.2.1. Cải tiến các phương tiện thanh toán theo hướng thuận tiện và đơn giản hóa các thủ tục

Mỗi một công cụ thanh toán đều có công dụng riêng của nó, thích hợp cho từng đối tượng và từng loại hình thanh toán đa dạng, phong phú của dân cư. Sử dụng tổng hợp các công cụ thanh toán sẽ cho phép ta tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức của từng chủ thể trong xã hội, tạo ra hiệu quả kinh tế chung.

3.2.1.1. Ủy nhiệm thu

Thứ nhất, bổ xung chế độ kế toán KBQG theo nghị định 20/NĐ-CP ngày 18/02/1993

Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBQG Lào ban hành kèm theo nghị định 20/NDD-CP quy định đối tượng thanh toán UNT chỉ bao gồm tài

khoản tiền gửi, thanh toán từ tài khoản dự toán chi Ngân sách Nhà nước không thuộc đối tượng thanh toán ủy nhiệm thu, làm hạn chế việc sử dụng UNT trong hệ thống KBQG. Do đó KBQG Lào cần bổ xung đối tượng sử dụng UNT bao gồm cả tài khoản tiền gửi và tài khoản chi dự toán NSNN và quy định rõ cách hạch toán và luân chuyển chứng từ thanh toán UNT.

Thứ hai, cần xây dựng chương trình theo dõi ngoại bảng UNT trong chương trình phần mềm kế toán Kho bạc Quốc gia thay thế việc theo dõi bằng sổ thủ công như hiện nay.

Thứ ba, tuyên truyền đối với các đơn vị cung cấp và sử dụng dịch vụ thường xuyên hàng tháng :

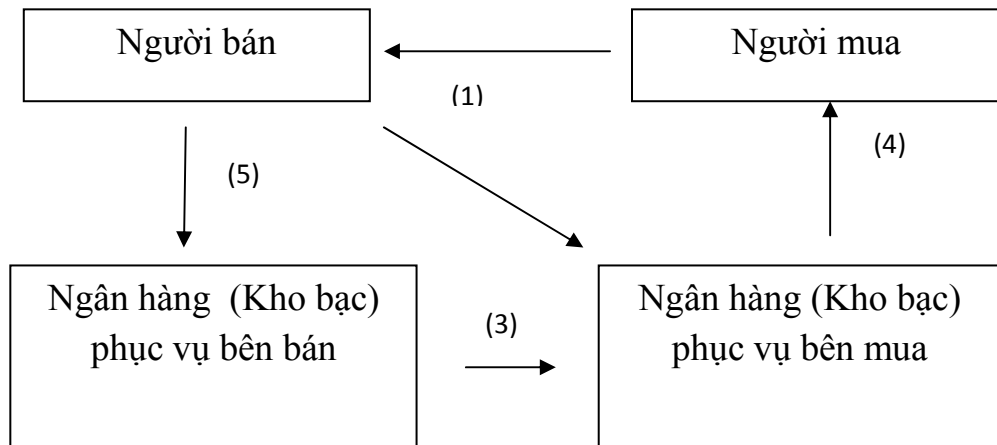
KBQG cần phối hợp với các ngân hàng tuyên truyền sự tiện lợi của hình thức thanh toán bằng hình thức UNT đối với các dịch vụ sử dụng thường xuyên hàng tháng để các đơn vị sử dụng và đơn vị cung cấp nắm được và chủ động thỏa thuận với nhau về hình thức chi trả các dịch vụ bằng UNT và gửi KBQG và ngân hàng nơi mở tài khoản để thực hiện.

Thứ tư, đơn giản thủ tục thanh toán UNT:

Theo quy định thanh toán UNT thì đơn vị thụ hưởng gửi UNT kèm hóa đơn tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ đến tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình để nhờ thu. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hạch toán ngoại bảng theo dõi và gửi nhờ thu cùng hóa đơn đến tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ người mua. Do đó quá trình thanh toán rất phức tạp, mất nhiều thời gian. Để đơn giản thủ tục, giảm bớt thời gian luân chuyển chứng từ và công việc phát sinh tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị bán, KBQG cần cải tiến quy trình thanh toán UNT như sau :

Đối với thanh toán dịch vụ thường xuyên hàng tháng, có công cụ đo đếm, ghi khối lượng dịch vụ tiêu thụ chính xác, đơn vị bán và đơn vị mua thỏa thuận trong hợp đồng là vào những ngày nhất định trong tháng, thay vì gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình, đơn vị bán gửi UNT kèm hóa đơn trực tiếp tới tổ

chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị mua. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị mua thực hiện ghi nợ cho đơn vị mua, chuyển trả cho đơn vị bán, báo nợ cho đơn vị mua.



Sơ đồ 3.2: Quy trình cải tiến thanh toán Ủy nhiệm thu

- (1). Người bán cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người mua theo hợp đồng.
- (2). Người bán gửi ủy nhiệm thu đến ngân hàng phục vụ bên mua nhờ thu hộ.
- (3). Ngân hàng bên mua trích tài khoản bên mua chuyển cho ngân hàng bên bán để trả tiền cho bên bán theo hợp đồng đã thỏa thuận giữa người mua và người bán.

(4). Ngân hàng bên mua báo nợ cho bên mua.

(5). Ngân hàng bên bán ghi có vào tài khoản bên bán và báo cho bên bán biết.

Thực hiện hình thức này sẽ giảm được các chi phí so với thực hiện UNC và thực hiện UNT như cũ như sau :

- Đơn vị bán không phải thông báo mức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tới đơn vị mua.

- Đơn vị mua không phải đến tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ mình để làm thủ tục UNC.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị bán không phải theo đối ngoại bảng và không phải gửi nhờ thu cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị mua. Rút ngắn được khoảng thời gian từ tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ người bán tới tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ đơn vị mua (hiện nay phải chuyển bằng thư qua đường bưu điện). Do đó quá trình luân chuyển UNT cũng đơn giản đi rất nhiều.

3.2.1.2. Giải pháp về séc

Một là, mẫu séc phù hợp, đơn giản thủ tục giấy tờ:

Kho bạc Quốc gia Lào cần nghiên cứu, thiết kế mẫu séc phù hợp với quy định của Nghị định 175/NDD-CP ngày 22/10/1996 và phù hợp với đặc điểm thanh toán, đối tượng khách hàng của KBQG. Mẫu séc có thể thanh toán được cả ở tài khoản tiền gửi và tài khoản dự toán ngân sách. Đồng thời mẫu séc phải bảo đảm tính bảo mật cao để khách hàng an tâm sử dụng.

Một số KBQG khi bán séc cho khách hàng sẽ không ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định để khách hàng phải ghi dẫn đến hay xảy ra sai sót. Để hạn chế sai sót, KBQG phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định trước khi bán séc cho khách hàng.

Khi khách hàng rút tiền trả cho chính mình thì thông tin về đơn vị thụ hưởng chỉ cần ghi : “ Trả cho chính mình ” để đơn giản thủ tục mà vẫn chặt chẽ vì thông tin đơn vị hưởng trong trường hợp này đã được ghi đầy đủ ở phần đơn vị phát hành.

Hiện nay, hệ thống máy vi tính đã phát triển, cần quy định khách hàng không phải lập bảng kê nộp séc, khi khách hàng nộp séc, KBQG tiến hành nhập máy tính những thông tin cần thiết, in ra bảng kê trả cho khách hàng làm biên lai nhận séc. Máy tính tự động phân loại các séc theo từng tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Hai là, đơn giản thủ tục bảo chi séc:

Việc bảo chi séc được quy định quá cụ thể và chi tiết, bắt buộc người phát hành phải đến Ngân hàng làm thủ tục chuyển số tiền phát hành séc từ tài khoản chi ngân sách hoặc tài khoản tiền gửi sang tài khoản bảo chi séc riêng biệt. Điều này phù hợp với kế toán thanh toán thủ công, dựa trên chứng từ giấy. Nhưng với công

nghệ hiện nay thì việc đảm bảo thanh toán séc bảo chi có thể thực hiện đơn giản hơn mà vẫn an toàn trong thanh toán bằng cách khóa số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán của đơn vị.

Ba là, thông tin về khách hàng:

Thông tin về khách hàng cần công bố công khai đến người nhận séc và những địa điểm thanh toán đặc biệt là những đối tượng vi phạm kỷ luật bị hạn chế, đình chỉ thanh toán để tránh bị lợi dụng.

3.2.1.3. Ủy nhiệm chi, giấy rút dự toán ngân sách kiêm chuyển khoản, chuyển tiền điện tử, cấp séc bảo chi (gọi chung là ủy nhiệm chi):

Ủy nhiệm chi là phương tiện được sử dụng chủ yếu trong thanh toán không dùng tiền mặt, cần tiếp tục cải tiến để phát huy hơn nữa trong thanh toán cơ sở công nghệ thanh toán hiện đại.

Một là, Hiện nay công tác kế toán Kho bạc Quốc gia Lào đã được thực hiện tin học hóa. Để đơn giản, thuận tiện cho khách hàng, cần cải tiến nội dung và mẫu UNC phù hợp với việc thực hiện thanh toán trên hệ thống vi tính, cần bỏ yếu tố quy định ghi mã đơn vị sử dụng ngân sách, mã địa bàn. Vì mỗi đơn vị sử dụng NSNN chỉ có một mã số sử dụng ngân sách và cài địa bàn. KBQG Lào chỉ cần kiểm tra khi đơn vị làm thủ tục mở tài khoản và cài thông tin này cùng với mã tài khoản của đơn vị trong chương trình máy tính.

Hai là, áp dụng quy chế phạt chậm trả trong thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo quyền lợi cho người bán, hạn chế tình trạng nợ đọng dây dưa, chiếm dụng vốn lẫn nhau, hạn chế đơn vị sử dụng dự toán ngân sách sai mục đích.

3.2.2. Đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu thanh toán:

Nguồn nhân lực có kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết là vấn đề lớn đối với các nước đang phát triển và chuyển đổi trong việc hiện đại hóa công nghệ thanh toán. Vì vậy cần thiết phải có những giải pháp chủ động trong việc đào tạo và thu hút cán bộ để có thể đáp ứng ngày càng cao công nghệ thanh toán. Trên thực tế việc thiếu hụt cán bộ khó có thể giải quyết dễ dàng, thậm chí đó là trở ngại nghiêm trọng

hơn cả những trở ngại mang tính kỹ thuật. KBQG Lào có những hình thức đào tạo và bố trí cán bộ hợp lý như sau:

- Đa dạng các hình thức đào tạo để cán bộ thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ đồng thời giỏi về kiến thức tin học, giàu kinh nghiệm, thái độ tận tình, cởi mở, phục vụ khách hàng chu đáo, phẩm chất đạo đức tốt, thực hiện các thao tác một cách nhanh chóng, chính xác, hiểu biết và nắm vững các quy định của pháp luật, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thanh toán. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh toán của KBQG theo nội dung và yêu cầu mới để có thể đảm nhiệm những nhiệm vụ mới, phù hợp với công nghệ thanh toán hiện đại tăng năng suất lao động. Cử người tham gia các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên môn về thanh toán trong nước cũng như ngoài nước để tiếp cận với kiến thức hiện đại. Định kỳ tập huấn về nghiệp vụ thanh toán để cập nhật thông tin và trao đổi các vấn đề mới phát sinh. Khuyến khích các hình thức nghiên cứu viết bài, làm đề tài khoa học đề xuất các giải pháp để phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thanh toán. Các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ cần được cụ thể, rõ ràng, chi tiết để làm cẩm nang cho cán bộ thực hiện.

- Bố trí cán bộ vào các công việc thích hợp với khả năng của từng người nhằm phát huy thế mạnh của họ. Muốn như vậy phải thường xuyên theo dõi sát sao để nhận định đánh giá được khả năng của từng người. Phát huy vai trò chủ động sáng tạo của cán bộ, tích cực lắng nghe ý kiến của họ, khuyến khích nêu các sáng kiến mới.

- Kiểm tra đánh giá lại việc sử dụng lực lượng cán bộ tin học tại các đơn vị trong toàn ngành, có kế hoạch tuyển dụng và sử dụng một cách hợp lý.

3.2.3. Tăng cường tuyên truyền

Cải cách thủ tục đảm bảo thuận lợi cho khách hàng, có biện pháp tăng cường tuyên truyền lợi ích và các hình thức TTKDTM đang áp dụng hiện nay để các đơn vị biết và lựa chọn sử dụng phù hợp và tiện lợi nhất để đa dạng hóa các hình thức TTKDTM truyền thống, tiến tới các hình thức thanh toán hiện đại trong tương lai.

Công tác tuyên truyền quảng cáo đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển hệ thống TTKDTM. Vì vậy làm sao cho tất cả mọi người đều hiểu được sự tiện lợi của các hình thức TTKDTM vì lâu nay họ quen sử dụng tiền mặt, để họ tự nguyện tham gia thanh toán, KBQG Lào cần có kế hoạch triển khai mở rộng, phát triển TTKDTM. Tuyên truyền trực tiếp tới khách hàng bằng các hình thức như giao dịch viên trao đổi, giới thiệu trực tiếp, phát hành các tờ rơi, tổ chức hội nghị khách hàng, các phương tiện thông tin đại chúng, KBQG mở Website giới thiệu với khách hàng những thông tin, sản phẩm mình đang có, sẵn sàng cung cấp khi khách hàng có yêu cầu, thiết lập các địa chỉ E-mail hoặc “ đường dây nóng ” để khách hàng phản ánh những băn khoăn, vướng mắc, đóng góp ý kiến để KBQG Lào có đủ thông tin hơn, phục vụ hiệu quả, thiết thực hơn.

3.2.4. Cải tiến phần mềm kế toán

Để khắc phục việc tăng số lượng lệnh thanh toán một cách không cần thiết, tránh tình trạng một chứng từ giấy phải tách làm hai lệnh thanh toán điện tử, và có thể xảy ra tình trạng lệnh chuyển nợ gốc và lãi trái phiếu không đến cùng một lúc do nguyên nhân đường truyền hoặc do các nguyên nhân khác.

3.2.5. Hợp tác đa ngành

Hợp tác đa ngành là nhằm đẩy mạnh công tác thanh toán và cải thiện văn minh thanh toán.

Thứ nhất, phối hợp trong việc trả lương cán bộ công chức :

Sự phát triển của thẻ trả trước có khả năng đáp ứng được kỳ vọng của người sử dụng dịch vụ trong thế kỷ 21. Với đặc điểm ưu việt của thẻ trả trước có tính năng đa dạng, sử dụng tiện lợi, thanh toán nhanh chóng, tức thời, tiện lợi như thanh toán không dùng tiền mặt. Thẻ được phát hành cho những người hưởng lương, trả các khoản phúc lợi xã hội, giải ngân các khoản tín dụng ngân hàng. Do đó KBQG Lào cần tiếp tục phối hợp với các ngân hàng để tiếp tục triển khai trả lương hàng tháng qua tài khoản cho cán bộ công chức gồm cả bộ phận an ninh, quốc phòng từ Trung ương tới ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện trong toàn quốc.

Thứ hai, làm tốt sự hợp tác giữa KBQG Lào với cơ quan Thuế trong việc thu thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thực hiện tốt sự phối hợp giữa ngành thuế và KBQG Lào trong việc thu thuế đầu tư xây dựng cơ bản sẽ đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN, tăng cường thu thuế không dùng tiền mặt, giảm bớt được công việc cho cơ quan thuế, KBQG và doanh nghiệp. Thay vì KBQG Lào thanh toán tiền đầu tư xây dựng cơ bản cho doanh nghiệp sau đó cán bộ thuế đến doanh nghiệp thu thuế bằng tiền mặt bằng việc : Cơ quan thuế ủy nhiệm cho KBQG Lào thu một tỷ lệ thuế nhất định trên doanh số thanh toán đầu tư xây dựng cơ bản (thường là 5% doanh số thanh toán). Khi KBQG Lào thanh toán vốn đầu tư cho chủ đầu tư, KBQG sẽ thu thuế bằng hình thức thu ngân sách nhà nước bằng chuyển khoản một số tiền bằng với phần trăm trên doanh số thanh toán mà cơ quan thuế đã thống nhất. Cơ quan thuế căn cứ vào chứng từ đã nộp thuế tại KBQG của doanh nghiệp xây dựng để tính toán số thuế còn phải nộp tiếp hoặc phải hoàn trả. Sự phối kết hợp này sẽ đảm bảo các doanh nghiệp khó có khả năng trốn được thuế, hạn chế đến mức thấp nhất các hiện tượng tiêu cực trong việc thu thuế đầu tư xây dựng cơ bản, giảm được việc thu thuế bằng tiền mặt của cơ quan thuế và KBQG Lào.

+ Hợp tác giữa KBQG Lào với ngành bưu chính viễn thông và với các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để phát triển dịch vụ mới:

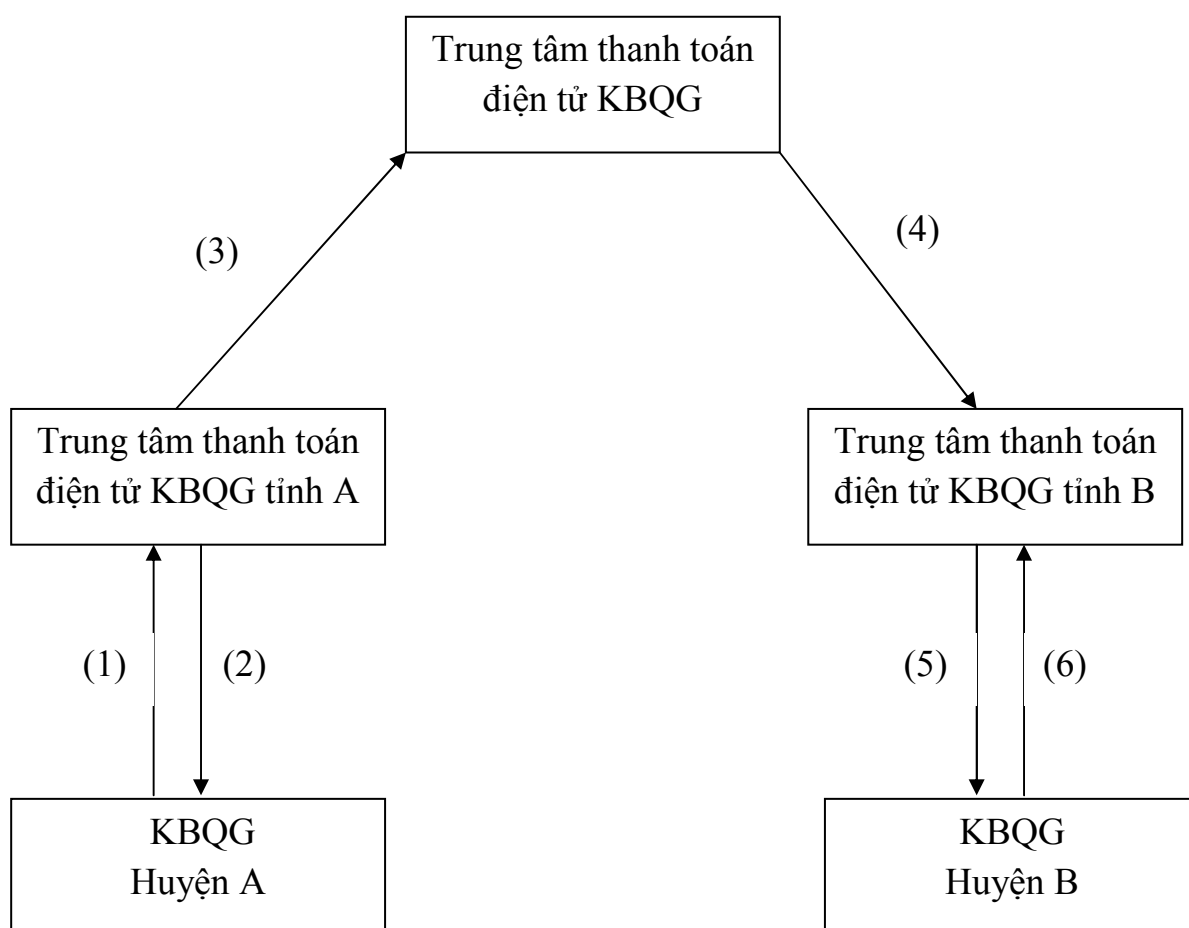
Trong thời đại hiện nay, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và viễn thông, thể hiện qua số lượng người sử dụng Internet và điện thoại di động ở Lào ngày càng gia tăng với cường độ cao. Các Ngân hàng đang phát triển trong quá trình hiện đại hóa ngân hàng đặc biệt là công tác thanh toán không dùng tiền mặt cũng đang trên đà phát triển. Kho bạc Quốc gia Lào cần hợp tác với ngành Bưu chính Viễn thông để Kho bạc Quốc gia từng bước nối mạng với những khách hàng có đủ điều kiện, thực hiện thanh toán tức thời, online qua mạng và đường chuyển Leasedline.

3.2.6. Hoàn thiện, phát triển thanh toán của Kho bạc Quốc gia Lào

3.2.6.1. Thanh toán nội bộ

Một là, phát triển thanh toán điện tử

Kho bạc Quốc gia Lào cần phát triển thanh toán điện tử. Tất cả các lệnh chuyển tiền ngoại tỉnh từ KBQG huyện đến KBQG tỉnh và trung tâm thanh toán KBQG Trung ương đều được thực hiện một cách tự động truyền đến KBQG huyện B, tiến tới truyền lệnh thanh toán được nhanh chóng và trong khi đưa thanh toán điện tử vào thực hiện cần chú trọng giảm bớt số bút toán hạch toán trung gian.



Sơ đồ 3.3: Quy trình thanh toán điện tử cần cải tiến như sau

Chú thích :

- Thanh toán nội tỉnh:

(1), (2), (5), (6) : Thanh toán nội tỉnh, Trung tâm thanh toán KBQG huyện chuyển chứng từ thanh toán lên trung tâm thanh toán KBQG tỉnh hoặc trung tâm thanh toán KBQG tỉnh chuyển tiền điện tử cho KBQG huyện.

+ Thanh toán ngoại tỉnh từ huyện của tỉnh A đến huyện của tỉnh B :

(1). KBQG huyện chuyển tiền điện tử lên trung tâm thanh toán KBQG tỉnh A.

(3). Trung tâm thanh toán KBQG tỉnh A chuyển tiền điện tử cho trung tâm thanh toán KBQG Trung ương.

(5). Trung tâm thanh toán KBQG Trung ương chuyển tiền điện tử cho trung tâm thanh toán KBQG tỉnh B.

(6). Trung tâm thanh toán KBQG tỉnh B chuyển tiền điện tử cho trung tâm thanh toán KBQG tỉnh B.

Hai là, có quy chế phân quyền chặt chẽ cho các thành viên trong thanh toán điện tử

Để khắc phục rủi ro, chương trình thanh toán điện tử cần phải thiết kế để có những ràng buộc chặt chẽ, đảm bảo mỗi chức danh trong chương trình kế toán Kho bạc chỉ có một số chức năng nhất định, không thể trao nhiều quyền cho một người sử dụng nào đó để nâng cao trách nhiệm của mỗi người, đảm bảo khi thực hiện chương trình có sự giám sát lẫn nhau, tránh rủi ro trong thanh toán. Việc quản lý mã nhân viên tham gia chương trình thanh toán điện tử là công việc rất quan trọng, là mắt xích có thể gây ra rủi ro do vậy cần quản lý chặt chẽ.

Ba là, trang bị đĩa bảo mật:

Kho bạc Quốc gia Lào cần trang bị cho kế toán trưởng, người được ủy quyền, giám đốc và người được ủy quyền mỗi người một đĩa bảo mật riêng biệt để nâng cao độ an toàn trong thanh toán.

3.2.6.2. Thanh toán bù trừ điện tử

Thứ nhất, đưa chương trình kế toán kho bạc vào thực tiễn

Thanh toán bù trừ điện tử do các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố tổ chức để thực hiện thanh toán giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trên địa bàn tỉnh với nhau.

Thứ hai, mở rộng phạm vi thanh toán bù trừ đến KBQG huyện:

Hiện nay mỗi KBQG huyện phải mở một tài khoản tiền gửi ở Ngân hàng thương mại Quốc doanh trên địa bàn, do đó vốn KBQG Lào bị phân tán và hiệu quả thanh toán cũng không cao vì chỉ giao dịch thanh toán trực tiếp với một ngân hàng mà KBQG đó mở tài khoản mà thôi, đối với các ngân hàng khác trên địa bàn huyện thì KBQG đó phải thanh toán bù trừ thông qua KBQG tỉnh. Mặt khác giữa KBQG huyện và Ngân hàng thương mại huyện đang thực hiện thanh toán thủ công, giao nhận trực tiếp từ giấy dẫn đến chậm chễ và hay xảy ra sai sót. Việc hiện đại hóa quá trình này cũng rất phức tạp và tốn kém. Mặt khác thì thanh toán chuyển tiền từ KBQG tỉnh của tỉnh này cho khách hàng ở ngân hàng huyện của tỉnh khác sẽ rất khó khăn trong việc xác định ngân hàng đó có tài khoản của KBQG hay không. Nếu xác định không đúng thì KBQG huyện nhận tiền đó lại phải chuyển vòng về KBQG tỉnh của mình để thanh toán bù trừ. Hiện nay hầu như các ngân hàng và hệ thống KBQG đều có mạng thanh toán nội bộ rất tốt. Mặt khác xu thế tất cả các trung tâm thanh toán bù trừ NSNN các tỉnh đều thực hiện thanh toán bù trừ điện tử. Do đó cần mở rộng phạm vi thanh toán bù trừ tới KBQG huyện trên cơ sở nối mạng thanh toán. Bỏ hình thức mở tài khoản tại NHTM huyện. Tất cả những món tiền thanh toán ra ngoài hệ thống đều thông qua KBQG tỉnh thanh toán bù trừ tại trung tâm thanh toán bù trừ Ngân hàng Nhà nước.

3.2.7. *Hiện đại hóa công nghệ thanh toán*

Để nâng cao tốc độ xử lý và đảm bảo chính xác, nhanh chóng trong thanh toán, KBQG Lào cần hiện đại hóa công nghệ thanh toán là một đòi hỏi trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai. Để có thể tiến tới hiện đại hóa công nghệ

thanh toán và từng bước hội nhập với hệ thống thanh toán theo thông lệ các nước trong khu vực và trên thế giới, KBQG Lào cần tập trung vào những mặt chủ yếu sau:

3.2.7.1. Quản lý tài khoản khách hàng tập trung

Để giảm bớt công việc thanh toán trong nội bộ hệ thống, dữ liệu quản lý chặt chẽ, an toàn tại KBQG Lào, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, KBQG cần chuyển đổi mô hình quản lý tài khoản phân tán tại KBQG các cấp như hiện nay thành mô hình quản lý tài khoản tập trung tại KBQG Lào. Để có thể quản lý tài khoản khách hàng tập trung ta cần giải quyết các vấn đề :

- Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán KBQG Lào mới phù hợp với ứng dụng công nghệ hiện đại.
- Xây dựng văn bản hướng dẫn quy trình lập, kiểm soát, ký, luân chuyển, xử lý và lưu trữ chứng từ.
- Xây dựng chế độ quản lý và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành vốn.

Đảm bảo việc thanh toán nhanh chóng, chính xác, an toàn và hạch toán tức thời các giao dịch thanh toán.

3.2.7.2. Trang bị hệ thống tin học hiện đại

Đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, tiến hành trang bị thêm máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực thanh toán.

Nâng cấp, xây dựng các chương trình phần mềm nghiệp vụ thanh toán phù hợp. Các phần mềm kế toán Kho bạc, quản lý trái phiếu, thanh toán vốn đầu tư đang độc lập với nhau, manh mún, nhỏ lẻ, rời rạc nên hiệu quả công việc không cao. Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán bù trừ đi, thanh toán bù trừ đến, báo nợ trái phiếu, thanh toán đầu tư xây dựng cơ bản, cán bộ KBQG Lào phải nhập cùng một thông tin ở nhiều chương trình nên rất mất thời gian và dễ gây ra sai sót, nhầm lẫn. KBQG cần có giải pháp để liên kết giữa các chương trình trên. Bảo đảm kết nối một cách linh hoạt, chặt chẽ các chương trình đang sử dụng tại KBQG với nhau.

3.2.7.3. Nâng cấp đường truyền

Việc phát triển các ứng dụng công nghệ hiện đại trong thanh toán cũng như trong tất cả các hoạt động của KBQG Lào cần phải được tiến hành song song với các biện pháp đảm bảo nhanh chóng, an toàn trên đường truyền.

3.2.7.4. Đảm bảo sự tương tích chương trình với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác

Kho bạc Quốc gia Lào và hệ thống Ngân hàng là những tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán lớn nhất của Quốc gia Lào và đang trong quá trình hiện đại hóa. Khi trang bị phần cứng và phần mềm KBQG Lào cần quan tâm đến sự tương thích các chương trình ứng dụng công nghệ tin học với các hệ thống ngân hàng và xu thế phát triển trong tương lai để có thể phát huy sức mạnh tổng hợp công nghệ tin học của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu thanh toán trong và ngoài hệ thống.

3.2.7.5. Tích cực tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng

Đây là hệ thống thanh toán trực tiếp online hiện đại nhất từ trước tới nay ở Lào, được xây dựng theo tiêu chuẩn Quốc tế, NHNN có thể kiểm soát tức thời nguồn vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tham gia vào hệ thống thanh toán vì thông qua sổ dư tiền gửi được quản lý tập trung tại NHNN. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ thanh toán phục vụ thanh toán nhanh chóng, an toàn, quản lý vốn NSNN có hiệu quả, KBQG Lào cần tích cực chuẩn bị các điều kiện để tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng, KBQG mở tài khoản kho bạc duy nhất TSA (Treasury Single Account) ở hội sở NHNN như Cộng hoà Séc đã nghiên cứu ở chương I và tài khoản đầu tư tại NHNN. Các Kho bạc cấp tỉnh và huyện mở tài khoản thanh toán (dư nợ hoặc dư có) tại chi nhánh NHNN, là thành viên tham gia thanh toán bù trừ tại các trung tâm thanh toán bù trừ do NHNN tổ chức tại các tỉnh, thành phố. Điều kiện tiên quyết thực hiện TSA là phải thực hiện thanh toán thông suốt với hệ thống ngân hàng trong đó thanh toán bù trừ đa biên với NHNN và NHTM, đảm bảo cuối ngày, toàn bộ số thu chi của KBQG tỉnh gửi về bù trừ tại tài khoản TSA của KBQG mở tại NHNN, đồng thời KBQG có thể nắm được tức thời

tình hình thu chi của các đơn vị KBQG trên cả nước. Để thực hiện việc thanh toán giữa KBQG Lào và hệ thống Ngân hàng được thông suốt, cần phải có một văn bản mang tính pháp lý cao, trong đó quy định rõ nội dung như:

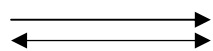
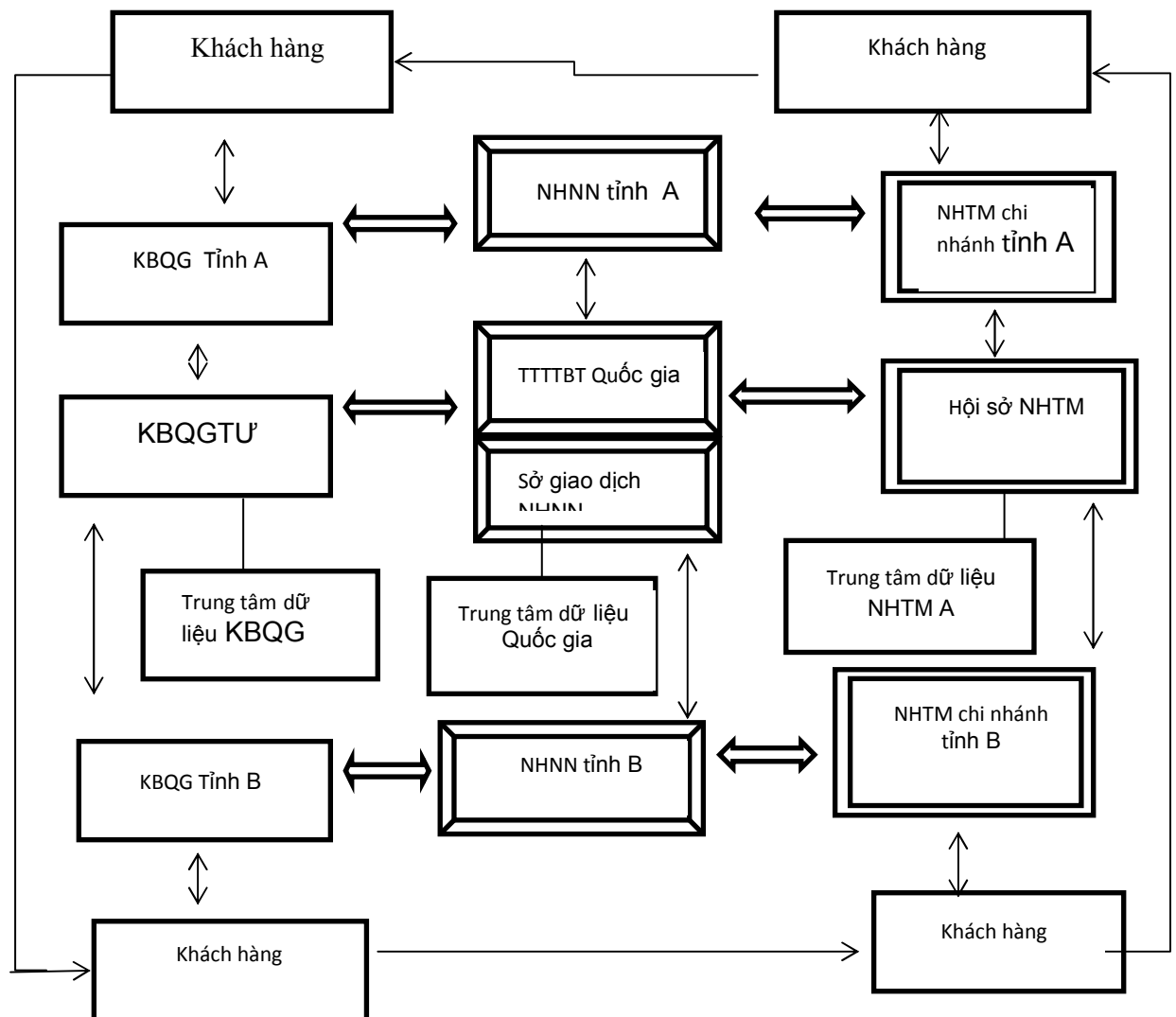
- Kho bạc Quốc gia Lào mở một tài khoản TSA tại NHNN, bên cạnh đó KBQG mở một tài khoản con tại sở giao dịch NHNN để tiến hành đầu tư, thông qua tài khoản con này như cho vay qua đêm, gửi có kỳ hạn tại NHTM.

- Các KBQG tỉnh mở một tài khoản thanh toán tại NHNN (ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương).

Thanh toán: Đối với các khoản thanh toán trong tỉnh với hệ thống ngân hàng đều thông qua thanh toán bù trừ tại trung tâm thanh toán bù trừ tỉnh. KBQG tỉnh thực hiện thanh toán bù trừ, chuyển số dư có hoặc nợ về tài khoản chính mở tại NHNN.

Tại KBQG Trung ương : cuối ngày tập hợp số dư từ tài khoản con của các KBQG tỉnh chuyển về để rút số dư của TSA. Căn cứ tình hình thực tế, KBQG Lào tiến hành đầu tư nguồn vốn KBQG qua một tài khoản con mở tại NHNN hoặc bơm thêm vốn từ tài khoản con vào TSA.

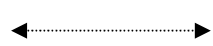
Trong thời gian tới KBQG Lào cần phải tự đổi mới và hoàn thiện, tích cực đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán và thanh toán để có đủ điều kiện cần thiết theo quy định đối với đơn vị thành viên và được tham gia chính thức vào hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng



Quan hệ mua bán hàng hóa dịch vụ



Quan hệ luân chuyển điện tin



Quan hệ luân chuyển điện tin thanh toán bù trừ

Quan hệ luân chuyển điện tin giữa KBQG (hoặc Ngân hàng)

với khách hàng.

Sơ đồ 3.4: Mô hình tổng thể hệ thống thanh toán

3.2.8. Xây dựng cơ chế tính phí dịch vụ thanh toán hợp lý

Xây dựng cơ chế tính phí dịch vụ thanh toán hợp lý, xác định mức phí áp dụng cho các giao dịch thanh toán liên Ngân hàng, trên cơ sở đó tác động tới toàn bộ cơ cấu tính phí của các Ngân hàng, Kho bạc, tổ chức tín dụng, nhằm tạo lập ra một mức phí hợp lý đối với người sử dụng dịch vụ cuối cùng, từng bước tạo lập thói quen giao dịch qua Ngân hàng thông qua chính sách về phí dịch vụ thanh toán hợp lý, bao gồm:

- Nghiên cứu xây dựng chương trình tính phí của Ngân hàng Nhà nước Lào để đảm bảo mức thu phí dịch vụ thanh toán liên Ngân hàng hợp lý, khoa học để làm cơ sở cho Kho bạc và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán xây dựng mức phí cho mình;

- Nghiên cứu xem xét xây dựng mức thu phí đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt với mục đích khuyến khích phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; đề xuất một phương thức tính phí hợp lý có tính chiến lược và theo thông lệ Quốc tế, tương xứng với chất lượng dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

- Nâng cao vai trò của hiệp hội Ngân hàng để tổ chức này thực hiện được vai trò của mình trong việc xây dựng các quy định chung về việc chia sẻ phí dịch vụ giữa các Ngân hàng, đảm bảo công bằng cho các Ngân hàng bảo vệ quyền lợi cho khách hàng;

- Xây dựng quy định cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được trích lại một phần khoản thu từ phí dịch vụ thanh toán để đầu tư nâng cấp hệ thống thanh toán nội bộ của mình;

- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét giảm mức thuế VAT đối với các khoản thu từ phí dịch vụ thanh toán, tạo điều kiện cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tăng nguồn đầu tư phát triển các sản phẩm dịch vụ thanh toán;

- Chính sửa giảm mức thu phí dịch vụ thanh toán liên Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Lào theo mức phù hợp dung lượng của hệ thống thanh toán điện tử liên Ngân hàng, hệ thống chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nước Cộng hòa Dân

chủ Nhân dân Lào; Xây dựng phí thường niên và phí gia nhập đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tham gia hệ thống thanh toán điện tử liên Ngân hàng do NHCHDCND Lào tổ chức, trong đó quy định rõ mục đích sử dụng, nội dung sử dụng của các khoản phí này trong quá trình phát triển hệ thống thanh toán;

- Nghiên cứu xây dựng mức thu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng và thu phí đối với thanh toán bằng tiền mặt;

- Điều chỉnh lại mức thu phí dịch vụ thanh toán liên Ngân hàng phù hợp với tình hình thực tế dựa trên nguyên tắc đủ bù đắp chi phí;

- Xây dựng chương trình tính phí dịch vụ thanh toán để có thể xác định mức thu phí dịch vụ thanh toán theo từng năm.

- Cần thiết kế cơ chế thanh toán theo hướng dùng đòn bẩy kinh tế kích thích, phí thanh toán bằng tiền mặt phải cao hơn phí thanh toán bằng chuyển khoản, nhằm khuyến khích thanh toán bằng chuyển khoản, hạn chế thanh toán bằng tiền mặt. Đây là giải pháp tốt nhưng đề ra không đơn giản. Đồng thời, phải kết hợp với giải pháp xử phạt vi phạm mang tính hành chính một cách nghiêm minh. Tuy nhiên, về lâu dài, biện pháp này cần hạn chế dần và cần tăng cường các biện pháp khác.

3.3. Một số kiến nghị với Chính phủ và các bộ ngành liên quan

Để phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của KBQG Lào nói riêng và của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nói chung cần có sự phối hợp từ nhiều phía : Chính phủ, NHNN, Bộ tài chính, các NHTM và các ban ngành có liên quan.

3.3.1. Kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước

3.3.1.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý là một trong những điều kiện hết sức quan trọng trong thanh toán không dùng tiền mặt, để phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của KBQG Lào nói riêng và của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nói chung thì các văn bản pháp lý cần phải hoàn thiện, đó là yêu cầu bức xúc đối với hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trước yêu cầu hội nhập với khu vực và thế giới, trước thách

thức và nhu cầu phát triển thương mại điện tử. Chính phủ và NHNN cần ban hành các văn bản điều chỉnh về các lĩnh vực :

Một là, ban hành văn bản quy định về thỏa thuận trong thanh toán :

Để đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tạo ra các tiện ích trong thanh toán cần có văn bản pháp quy thừa nhận và điều chỉnh các thỏa thuận trong thanh toán, quy định rõ nội dung, quyền lợi và nghĩa vụ của từng bên đảm bảo lợi ích và tâm lý cho các bên khi tham gia thanh toán.

Hai là, Chính phủ cần ban hành chế tài để tăng cường kỷ luật thanh toán :

Rủi ro trong thanh toán là một vấn đề cản trở rất lớn việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đặc biệt là thanh toán điện tử. Chính phủ cần có những chế tài xử lý nghiêm khắc các hoạt động liên quan đến gian lận trong TTKDTM . Gian lận, lừa đảo, giả mạo, ăn cắp thông tin trên thẻ là những vấn nạn mang tính toàn cầu, Chính phủ cần phối hợp với quốc tế đặc biệt là các nước có công nghệ thanh toán không dùng tiền mặt phát triển để phòng chống những vấn nạn này.

Ba là, sớm ban hành luật giao dịch điện tử :

Luật giao dịch điện tử là chỗ dựa pháp lý để Kho bạc Quốc gia và Ngân hàng Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào phát huy tính tiện lợi của các dịch vụ thanh toán điện tử. Sau đó Chính phủ cần ban hành nghị định giao dịch điện tử để hướng dẫn thi hành và quy định về chữ ký và dịch vụ chứng thực chữ ký để KBQG Lào và NH Lào có thể áp dụng thanh toán điện tử một cách rộng rãi ra ngoài hệ thống. Hoàn thiện cơ sở pháp lý hiện hành nhằm tạo điều kiện về mặt cơ chế, chính sách cho việc giao dịch thanh toán qua mạng Internet, qua điện thoại di động làm cơ sở để KBQG phát triển hệ thống mạng thanh toán trực tiếp với khách hàng.

Bốn là, ban hành thông tư thu lệ phí thanh toán :

Chính phủ nên cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, KBQG thu phí sử dụng tiền mặt. Đây là một trong những biện pháp kinh tế nhằm tác động tới các tổ chức có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng và Kho bạc Quốc gia tự hạn chế việc rút tiền mặt để sử dụng một cách không cần thiết. Mặt khác, thanh toán bằng

tiền mặt là một trong các phương tiện thanh toán, là dịch vụ của các Ngân hàng nên việc thu phí thanh toán là phù hợp trong điều kiện kinh tế thị trường.

Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn thu lệ phí thanh toán trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Thông tư cần quy định mức cao nhất và thấp nhất của lệ phí thanh toán bằng tiền mặt; mức cao nhất và thấp nhất của lệ phí thanh toán không dùng tiền mặt sao cho mức phí thanh toán bằng tiền mặt phải cao hơn mức phí thanh toán không dùng tiền mặt. Thông qua chính sách thu lệ phí thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt, việc thanh toán không dùng tiền mặt vừa có lệ phí rẻ hơn, lại an toàn, tiện lợi hơn.

Thông tư cũng cần quy định việc hỗ trợ phí cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng dịch vụ TTKDTM để trả lương qua tài khoản, nộp thuế cho KBQG.

- Đối với việc thu thuế cần quy định:

Nếu các đơn vị, cá nhân nộp bằng hình thức không dùng tiền mặt thì đơn vị nộp thuế không phải trả một khoản lệ phí nào, KBQG Lào sẽ trả lệ phí chuyển tiền cho Ngân hàng, nguồn tiền để trả lệ phí này được trích từ lãi tiền gửi Ngân hàng.

Nếu đơn vị đó đăng ký sản xuất kinh doanh nộp thuế bằng tiền mặt có mức từ 3 triệu kíp trở lên phải nộp lệ phí thu tiền mặt để bù đắp chi phí kiểm đếm và để khuyến khích các đối tượng nộp thuế bằng hình thức không dùng tiền mặt.

- Đối với tài khoản cá nhân cần quy định :

Trong giai đoạn hiện nay, cần miễn lệ phí thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thông tư cần quy định các tổ chức, đơn vị, cá nhân có đăng ký sản xuất kinh doanh được quyền và có nghĩa vụ phải mở tài khoản ở Ngân hàng và phải chấp hành quy định về TTKDTM.

Năm là, Bộ Tài chính cần phải:

- Quy định về tạm ứng tiền mặt:

Để hạn chế tạm ứng NSNN bằng tiền mặt, tăng tỷ trọng thanh toán trực tiếp tới đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ, thanh toán theo tiến độ thực hiện công việc

bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc tạm ứng dự toán Ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt. Khi đơn vị tạm ứng bằng tiền mặt phải gửi cụ thể nội dung cần tạm ứng, không chế mỗi mục tạm ứng cho các nội dung không thuộc đối tượng chi tiền mặt không vượt quá 5 triệu kíp để KBQG có cơ sở xét duyệt cho tạm ứng.

- Quy định về định mức tồn quỹ tại đơn vị khách hàng :

Các đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các cấp, ngoài những khoản chi từ NSNN, hầu như đơn vị nào cũng có thu như sự nghiệp, thu lệ phí...trên thực tế các khoản thu này vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của Kho bạc. Trong khi đó đơn vị vẫn xin rút dự toán kinh phí bằng tiền mặt vì khoản rút này phần lớn là khoản chi lương, trợ cấp. Do đó Bộ Tài chính cần quy định rõ, quy định KBQG Lào căn cứ tình hình thực tế, quy định định mức tồn quỹ và có quyền kiểm tra việc chấp hành định mức tồn quỹ tiền mặt của các đơn vị sự nghiệp có thu và UBND các cấp để việc quản lý tiền mặt tập trung tại KBQG. Khi có nhu cầu chi, ngoài việc kiểm soát các điều kiện chi theo quy định, KBQG còn kiểm soát điều kiện chi tiền mặt.

3.3.1.2. Phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất cho hoạt động thanh toán

Một là, Đẩy mạnh thanh toán điện tử liên ngân hàng ;

Đây là hệ hống thanh toán xương sống của nền kinh tế. Để tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong những năm tới NHNN cần :

- Mở rộng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đến NHNN các chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Cần tiếp tục nâng cấp hệ thống kỹ thuật, đường truyền và xây dựng chế độ bảo trì đảm bảo cho hệ thống thanh toán có tốc độ xử lý cao, ổn định an toàn.

Đẩy mạnh triển khai thanh toán, hội nhập tất cả các tổ chức tín dụng trong nước vào một hệ hống thanh toán thống nhất với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm tin học. Một lệnh thanh toán phát hành từ một KBQG tỉnh này được thanh toán dễ dàng, nhanh chóng tại ngân hàng tỉnh khác và ngược lại. Học tập công nghệ

xử lý thông tin của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giải quyết được ngay từ đầu vấn đề tắc nghẽn đường truyền, rút ngắn thời gian xử lý thông tin theo hướng có lợi cho người sử dụng, tạo sự thuận tiện, nhanh chóng và an toàn, thu phục lòng tin của khách hàng đối với hiệu quả của phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Hai là, nghiên cứu xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ, trung tâm bù trừ séc, phát triển các Trung tâm thanh toán khu vực:

- Xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ:

Hiện nay, thẻ của Ngân hàng nào phát hành thì chỉ có thể rút tiền, thanh toán được tại máy của Ngân hàng đó. Do đó, rất bất tiện cho người sử dụng và lãng phí trong việc đầu tư máy của các Ngân hàng. Cần có trung tâm chuyển mạch thẻ để kết nối các máy ATM của các Ngân hàng lại với nhau để khách hàng có thể rút tiền tại máy của bất cứ Ngân hàng nào tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng thẻ và Ngân hàng tiết kiệm được chi phí đầu tư máy. Ngân hàng sẽ thu lệ phí sử dụng thẻ thấp hơn. Lúc đó sẽ có nhiều cán bộ công chức có nhu cầu được Ngân hàng trả thu nhập qua tài khoản ATM. Mở rộng việc trả lương cán bộ công chức qua Ngân hàng sẽ thuận lợi hơn.

- Nghiên cứu xây dựng trung tâm thanh toán bù trừ séc :

Để mở rộng được phạm vi thanh toán của séc khác hệ thống, khác tỉnh, thành phố, trước mắt, NHNN cần xây dựng và tổ chức Trung tâm thanh toán bù trừ séc ở một số thành phố lớn như : Thủ đô Viêng Chăn, Luang Pra Bang, Pắc Xê, Xa Van Na Khét, sau đó mở rộng đến các tỉnh thành phố khác. Khi các trung tâm bù trừ séc hoạt động ổn định, có hiệu quả sẽ chuyển thành các công ty bù trừ séc.

- Phát hành các trung tâm thanh toán khu vực

Để đẩy mạnh việc thanh toán điện tử và mở rộng phạm vi thanh toán thương mại điện tử, NHNN nên tổ chức vài trung tâm thanh toán bù trừ điện tử trên phạm vi toàn quốc đặt tại các trung tâm kinh tế lớn để tổ chức thanh toán bù trừ điện tử trong toàn quốc được nhanh chóng và an toàn.

3.3.1.3. Tăng cường tuyên truyền quảng bá

Chính phủ và các Bộ ngành liên quan cần tăng cường tuyên truyền, quảng bá, phổ biến kiến thức, cung cấp thông tin để các tổ chức cá nhân nắm bắt được các tiện ích và hiểu rõ được các rủi ro, biện pháp đảm bảo an toàn trong việc sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trên cơ sở đó lựa chọn phương tiện phù hợp.

3.3.2. Kiến nghị với các ban ngành liên quan

3.3.2.1. Đối với các đơn vị hoạt động ở lĩnh vực viễn thông

Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực viễn thông cần đầu tư cho hệ thống viễn thông quốc gia đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp dịch vụ viễn thông với giá cước đa dạng và hợp lý. Từ đó thúc đẩy việc các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thanh toán.

3.3.2.2. Đối với các Ngân hàng thương mại

Một là, xây dựng mức thu lệ phí thanh toán hợp lý :

Trong điều kiện hiện nay, Chính phủ chưa có nghị định cụ thể về quy định thu phí giao dịch tiền mặt, nhưng các NHTM nên quy định mức thu phí thanh toán bằng tiền mặt và mức thu phí đó phải cao hơn phí thanh toán KDTM, khuyến khích khách hàng thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt.

Hai là, đề cao mục tiêu phát triển khách hàng cá nhân :

Để cán bộ công chức nói riêng và người dân nói chung nhiệt tình với việc mở tài khoản tại Ngân hàng, việc trả lương cán bộ công chức qua Ngân hàng được thuận lợi, trong giai đoạn hiện nay Ngân hàng cần đặt mục tiêu phát triển khách hàng, ngân hàng miễn lệ phí thanh toán KDTM đối với cá nhân để gia tăng tài khoản và tăng doanh số tiền gửi. Ngân hàng bù đắp chi phí bằng nguồn số dư tài khoản tiền gửi có lãi suất thấp. Khi khách hàng đã quen và ưa chuộng, trở thành tiện nghi trong sinh hoạt thì lúc đó Ngân hàng thu phí mở tài khoản và phí thanh toán không dùng tiền mặt.

Ba là, cải tiến chất lượng dịch vụ:

Ngân hàng cung cấp các dịch vụ thuận tiện, tăng cường công tác marketing sản phẩm thẻ, mở rộng hệ thống mạng lưới cơ sở chấp nhận thẻ, cải tiến thủ tục phát hành thẻ, đa dạng các sản phẩm thẻ. Cán bộ công chức có thể rút tiền mặt qua máy ATM, các POS, chi trả tiền hàng hóa dịch vụ được hưởng lãi suất trên số dư tài khoản.

Ngân hàng cần thương lượng với các đơn vị thụ hưởng như Bưu điện, nhà máy nước, chi nhánh điện v.v. thực hiện các hợp đồng thu hộ.

Ví dụ : các nhu cầu trả tiền thường xuyên hàng tháng cho các nhu cầu chi tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, chi cho con cái học hành v.v. của khách hàng ở đô thị hiện nay là rất lớn. Cán bộ công chức lĩnh thu nhập bằng tiền mặt và trực tiếp đi nộp tiền chi phí các dịch vụ nói trên nên rất mất thời gian. Do đó quy trình thanh toán qua NH cần thực hiện khép kín. Thu nhập của cán bộ công chức được chuyển thẳng từ KBQG vào tài khoản mở tại Ngân hàng, sau đó ngân hàng nhận các hóa đơn, UNT của đơn vị thụ hưởng, căn cứ vào hợp đồng thực hiện hình thức chi trả, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng. Định kỳ ngân hàng sao kê tài khoản, chuyển hóa đơn thanh toán và một liên UNT cho khách hàng.

3.3.2.3. Đối với chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương các cấp cần có sự hỗ trợ nhiều hơn cho các hoạt động quảng bá, mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn của mình. Các cán bộ lãnh đạo nên đi đầu, làm gương trong việc tạo thói quen sử dụng các dịch vụ thanh toán hiện đại, đặc biệt là thanh toán không dùng tiền mặt.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng thanh toán KDTM của Kho bạc Quốc gia Lào và định hướng chung của Đảng, Nhà nước, mục tiêu của ngành, luận văn đã đưa ra 9 nhóm giải pháp thiết thực và 2 nhóm kiến nghị đồng bộ với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan để phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, kiến nghị trên, thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần thực hiện tốt chức năng quản lý quỹ NSNN, các quỹ khác của Nhà nước, huy động vốn cho Ngân sách Nhà nước; đồng thời thúc đẩy TTKDTM trong nền kinh tế phát triển.

Trên cơ sở nội dung và kết quả nghiên cứu của 3 chương, Nghiên cứu sinh có thể rút ra những kết luận chung dưới đây.

KẾT LUẬN

Phát triển TTKDTM qua KBQG Lào góp phần quan trọng trong đổi mới và hiện đại hóa hệ thống Tài chính – Ngân hàng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia.

Với 3 chương luận án đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra, cụ thể:

1. Nghiên cứu những vấn đề có tính chất lý luận về TTKDTM trong các TCCƯDVTT trong đó có KBNN, nghiên cứu các phương tiện thanh toán, các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, cơ sở pháp lý, các chủ thể tham gia thanh toán, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thanh toán.

2. Tìm hiểu tình hình TTKDTM của một số nước phát triển trên thế giới, đúc rút kinh nghiệm đối với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

3. Phân tích cơ chế TTKDTM tại KBQG Lào, những mặt còn tồn tại của cơ chế đó. Nghiên cứu, thu thập số liệu hoạt động thanh toán của Kho bạc Quốc gia Lào từ năm tài khóa 2005/2006 đến năm tài khóa 2009/2010, đưa ra những nhận định, đánh giá, chỉ ra những tồn tại, bất cập của phương tiện và phương thức thanh toán, các điều kiện thanh toán và chỉ rõ nguyên nhân của những tồn tại, bất cập cần khắc phục.

4. Từ những cơ sở lý luận và thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại KBQG Lào được phân tích ở chương 1, luận văn đã đề ra 8 các giải pháp và 2 nhóm kiến nghị thiết thực và khả thi nhằm hoàn thiện và phát triển TTKDTM tại Kho bạc Quốc gia Lào góp phần hiện đại hóa hệ thống tài chính, ngân hàng theo quan điểm của Đảng và Nhà nước.

Luận án đề cập một cách toàn diện, có hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào, đây là vấn đề rộng và phức tạp nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Nhưng với tâm huyết của người làm nghiên cứu khoa học ứng dụng trong môi trường thực tế KBQG Lào đang trong quá trình đổi mới và hiện đại hóa công nghệ, tác giả hy vọng rằng công trình nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Kho bạc Quốc gia Lào.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (1994), *Thông tư số 23/BTC, ngày 30/3/1994 về quản lý thu chi NSNN qua KBQG.*
2. Bộ Tài chính (1995), *Điều lệ số 1369/BTC, ngày 20/12/1995 về quản lý và xử dụng quỹ tín dụng và tài trợ từ nước ngoài.*
3. Bộ Tài chính (1997), *công văn số 879/BTC, ngày 24/3/1997, về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục giấy tờ chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Quốc gia Lào.*
4. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 1161/BTC, ngày 6/8/2001, về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của vụ Kho bạc.*
5. Bộ Tài chính (2002), *Thông tư số 2397/BTC, ngày 26/11/2002, về hạn mức kinh phí NSNN.*
6. Bộ Tài chính (2005), *công văn số 2072, ngày 20/9/2005, về việc hướng dẫn quy trình nghiệp vụ thanh toán điện tử trong hệ thống Kho bạc Quốc gia Lào.*
7. Bộ Tài chính (2007), *Quyết định số 2500/BTC, ngày 15/10/2007, về cơ cấu tổ chức và hoạt động của KBQG.*
8. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư số 0723/BTC, ngày 20/4/2010 về trách nhiệm kiểm soát chi NSNN qua hệ thống Kho bạc.*
9. Bộ Tài chính, *Quyết định số 1706/QĐ-BTC, ngày 22/10/2001, về thể lệ chi tiêu Ngân sách Nhà nước.*
10. Cơ quan thông tin lý luận và nghiệp vụ của ngành Tài chính, “*Tạp chí tài chính*” số 7, số 9 năm 2005, số 5, số 10 năm 2006.
11. Chính phủ (1993) *Nghị định số 20/CP, ngày 18/02/1993, công bố áp dụng quy chế chung của kế toán Nhà nước.*
12. Chính phủ (1993), *Nghị định số 18/NĐ-CP ngày 17/02/1993 về việc thành lập Kho bạc Quốc gia Lào.*
13. Chính phủ (1993), *Nghị định số 25/NĐ-CP, ngày 18/02/1993 về việc tổ chức thực hiện luật NSNN.*

14. Chính phủ (2009), *Thông tư số 299/CP, ngày 20/5/2007, về việc ban*
15. Chính phủ (2010), *Nghị định số 295/NĐ-CP, ngày 01/6/2010, về Kho bạc Quốc gia.*
16. Chính phủ, *Nghị định 273/CP, ngày 20/9/2009, về chấp nhận và ban hành chiến lược phát triển hệ thống tổ chức Tài chính – Ngân hàng của CHDCND Lào từ năm 2009-2020.*
17. Chính phủ, *Nghị định số 175/CP, ngày 22/10/1996, về cung ứng và sử dụng séc.*
18. Chính phủ, *Thông tư số 384/BTK-CP, ngày 6/3/2009, về việc cho phép thanh toán tiền lương qua tài khoản cá nhân cho lực lượng An ninh – Quốc phòng.*
19. Dương Hữu Hạnh (MPA – 1973), *Ngân hàng Trung ương các vai trò và các nghiệp vụ, nhà xuất bản Lao động.*
20. *hành thanh toán tiền lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức hưởng lương từ NSNN.*
21. Kho bạc Nhà nước Việt Nam (2006), *Chế độ kế toán Ngân sách và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước, Nhà xuất bản Tài chính.*
22. Kho bạc Nhà nước Việt Nam, *Tạp chí quản lý ngân quỹ số 7, số 10, số 11 năm 2006.*
23. Kho bạc Quốc gia Lào (2007 – 2010), *Báo cáo hàng năm, Vientiane.*
24. Kho bạc Quốc gia Lào (2009), *Công văn số 1231/KBQG, ngày 9/02/2009, về việc hướng dẫn thực hiện thu Ngân sách Nhà nước ở cửa khẩu Quốc tế và cửa khẩu địa phương.*
25. Kho bạc Quốc gia Lào (2010), *Dự án lành mạnh hóa Tài chính công.*
26. *legal.khai tri.vn [Truy cập : 05/01/2001]*
27. Mai Bạ, *Tạp chí Khoa học đào tạo Ngân hàng, số 6/2004 về quản lý hoạt động TTBTM trong nền kinh tế thị trường.*
28. Mai Bạ, *Thanh toán ngân hàng trong Thương mại điện tử đến năm 2010, Kỷ yếu các công trình nghiên cứu khoa học ngành ngân hàng (quyển 4, NXB Thống kê, Hà Nội.*

29. Ngân hàng Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (2005, 2006, 2007, 2008), Báo cáo thường niên.
30. Ngân hàng Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (2008), *Đại hội Ngân hàng Nhà nước toàn quốc*.
31. Ngân hàng Trung ương Lào, *Báo cáo số 06/NHTU' ngày 21/04/2008 về tình hình tổ chức thực hiện quản lý ngoại tệ, khuyến khích sử dụng tiền kíp và TTKDTM năm 2007 và kế hoạch năm 2008*.
32. Nguyễn Hữu Tài, (2002) *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – tiền tệ*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
33. Nguyễn Ngọc Sâm “ *Mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt dựa trên nền tảng công nghệ thông tin tại Ngân hàng Thái Bình* ”, Luận án thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng Việt Nam, năm 2005.
34. Nguyễn Thị Thanh Hải “ *Giải pháp để mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam* ”, Luận án thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng Việt Nam, năm 2002.
35. Nguyễn Thị Thanh Hương (2005), *giáo trình kế toán Ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê*.
36. Nguyễn Việt Cường “*Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước*”, trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, năm 2001.
37. Phạm Đức Hồng, 2002, “*Hoàn thiện cơ chế phân cấp ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*”, Luận án tiến sỹ kinh tế trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
38. Phan Văn Dũng, 2001, “*Các biện pháp tăng cường quản lý thu, chi ngân sách các tỉnh duyên hải miền Trung*”, Luận án thạc sỹ kinh tế.
39. Quốc hội (2006), *Luật NSNN sửa đổi, bổ sung số 02/QH, ngày 26/12/2006*.
40. Quốc hội (2006), *Luật sửa đổi Ngân hàng Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, số 02/QH, ngày 26/12/2006*.
41. Quốc hội (2006), *Nghị định chống rửa tiền số 55/QH, ngày 27/03/2006*.

42. Quốc hội (2010), *Tổng kết 25 năm đổi mới của hệ thống ngân hàng Lào*.
43. Quốc hội (2010), *Tổng kết thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ VI của CHDCND Lào*.
44. Tô Kim Ngọc (2005), *Giao trình Lý thuyết tiền tệ - ngân hàng*, NXB Thống kê, Hà Nội.
45. Ủy ban các hệ thống thanh toán và quyết toán (2000), *đóng góp của các hệ thống thanh toán với ổn định tài chính* (The contribution of payment systems to financial stability).
46. Văn Tạo, 2009, *thanh toán không dùng tiền mặt, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, tạp chí Ngân hàng số 19.
47. Viện Tiền tệ Châu Âu (1996), *các hệ thống thanh toán trong liên minh Châu Âu*, Nhà xuất bản thống kê.
48. *Wikipede*

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Kham Pha PANEMALAYTHONG (2010), “ Một số giải pháp để thu hút dân cư mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng ”, *Tạp chí ngân hàng*, số 2, Vientiane.
2. Kham Pha PANEMALAYTHONG (2011), “ Một số giải pháp mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong dân cư ”, *Tạp chí ngân hàng*, số 3, Vientiane.